

THƯ VIỆN T.Đ. CÁN THẠ

T	VV 5074
N	1991

TRÍCH GIẢNG VĂN HỌC

LỚP
PHỔ THÔNG

8



Nhà xuất bản Giáo dục
* 1985

TR 302

TRÍCH GIẢNG VĂN HỌC

LỚP TÂM PHỔ THÔNG

Hệ 12 năm

(In lần thứ mười một).



Nhà xuất bản Giáo dục

* 1985



TR 302



TR 302

TR 302

TR 302

A – VĂN THƠ DÂN GIAN

TỤC NGŨ, CA DAO VỀ GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

- Bà con vì tổ vì tiên, không ai bà con vì tiền vì gạo.
- Chẳng tham nhà ngói ba tòa,
Tham vì một hời mẹ cha anh hiền.
- Một mặt người hơn mười mặt ruộng⁽¹⁾
- Yêu trẻ, trẻ đến nhà,
Kính già, già để thời cho.
- Con hơn cha là nhà có phúc.
- Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
- Người như hoa, ở đâu thơm đó⁽²⁾
- Khôn ngoan đá đáp người ngoài,
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.
- Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.
- Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ⁽³⁾.
- Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh.
- Làm trai cho đáng nên trai,
Xuống đồng đồng tỉnh, lên đời đời yên.

Chú thích:

(1) Có nơi câu này đọc là: « Một mặt người hơn mười mặt của ».

(2) Câu tục ngữ này thể hiện sự quý trọng, niềm tự hào chân chính về con người.

(3) Cũng nói: « Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ ».

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Em chọn và giải thích những câu tục ngữ nói lên truyền thống đoàn kết của nhân dân ta từ xưa đến nay.
2. Qua những câu tục ngữ trên, em thấy nhân dân ta ca ngợi những đức tính gì? Quan hệ trong gia đình và quan hệ xã hội thời xưa được thể hiện như thế nào trong tục ngữ?
3. Nhận xét về cách diễn đạt trong những câu tục ngữ trên đây. Phân tích cách đối ý, đối lời, cách gieo vần, cách dùng hình ảnh để thấy rõ nhân dân ta đã bộc lộ cảm nghĩ qua tục ngữ ra sao?

CA DAO CHỐNG MĨ, CỨU NƯỚC

Một lời nguyện với nước non
Cẩn rằng giữ lấy cờ son sao vàng.
Cho dù giặc Mĩ trăm tay
Quyết không chia được đất này làm hai
Cho dù cạn nước Đồng Nai,⁽¹⁾
Nát chùa Thiên Mụ⁽²⁾ không sai tắc lòng.
« Sầu riêng » ai khéo đặt tên,
Ai sầu không biết, riêng em không sầu!
Mĩ phun thuốc độc năm nào,
Sầu riêng rụng lá tưởng đâu chết rồi!
Hiên ngang cây đứng giữa trời,
Một cành lá rụng vạn chồi mọc lên.
Đất đây, rễ bám sâu thêm
Bão lay chẳng chuyển, bom lên chẳng rung
Đất trời Nam Bộ mệnh mông,
Người không khuất phục, cây không ứa sầu.
« Lẽ loi như cụm núi Sầm,
Thản nhiên như mặt nước đầm Ô Loan »⁽³⁾
Từ ngày giặc Mĩ kéo sang,
Núi Sầm lửa dậy, Ô Loan sóng trào.

Quê mình tay súng, tay dao,
Đắm sâu làm huyết, đôi cao làm mồ.
Vui thấy Mĩ nguy còn đồ,
Chôn mưu thâm độc, diệt trừ gian ngoan...

Chú thích :

- (1) Sông Đồng Nai : tên một con sông ở Nam Bộ, chảy qua thành phố Hồ Chí Minh. Đồng Nai nguyên là tên đất.
- (2) Chùa Thiên Mụ : tên một ngôi chùa ở Huế (Bình Trị Thiên).
- (3) Câu ca dao cũ (núi Sầm, đầm Ô Loan ở tỉnh Phú Khánh).

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Hãy tìm dẫn chứng trong những câu ca dao trên để chứng minh : đồng bào miền nam một lòng son sắt hướng về Cách mạng và đấu tranh bất khuất cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước?

Những câu ca dao trên đã nêu lên những tội ác gì của giặc Mĩ khi chúng xâm lược miền nam nước ta?

2. Phân tích bốn câu sau :

« ... Đất trời Nam Bộ mệnh mông
Người không khuất phục, cây không ứa sầu
... Từ ngày giặc Mĩ kéo sang,
Núi Sầm lửa dậy, Ô Loan sóng trào »

Để thấy sức mạnh quật khởi của nhân dân ta chống giặc Mĩ xâm lược được diễn tả qua những hình ảnh đẹp đẽ, sinh động.

BÀI ĐỌC THÊM

LÒNG DÂN ĐỐI VỚI BÁC HỒ

Dù cho giặc chiếm đất đai
Chiếm sao cho được lòng người miền Nam
Dù cho biển cạn non mòn
Lòng dân Thuận Hóa⁽¹⁾ vẫn còn trơ trơ

Vẫn là dân của Cu Hồ
 Trọn đời theo mãi ngọn cờ vàng sao.
 — Trắng trên trời khi tròn khi khuyết,
 Nước dưới sông tiết đục, tiết trong⁽²⁾
 Miền nam muôn thuở một lòng,
 Nhớ ơn Cách mạng, nhớ công Bác Hồ.
 — Vùng Tây Nguyên rừng thiêng nước độc
 Tám chín năm ở với Bác Hồ lửa mọc đầy nương
 Ba năm ở với « quốc gia »⁽³⁾ khổ sở trăm đường
 Nay bắt phu, mai bắt lính, nói gạt nói lường hại dân.

Chú thích :

- (1) Thuận Hóa : Huế.
 (2) Tiết : (khúc, đợt) ở đây nhân dân ta dùng tiết để nói về thời gian, ta có thể hiểu :
 Nước dưới sông lúc đục, lúc trong.
 (3) Quốc gia : (Nước nhà) ở đây chỉ chính quyền Ngô Đình Diệm vì bọn Diệm
 thường tự xưng là « quốc gia ».
 (Câu ca dao này lưu hành dưới thời Ngô Đình Diệm).

ĐỀN HÙNG VÀ THÀNH THĂNG LONG

1. Ai lên Phú Thọ thì lên⁽¹⁾
 Lên non cờ tích, lên đền Hùng Vương.
 Đền này thờ tổ Nam Phương,
 Quy mô trước đã sửa sang rõ ràng.
 Ai ơi nhận lại cho tường,
 Lối, lên đền Thượng⁽²⁾ sân đường xi măng.
 Lên cao chẳng khác đất bằng
 Đua nhau lũ lượt lên lăng vua Hùng.
2. Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ
 Xem cầu Thê Húc, xem chùa Ngọc Sơn⁽³⁾
 Đai Nghiên, Tháp Bút chưa sờn
 Hỏi ai gây dựng nên non nước này ?

3. Rủ nhau chơi khắp Long Thành
 Bốn mươi sáu phố rành rành chẳng sai :
 Hàng Bồ, hàng Bạc, hàng Gai,
 Hàng Buồm, hàng Thiếc, hàng Bài, hàng Khay.
 Mã Vĩ, hàng Điều, hàng Giày,
 Hàng Lờ, hàng Cốt, hàng Mây, hàng Đàn,
 Phố Mới, Phúc Kiến, hàng Than,
 Hàng Mã, hàng Mắm, hàng Ngang, hàng Đồng.
 Hàng Muối, hàng Nón, Cầu Đông,
 Hàng Hòm, hàng Đậu, hàng Bông, hàng Bè,
 Hàng Thùng, hàng Bát, hàng Tre,
 Hàng Vôi, hàng Giấy, hàng The⁽⁴⁾, hàng Gà
 Quanh đi đến phố hàng Da,
 Trải xem phường phố, thật là cũng xinh.
 Phồn hoa thứ nhất Long Thành.
 Phố giảng mắc cửi, đường quanh bán cờ.
 Người về nhớ cảnh ngàn ngơ,
 Bút hoa xin chép văn thơ lưu truyền.

Chú thích :

- (1) Bài : trích ở tập, Ca dao Việt Nam trước cách mạng — 1963.
 (2) Đền Thượng : đền Hùng xây trên núi gồm nhiều đền : dưới thấp là đền Hạ,
 giữa là đền Trung, trên ngọn là đền Thượng.
 (3) Đền Ngọc Sơn : đền Ngọc Sơn có từ đời nhà Trần, bị phá mấy lần, được xây
 lại từ cuối đời Lê ; cầu Thê Húc, đài Nghiên, tháp Bút là những kiến trúc phía ngoài
 được xây lại từ đời Tự Đức.
 (4) Hàng The : tức là hàng Đào Hà Nội.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Phân tích những hình ảnh miêu tả di tích đền thờ vua Hùng, người có công dựng
 nước, và phân tích thái độ trân trọng của người đời sau đối với tổ tiên.
2. Cảnh Thăng Long, thủ đô xưa của nước ta được miêu tả như thế nào ? Ca dao
 Việt Nam có lời tả cụ thể mà duyên dáng. Hãy chứng minh điều đó ?
3. Phân tích tình cảm của con người Việt Nam đối với tổ tiên, đất nước (ở hai
 câu cuối).

HỒ HUẾ

(Theo điệu mái nhì, mái đẩy)

QUÊ HƯƠNG

- Đò từ Đông Ba, đò qua Đập Đá,
Đò từ Vĩ Dạ, thẳng ngã ba Sinh ⁽¹⁾
Lờ đờ bóng ngà trắng chênh,
Tiếng hò xa vọng, nhẩn tình nước non.
- Chiều chiều trước bến Văn Lâu ⁽²⁾,
Ai ngồi, ai câu,
Ai sầu, ai thảm,
Ai thương, ai cảm,
Ai nhớ, ai trông
Thuyền ai thấp thoáng bên sông
Đưa câu mái đẩy, chạnh lòng nước non.

TÌNH NGHĨA BẮC NAM

- Nước sông Hiền Lương không phân đường ranh giới
Ngọn gió Cửa Tùng ⁽³⁾ chung thổi cả bắc nam
Kẻ nào mưu mô chia rẽ đất nước ra đôi đảng
Nhân dân sẽ căm thù muôn kiếp, non nước sẽ oán
hờn ngàn thu.
- Ai lên rừng cho em xin miếng gỗ trắc
Gửi ra ngoài bắc, khắc bốn câu thơ:
Câu thương, câu nhớ, câu đợi, câu chờ
Ngoài nớ lo kiến thiết thì trong nì cũng hàng giờ
đấu tranh

Chú thích:

(1) Đông Ba, Đập Đá, Vĩ Dạ, ngã ba Sinh: Tên những địa điểm ở Huế (Bình Trị Thiên).

(2) Đây là một bài ca dao trữ tình, cảm thán nỗi nước mắt nhà tan một cách kín đáo nên vẫn thường được hò một cách công khai trong thời kháng chiến chống Pháp.

Chú ý mấy tiếng: « Chạnh lòng nước non! » ở cuối câu hò.

(3) Cửa Tùng: tên cửa sông Bến Hải (Bình Trị Thiên) chảy ra biển.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Phân tích những hình ảnh cụ thể, tế nhị nói lên lòng yêu nước của nhân dân ta qua bài dân ca « Quê hương ».

Nhân dân ta có dụng ý gì qua cách dùng các điệp khúc « nhẩn tình nước non », « chạnh lòng nước non » (cuối câu hò) ?

2. Những người đặt ra câu hò đã dùng những từ và hình ảnh nào để nói lên ý dân tộc ta là một, nước ta là một ?

Mối thù của nhân dân ta đối với đế quốc Mĩ và bè lũ tay sai được diễn tả như thế nào ?

3. Hãy làm một số câu ca dao ca ngợi cảnh đẹp của quê hương mình.

DÂN CA NAM BỘ

LÍ CÂY LỰU

Mảng vui cơm tấm, ổ rơm
Tuy rằng cũ kĩ mà thơm sạch lòng
Hơn ai gạo tấm, lâu hồng
Dem thân luồn củi vào vòng lợi danh

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Qua bài dân ca « Lí cây lựu », hãy chứng minh rằng dân ca là tiếng nói giản dị kín đáo, sinh động của tình cảm.

2. Bài dân ca đã ca ngợi và phê phán những gì ?

TUỒNG «NGHÊU, SÒ, ÓC, HÈN»

Tuồng đồ⁽¹⁾ là một loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian đặc sắc. Dạng tiếng cười lâm vũ khi phê phán sắc bén, tuồng đồ thường đưa lên sân khấu bốn quan lại phong kiến, cường hào, lý dịch, địa chủ ở nông thôn trước kia với tất cả những thói hư tật xấu đồi bại của chúng để châm biếm đả kích và phê phán. Ngoài ra một số vở còn đề cao những phẩm chất tốt đẹp của quần chúng nhân dân. Tính chất trào phúng, sự ngắn gọn là những đặc điểm nổi bật của nghệ thuật tuồng đồ. Tuy còn một số hạn chế về nội dung (chưa chia mũi nhọn vào bốn phong kiến lớp trên...), về nghệ thuật (xây dựng kết cấu...), tuồng đồ với tính chất hiện thực sâu đậm, tính chất phản phong mạnh mẽ, tính chất trào phúng đặc sắc, đã trở thành một loại hình sân khấu dân gian được quần chúng nhân dân lao động yêu thích.

Vở tuồng đồ *Nghêu, Sò, Ốc, Hèn*⁽²⁾ xuất hiện từ lúc nào thì hiện nay chưa xác định được, chỉ biết vở tuồng được diễn nhiều ở miền Trung (nhất là vùng Huế, Quảng Nam) từ trước hồi thuộc Pháp và được truyền miệng rộng rãi ở nông thôn.

(1) *Tuồng đồ* : Tuồng dân gian truyền miệng, khác tuồng pho (có tác giả).

(2) *Tóm tắt nội dung câu chuyện* :

Tên trộm Ốc và thầy bói Nghêu ăn trộm áo quần của trùm Sò, bán cho Thị Hèn. Thị Hèn bị bắt quả tang. Lý trưởng đòi ăn tiền của Thị, Thị không chịu. Thế là đem nhau đến cửa quan. Trước nhan sắc của Thị Hèn, thầy đẽ và quan huyện đều ngây ngất. Vì thế Thị Hèn được xử là mua nhầm nên vô tội, còn những người khác đều bị đòn roi ở cửa công. Sau bao lần chạy chọt, tồn không biết bao nhiêu lễ lạy, khổ chủ trùm Sò cũng đành viết cái giấy nhận « tang vật » để cho cửa cái hắt ta mắt trộm vào nằm gọn trong hòm quan. Vở tuồng không chỉ dừng lại ở đây, tác giả đã nghĩ ra một cách kết thúc thú vị. Thị Hèn bị cả ba người : quan huyện, thầy đẽ, thầy lý (lý trưởng) quây rây bên nghĩ ra một kế. Chỉ hèn quan huyện, thầy đẽ, thầy lý đến nhà chị, mỗi người cách nhau mấy phút. Thế là xảy ra cuộc chạm trán không tránh được. Tiếp đến bà huyện và cô đẽ kéo tới đánh ghen một trận nên thân. Đáng đời bọn tham lam và hiên sắc !

Khai thác đề tài ngay trong sinh hoạt xã hội bình thường phổ biến ở nông thôn Việt Nam thời xưa, vở tuồng đã vạch trần bộ mặt thật thối nát và tàn nhẫn của những nhân vật đại diện cho chính quyền phong kiến (ăn tiền bần thiêu, dâm dăng...), dựng nên một bức tranh châm biếm sinh hoạt và khái quát về những con người và sự việc xấu xa đồi bại của một xã hội thối nát đến cực độ, xã hội phong kiến Việt Nam ở thời kỳ suy vong. Vở tuồng có nhiều thành công trong việc sử dụng nghệ thuật trào phúng, gây được những tiếng cười thâm thúy, giàu tính chất phê phán xã hội phong kiến, làm phong phú cho nghệ thuật sân khấu dân tộc. Tuy còn có lúc đứng trên quan điểm đạo đức nho giáo để phê phán, vở tuồng vẫn giàu tính chất hiện thực, tiêu biểu cho tinh thần chống phong kiến của nhân dân ta và cho nghệ thuật sân khấu dân gian.

BÀI ĐỌC THÊM

QUAN HUYỆN XỬ KIỆN

Quan huyện, thầy Lại ra, lĩnh lễ thưa :

LINH LÊ : Dạ.

QUAN HUYỆN : Dân bọn nó vào.

NGHÊU : ... Anh Cứu ơi ! cho tôi gửi đôi guốc với anh Cứu !

LINH LÊ : Tao đi giữ guốc cho mày à ?

NGHÊU : Tội quá anh ạ, chỗ nhà môn⁽¹⁾, hờ cái gì thì mất cái ấy, anh làm ơn cho tôi gửi một chút.

(Rồi Nghêu lẫn vào quý trước mặt quan huyện)

NGHÊU : Dạ bẩm con xin ra hầu quan.

QUAN HUYỆN : Nghe quan nói : Thân đui mù sao dám làm lỗi thời. Công việc thế nào phải khai thiết cho quan xét xử.

NGHÊU: — Bầm quan lớn con đây:

Đui hai mắt, của con con giữ
Mà giữ còn chưa được thay
Hưởng hồ mà đi ăn trộm của người ta.

— Xin quan lớn xét cho:

Có mấy đời thầy bói gian tà?
Cúi đầu lay quan trên xét xử.

QUAN HUYỆN: Như thằng này

Cây thế đui chẳng sợ
Rõ việc bày cử làm
Như vậy là có ý gian tham

Lệ đâu? Đè cổ xuống đánh cho ba chục roi.

(Lệ đánh, Nghêu giả chết, quan bảo đánh nữa)

NGHÊU: Dạ, da đề con khai, con chưa chết đâu.

— Như con là:

Vì bói một quẻ nên quen chủ Ốc
Hẹn cùng nhau được của thì chia.

— Còn việc đốt nhà thì:

Cũng bởi tại ai kia
Vốn thiệt con không biết!

Trăm lay, quan lớn đèn trời soi xét cho con nhờ

QUAN HUYỆN: Lệ! Dẫn thằng Ốc ra!

ỐC: Bầm quan lớn:

Con là dân lương thiện
Có lệnh bắt đến hầu
Chuyện ăn trộm biết đâu
Nhờ quan trên xét xử.

QUAN HUYỆN: Mặt mày xem rất dữ

Quả là đứa hung tàn

Lệ đâu! Nọc thẳng ra cứ kháo vào xương!

Nếu mà: không khai ắt phải mang trọng tội (2)

(Lệ nọc Ốc ra đánh đòn)

ỐC: Đau quá quan lớn ơi! mù Hến ơi là mù Hến ơi!

Mày là con chết chủ

Giám khai báo động lây...

Xong cái vụ này tao về tao đốt cái nhà mày.

THỊ HẾN: Chú đừng nhiều chuyện

Tôi chẳng chịu thua

Chú có bán tôi mua

Đề đâu không mà tôi nói có...

QUAN HUYỆN: Thôi bọn này nghe quan xử đây:

Tên thầy bói mất mù nhà khó

Mới một phen quan cũng thứ tha.

NGHÊU: Dạ đội ơn quan, con đại con làm một chuyến thôi

Dạ bầm lay quan lớn, con xin đội ơn quan lớn.

QUAN HUYỆN: Còn thằng Ốc!

Đã trộm đồ mà lại đốt nhà

Truyền giam lại sẽ toan kết án!

Lệ đâu! Dẫn nó xuống nhà giam!

(Linh lệ dẫn Ốc vào)

QUAN HUYỆN: Còn Thị Hến thì:

Mua lầm của kẻ gian để bán

Quan đề ngày mai xử cho tiện...

TRÙM SÒ: Dạ bầm quan! còn cửa của con nhờ quan...

QUAN HUYỆN: Còn trùm Sò thì:

Cửa vật này nguyên chủ phát hoàn (3)

(Sò nghe nói chạy lại nhận đồ)

QUAN HUYỆN: Khoan đã! mày tưởng quan ngồi đây, miệng
nói, tay roi có của cho mày sao?

TRÙM SÒ: Dạ con biết...

QUAN HUYỆN: Cho ra ngoài làm tờ khai rồi

Mai sớm sẽ vào đây nhận lãnh.

MÀN — HẠ

Trích tuồng Nghêu, Sò, Ốc, Hến

(Đoàn tuồng Liên khu 5 sưu tầm, chỉnh lí

với sự cộng tác của Hoàng Châu Ký)

Chú thích:

(1) Nha môn : (Cửa quan) tức là chỗ quan làm việc.

(2) Trọng tội : Tội to, tội rất nặng.

(3) Nguyên chủ phát hoàn : trả lại cho chủ cũ.

ÔN TẬP VĂN THƠ DÂN GIAN

I — TRUYỆN CỔ DÂN GIAN

Truyện cổ dân gian gồm các loại truyện như thần thoại, cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn v.v... Thần thoại chủ yếu là truyện phản ánh cuộc đấu tranh chinh phục thiên nhiên, nhân vật trong truyện là Thần (Sơn tinh — Thủy Tinh, Thần sét...). Truyện cổ tích ra đời khi xã hội có giai cấp nên nội dung của nó phản ánh cuộc đấu tranh xã hội về mọi phương diện. (Truyện Tấm Cám, Cây Khế...). Truyện cười nhằm mục đích phê phán những thói hư tật xấu trong nhân dân, hay đã kích một cách sâu cay tính chất bóc lột và xảo trá của giai cấp thống trị cùng bọn tay sai đắc lực của chúng như quan lại, cường hào gian ác. Truyện ngụ ngôn thường mượn truyện sự vật để nói về người, thường nêu lên một nhận xét về thực tế xã hội hay đề ra một quan niệm về cuộc đời (Thỏ và Rùa...).

NỘI DUNG TRUYỆN CỔ DÂN GIAN

1. Truyện cổ dân gian có quan hệ với lịch sử và nói lên lòng yêu nước thương nòi của nhân dân ta.

Nhân dân ta vốn có truyền thống yêu thương, đùm bọc lâu đời. Hễ có giặc ngoại xâm, mọi người, già trẻ, lớn nhỏ đều đứng dậy bảo vệ đất nước. Có từ « đồng bào » vì có sự tích Âu Cơ đẻ bọc trứng, có thương yêu đùm bọc mới có sự tích

trăm trứng cùng ở trong một bọc. Có cậu bé làng Gióng vì có truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm.

Những truyện Thánh Gióng, An Dương Vương, v.v... đều có dính dáng đến những chặng đường lịch sử nhất định. Nhiều khi nhân vật truyện cổ lại có quan hệ mật thiết với nhân vật lịch sử. Thí dụ An Dương Vương thông gia với Triệu Đà. Điều quan trọng là nhiều truyện như vậy đã nói lên lòng yêu nước thương nòi của nhân dân ta trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập dân tộc.

2. Truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn đều có tính chất phê phán sâu sắc.

Bên cạnh cuộc đấu tranh chinh phục thiên nhiên, đấu tranh giai cấp cũng diễn ra khi âm thầm khi gay gắt trong truyện cổ dân gian. Tinh thần đấu tranh chống giai cấp phong kiến bóc lột được thể hiện qua nhiều truyện cổ, tiêu biểu là truyện Tấm Cám. Có thể nói, truyện cổ dân gian là kho tàng chứa đựng bài học đã kích giai cấp thống trị bóc lột với mọi thời gian tham lưã đảo xâu xé Trời, Phật trong truyện cổ thường đứng về phía thiện, phía chính nghĩa để chống gian tà, độc ác.

3. Truyện cổ dân gian phản ánh tâm tư, ước vọng của nhân dân trong cuộc sống.

Trong cuộc sống mặc dù còn gặp rất nhiều khó khăn gian khổ, nhưng nhân dân ta không hề bi quan. Họ giấu ước mơ nên luôn luôn phản ánh ước mơ của mình qua những hình ảnh sáng tạo phi thường. An Tiêm có cả một hải dương hạm. Thạch Sanh có một niêu cơm thần đãi quân tướng mười lăm nước ăn mãi không hết. Người ta ước cổ ngựa sắt phun lửa, có nữ thần giết giặc.

Ý nghĩa những truyện đó không ngoài lòng mong mỏi của người lao động đời xưa muốn sản xuất tốt, chinh phục thiên nhiên và đấu tranh chống áp bức bóc lột có hiệu quả hơn.

NGHỆ THUẬT TRUYỆN CỔ DÂN GIAN

Mỗi loại truyện cổ dân gian đều có đặc trưng và giá trị nghệ thuật của nó. Trong thần thoại (như *Sơn Tinh Thủy Tinh*), người kể lấy Thần làm nhân vật trung tâm. Hoạt động của con người thông qua Thần, là hình ảnh tập trung sức mạnh, trí tuệ... Ở cổ tích, người kể lấy Thần làm thế lực hỗ trợ cho người (Phật trong *Tám Cám*, hiện lên để giúp Tấm).

Trong truyện cười, với cách kết cấu ngắn gọn, cách sử dụng nghệ thuật cường điệu, phóng đại, kết thúc thường bất ngờ... làm cho bản chất cuộc sống được bộc lộ sâu sắc.

Nghệ thuật nổi bật ở truyện ngụ ngôn là lối so sánh bóng gió (thường gắn với loài vật), cách diễn đạt nội dung kín đáo, sâu sắc: *Thỏ và Rùa*, *Trí khôn của ta đây*, v.v..

Truyện cổ dân gian của nước ta được xây dựng bằng hình ảnh đẹp, tình tiết đơn giản, dễ nhớ. Kết cấu của truyện chặt chẽ, gây ấn tượng sâu sắc.

II — TỤC NGŨ, CA DAO, DÂN CA

Trong kho tàng văn thơ dân gian nước ta, tục ngữ, ca dao, dân ca chiếm một vị trí quan trọng.

NỘI DUNG TỤC NGŨ, CA DAO, DÂN CA

1. Tục ngữ, ca dao, dân ca với lao động sản xuất.

Nhân dân ta lâu đời sống bằng nghề nông đã phải đấu tranh gian khổ để chinh phục tự nhiên, để biến sỏi đá thành cơm gạo. Tục ngữ, ca dao, dân ca xuất hiện trong quá trình lao động cần cù dũng cảm đó của ông cha ta. Nhiều câu tục ngữ, ca dao, dân ca nói về thời tiết, chài lưới, chăn nuôi, nhất là trồng trọt:

« Mùa hè đang nắng, cỏ gà trắng thì mưa » hay « Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống » hoặc « Ăn kĩ no lâu, cày sâu tốt lúa » hoặc là « Làm ruộng theo năm, nuôi tằm theo lứa ».

Có những câu ca, bài hát nói về kinh nghiệm sản xuất, về công việc lao động, về lịch nông nghiệp, ngư nghiệp... Đặc biệt có những bài ca gọi nghề, vực trâu. Nẻo rừng, góc bể, trên đồng, dưới sông, đâu đâu cũng vang lên giọng hát, câu hò của người lao động.

Ca dao, dân ca, vốn bắt nguồn từ công việc và động tác lao động, từ nguồn cảm hứng khi lao động, rồi trở lại phục vụ và động viên lao động.

2. Tục ngữ, ca dao, dân ca với quan hệ gia đình, xã hội và đấu tranh giai cấp.

Dưới chế độ cũ, nông dân chống lại sự ràng buộc của mọi phong tục, tập quán cổ hủ, náo ma chay, cheo cưới, việc làng, việc họ với nạn « xoi thịt » nặng nề. Họ chống vua chúa, quan lại, chống tư địa chủ « ngồi mát ăn bát vàng ».

Với cái thế vững vàng như « kiềng ba chân », như « ba cây chum lại », người nông dân đã đoàn kết đấu tranh chống lại giai cấp thống trị. Tinh thần đấu tranh kiên quyết, tinh thần lạc quan của nông dân ta là những truyền thống quý báu mà ca dao, dân ca đã ghi lại.

3. Ca dao, dân ca với đời sống tình cảm của nhân dân lao động.

Nhân dân ta có một tâm hồn nghệ sĩ. Họ ca ngợi cảnh đẹp đất nước, cảnh đẹp thiên nhiên, cảnh đồng ruộng bát ngát dưới ánh hồng ban mai, cảnh sông Hương « gió đưa cành trúc la đà... »

Những cảnh vật cụ thể ấy được họ ca ngợi để rồi lắng đọng lại trong tâm hồn yêu nước thiết tha:

« ... Lờ đờ bóng ngả trắng chênh
Tiếng hò xa vọng nhẩn tình nước non ».

Yêu nước còn là yêu đồng bào, yêu dân tộc, « người trong một nước thì thương nhau cùng ». Từ tình cảm rộng lớn ấy cho đến tình cảm trong gia đình đều thấm đượm trong con người lao động. Họ ca ngợi mỗi tình thâm thiết, như mối tình mẹ con:

« Vẳng nghe chim vịt kêu chiều,
Bâng khuâng nhớ mẹ, chín chiều ruột đau! »

hay mối tình vợ chồng:

« Đói no có thiếp có chàng... »

và ngay cả mối tình đối với con trâu:

« Trâu ơi ta bảo trâu này »...

Tình cảm người nông dân lao động là tình cảm lành mạnh, trong sáng như những « hòn ngọc » trong ca dao, dân ca vậy.

thuongmaitrue.com.vn

NGHỆ THUẬT TỤC NGŨ, CA DAO, DÂN CA

1. Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, rắn chắc, có vần, có điệu, đối thanh, đối ý, đối lời:

« Giơ cao đánh khẽ »; « Ăn vóc học hay ».

2. Ca dao, dân ca của ta từ trước đến nay có ba cách thể hiện nên chia ra làm ba thể: phú, tỉ, hứng.

— Phú có nghĩa là phô bày, miêu tả một cách trực tiếp bằng những chi tiết chân thực của cuộc sống. Ví dụ: bài *Linh thú đời xưa*:

« Ngang lưng thì thắt bao vàng,
Đầu đội nón dẫu vai mang súng dài.
Một tay thì cắp hỏa mai
Một tay cắp giáo quan sai xuống thuyền
Thùng thùng trống đánh ngũ liên
Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa... »

— Tỉ là so sánh ví von. Thể tỉ trong ca dao, dân ca thể hiện mức độ tinh luyện của ngôn ngữ hình tượng, lời nói ví von của nhân dân ta.

Ví dụ:

« Thân em như chẹn lúa đông đông,
Phất phơ dưới ngọn nắng hồng buổi mai... »

— Hứng là cách đi từ sự vật kêu gọi cảm hứng, tức là lôi lấy cảnh ngụ tình:

« Đò từ Đông Ba, đò qua Đập Đá,
Đò từ Vĩnh Dạ, thẳng ngã ba Sinh.
Lờ đờ bóng ngả trăng chênh,
Tiếng hò xa vọng, nhẩn nhè nước non ».

Tục ngữ, ca dao, dân ca là kho mĩ từ của tiếng Việt. Chúng ta sẽ gặp ở đây lối trùng điệp, lối ẩn dụ, lối phóng đại... Tục ngữ thường sử dụng thể thơ bốn chữ. Ca dao, dân ca thường sử dụng thể lục bát hoặc lục bát biến thể.

III — NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU DÂN GIAN

Sân khấu dân gian nước ta ngày xưa có các loại như múa rối, chèo, tuồng đồ (1)...

Chèo là một hình thức sân khấu dân gian rất phổ biến ở miền Bắc, ngày nay vẫn tiếp tục phát triển.

Trong sân khấu dân gian, tuồng đồ giữ vị trí khá quan trọng, nhất là ở miền Nam nước ta. Tuồng đồ đã đi sâu vào thôn xóm Việt Nam, là vũ khí sắc bén đấu tranh chống gian tà, đề cao chính nghĩa. (Tuồng « Nghêu, Sò, Ốc, Hến »). Mĩ thuật dân gian được tập trung trong sân khấu dân gian nhất là tuồng đồ, một hình thức nghệ thuật đại chúng.

IV — KẾT LUẬN

Văn thơ dân gian của ta có một vị trí quan trọng trong nền văn học nước nhà. Ngày nay đọc truyện cổ dân gian chúng ta vẫn học tập được tinh thần lao động cần cù và chiến đấu bền bỉ của ông cha chúng ta xưa kia. Đặc biệt hiện nay trên bước đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, ca dao và dân ca vẫn không ngừng phát triển, kế tục và phát huy những truyền thống tốt đẹp của ca dao, dân ca thời trước.

Chú thích :

(1) Tương đối. Xem chú thích ở bài tường « Nghêu, Sò, Ốc, Hèn ».

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP

1. Truyện cổ dân gian có những giá trị gì về nội dung và hình thức nghệ thuật?
2. Tại sao nói : Tục ngữ, ca dao, dân ca là tâm hồn của nhân dân lao động, là một pho sử của đất nước, là cuốn sách kinh nghiệm sản xuất, chiến đấu của ông cha ta từ ngàn xưa để lại?
3. Nghệ thuật của truyện cổ dân gian, tục ngữ, ca dao, dân ca có những đặc điểm gì? Phân tích và chứng minh.

B — VĂN THƠ CỔ

SÔNG NÚI NƯỚC NAM

Sông núi nước Nam vua Nam ở,
Rành rành định phận ở sách trời.
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm?
Chúng bây sẽ bị đánh tơi bời.

(Theo bản dịch của « Lịch sử Việt Nam »
tập I — Nhà xuất bản Khoa học xã hội)

Nguyên văn chữ Hán :

Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

LÍ THƯỜNG KIẾT

LÍ THƯỜNG KIẾT

(1019 — 1105)

Lí Thường Kiệt ở thôn An Xá sau đổi là Cơ Xá, huyện Quảng Đức (nay là Phúc Xá ở khu vực phía nam hồ Tây Hà Nội). Ông nguyên họ Ngô tên Tuấn, tự là Thường Kiệt, sau được ban quốc tính là họ Lí, lấy tự làm tên thành Lí Thường Kiệt.

Ông sinh năm 1019 mất năm 1105, làm quan đến thái úy, khi mất ông được phong tước Việt quốc công. Năm 1076, nhà Tống sai Quách Quỳ và Triệu Tiết chỉ huy 10 vạn quân cùng hội quân với hai nước Chiêm Thành và Chân Lạp chia đường sang xâm lược Việt Nam. Tháng chạp năm ấy, Lí Thường Kiệt đem quân đánh chặn quân Tống ở sông Như Nguyệt (tức sông Cầu, tỉnh Hà Bắc).

Bài thơ này Lí Thường Kiệt nói là của thần ban cho. Nó có ý nghĩa như một bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta, xác định chủ quyền của người nước Nam và khẳng định sự thất bại của quân xâm lược, do đó bồi dưỡng tinh thần quyết tâm chống giặc bảo vệ đất nước của quân lính.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Những chi tiết nào khẳng định chân lí « nước Việt Nam của người Việt Nam » ? Phân tích và xác định ý nghĩa, giá trị của những chi tiết ấy.

2. Ngoài những chi tiết, hình ảnh xác đáng, bài thơ còn có cách lập luận, chặt chẽ, hùng hồn nói lên ý chí chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc và niềm tự hào sâu sắc. Hãy phân tích và chứng minh điều đó.

3. Vì sao có thể coi bài thơ « Sông núi nước Nam » là một bản tuyên ngôn độc lập ? Xác định vị trí lịch sử của bài thơ. Chứng minh rằng dân tộc ta từ xưa đến nay đã thực hiện đúng tinh thần lời tuyên ngôn độc lập đầu tiên ấy.

HỊCH TƯỚNG SĨ

Ta thường nghe : Kì Tín (1) đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao đề ; Do Vu (2) chia lưng chịu giáo che chở cho Chiêu vương ; Dư Nhượng (3) nuốt than để báo thù cho chủ ; Thân Khoái (4) chặt tay để cứu nạn cho nước ; Kinh Đức (5), một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thê Sung ; Cao Khanh (6), một bề tôi xa, miệng mắng Lặc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc. Từ xưa, các bậc trung thần nghĩa sĩ, bỏ mình vì nước, đời nào không có ? Gia sử các bậc đó cứ khư khư, theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao cho lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được !

Các người con nhà võ tướng, không hiểu văn nghĩa, nghe những chuyện ấy nửa tin nửa ngờ. Thôi những chuyện xưa, ta không nói đến nữa. Nay ta chỉ kể chuyện Tống Nguyên (7) mới đây :

Vương Công Kiên (8) là người thế nào ? Tì tướng của y là Nguyễn Văn Lập (9) lại là người thế nào, mà giữ thành Điều Ngự (10) nhỏ như cái đầu, đường đường chống với quân Mông Kha (11) đông đến hàng trăm vạn, khiến cho nhân dân đời Tống đến nay còn đời ơn sâu ? Cốt Đãi Ngột Lang (12) là người thế nào ? Tì tướng của y là Xích Tu Tư lại là người thế nào, mà xông vào chỗ lam chướng (13) xa xôi nghìn trùng, đánh bại được quân Nam Chiếu (14) trong vài tuần, khiến cho quân tướng đời Nguyên đến nay còn lưu tiếng tốt ?

Hướng chi, ta cùng các người sinh ra phải thời rối ren, lớn lên gặp buổi khó nhọc ; ngó thấy sự giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lười cú điều mà sĩ mắng triều đình, đem thân để chớ mà bắt nạt lễ phụ (15), lại thác mệnh Hốt Tất Liệt (16) mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Văn Nam vương (17) mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói sao cho khỏi gây va vè sau !

Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức rằng chưa xả thịt, lột da, nuốt gan, uống máu quân thù, dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác ta gói trong da ngựa (18), cũng nguyện xin làm.

Các người ở cùng ta coi giữ binh quyền đã lâu ngày, không có mịch thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho cơm, quan thấp thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng, đi thuyền thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa, lúc trận mạc thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà thì cùng nhau vui cười, cách đối đãi so với Vương Công Kiên đãi tì tướng, Cốt Đãi Ngột Lang đãi người phụ tá nào có kém gì.

Nay các người : nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn ; làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức, nghe nhạc Thái thường (19) để đãi yến nguy sứ mà không biết căm ; hoặc lấy việc chơi gà làm vui đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển ; hoặc vui thú vườn ruộng hoặc quyến luyến vợ con ; hoặc lo làm giàu mà quên việc nước, hoặc ham săn bắn mà quên việc binh ; hoặc thích rượu ngon hoặc mê tiếng hát. Nếu có giặc Mông Cổ tràn sang thì چرا گا trống sao đâm thủng áo giáp của giặc, mèo cừ bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh ? Dẫu rằng ruộng lắm vườn nhiều, tấm thân quý nghìn vàng khôn chuộc, vả lại vợ biau con riu, việc quân cơ trăm sự ích chi ? Tiền của tuy nhiều khôn mua được đầu giặc, chớ sẵn tuy khỏe khôn đuổi được quân thù ; chén rượu ngon khôn thể làm cho giặc say chết, tiếng hát hay khôn thể làm cho giặc điếc tai. Lúc bấy giờ, ta cùng các người sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào ? Chẳng những thái ấp (20) của ta không còn, mà bỗng lộc các người cũng về tay kẻ khác ;

chẳng những gia quyến của ta bị đuổi, mà vợ con các người cũng bị bắt đi; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các người cũng bị quật lên; chẳng những thân ta kiếp này chịu nhục, mà đến trăm năm sau, tiếng đời khôn rửa, tên xấu còn lưu, mà đến gia thanh⁽²¹⁾ các người cũng không khỏi mang tiếng là tướng bại trận. Lúc bấy giờ, đâu các người muốn vui chơi phóng có được không?

Nay ta bảo thật các người nên nhớ câu: «Đặt mỗi lửa vào dưới đồng củi»⁽²²⁾ làm nguy cơ, nên lấy điều «kiêng canh nóng là thời rau nguội»⁽²³⁾ làm răn sợ. Huân tuyền quân sĩ, tập duyệt cung tên, khiến cho người người giỏi như Bàng Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ⁽²⁴⁾; có thể bêu được đầu Hốt Tật Liệt ở cửa Khuyết⁽²⁵⁾ làm rửa nhục Văn Nam vương ở Cảo Nhai⁽²⁶⁾. Như vậy, chẳng những thái ấp của ta mãi mãi vững bền, mà bổng lộc các người cũng đời đời hưởng thụ; chẳng những gia quyến của ta được êm ấm gối chăn, mà vợ con các người cũng được bách niên giai lão; chẳng những tông miếu của ta sẽ được muôn đời, tề lễ, mà tổ tông các người cũng được thờ cúng quanh năm; chẳng những thân ta kiếp này đắc chí, mà đến các người trăm năm về sau tiếng vẫn lưu truyền, chẳng những danh hiệu ta không bị mai một, mà tên họ các người cũng sử sách lưu thơm. Lúc bấy giờ, đâu các người không muốn vui chơi phóng có được không?

Nay ta chọn binh pháp các nhà hợp làm một quyển gọi là «binh thư yêu lược». Nếu các người biết chuyên tập sách này theo lời dạy bảo của ta, thì trọn đời là tôi chủ⁽²⁷⁾; ngược bằng khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo của ta, thì trọn đời là kẻ nghịch thù.

Vì sao vậy? Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung, các người cứ điềm nhiên không muốn rửa nhục, không lo trừ hung, không dạy quân sĩ; chẳng khác nào quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc. Nếu vậy, rồi đây sau khi dẹp yên quân giặc, muôn đời để thẹn, há còn mặt mũi nào đứng trong đời đời đất nứa. Ta viết ra bài hịch này để các người biết bụng ta.

TRẦN QUỐC TUẦN

TRẦN QUỐC TUẦN

(? — 1300⁽²⁸⁾)

Trần Quốc Tuấn được phong tước Hưng Đạo Đại Vương, là con An Sinh Vương Trần Liễu. Từ thuở nhỏ, Quốc Tuấn đã tỏ ra thông minh, ham đọc sách và năng tập duyệt cung tên. Lớn lên, ông là một người văn võ kiêm toàn. Tuy thân sinh ông có chuyện xích mích với vua Trần, nhưng ông đã đặt quyền lợi của Tổ quốc lên trên quyền lợi

gia đình. Ba lần quân phong kiến Mông Cổ sang xâm lược nước ta, ba lần ông đều hết lòng đánh giặc. Hai lần vua Trần phải lánh nạn thì hai lần ông được cử đi bảo vệ vua. Lòng yêu nước của ông thật là tuyệt vời.

Quốc Tuấn là một người rộng lượng, mến trọng kẻ có đức tài, đã thu phục được những người giỏi như Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu, Yết Kiêu, Dã Tượng. Ông không ham danh vọng, lúc về già thường ở Vạn Kiếp, có việc cần mới tới Thăng Long. Lúc ông sắp mất, vua Trần có đến thăm và hỏi việc nước, ông trình bày mọi lẽ, đại ý nhân mạnh tinh thần đoàn kết tướng sĩ, tinh thần nhân đạo, biết giữ gìn sức lực của dân, để làm cái kế sâu rễ bền gốc.

Đến thờ ông hiện còn ở Vạn Kiếp (thuộc huyện Chí Linh, Hải Hưng). Hàng năm nhân dân các vùng xa gần vẫn về dự lễ kỉ niệm, tưởng nhớ một vị anh hùng dân tộc đã có công với nước trong cuộc bình Nguyên oanh liệt.

Trần Quốc Tuấn đọc bài hịch này năm 1285, lúc Thoát Hoan ở ạt đem đại binh sang xâm lược nước ta lần thứ hai⁽²⁹⁾. Thủ đô Thăng Long lại thất thủ, Tổ quốc lâm nguy. Trần Nhân Tông triệu tập hội nghị Diên Hồng và trao cho Quốc Tuấn chức Quốc công tiết chế thống lĩnh. Trần Quốc Tuấn đọc bài hịch, khích lệ lòng yêu nước căm thù của tướng sĩ và thông qua các tướng sĩ, khích lệ tinh thần quật khởi của quân dân ta. Quốc Tuấn đã phê phán sâu sắc tư tưởng an hưởng thái bình có thể dẫn đến mất cảnh giác của tướng sĩ ta lúc đó và động viên chí quyết chiến, quyết thắng của mọi người. Trải ba năm gian khổ, Quốc Tuấn đã lãnh đạo quân dân ta chiến đấu anh dũng và cuối cùng đại thắng giặc, bảo vệ được nền độc lập của nước nhà.

Chú thích:

Nguyên văn bằng chữ Hán, bản dịch này dựa theo các bản dịch của Ngô Tất Tố và theo cuốn Lịch sử Việt Nam (tập 1).

Bài dài, ý phong phú. Ở lớp chỉ trích giảng đoạn từ: «Huống chi, ta cùng các người...» đến «...không khỏi mang tiếng là tướng bại trận... phóng có được không». Những phần khác để giáo viên và học sinh tham khảo.

(1) *Ki Tín*: tướng của Hán Cao Tổ, giả làm Cao Tổ ra hàng quân địch để giải vây cho Cao Tổ, và bị giặc giết.

(2) *Do Vu*: tướng của vua Sở đời Xuân Thu, chia lưng che chở vua Sở khỏi bị kẻ cướp đâm.

(3) *Dự Nhượng*: người nhà của Tri Bá đời Chiến Quốc, nuốt than cho khác giọng để lập mưu báo thù cho chủ.

(4) *Thần Khoái*: viên quan nhỏ của Tề đời Xuân Thu. Khi vua Tề bị địch giết, Thần Khoái chết theo.

(5) *Kinh Đức*: tức là Uất Trì Cung đời Đường, đã lấy mình che chở cho vua Đường thoát nạn.

(6) *Cảo Khanh*: khi An Lộc Sơn khởi binh làm loạn chống Đường Minh Hoàng, Cảo Khanh mang An Lộc Sơn, nên bị bắt sống. Cảo Khanh tỏ ý trung với vua Đường.

(7) *Tống, Nguyên*: hai triều đại ở Trung Quốc, nhà Tống cùng thời với nhà Lý nhà Nguyên (do thái tử Mông Cổ là Hốt Tật Liệt dứt nhà Tống mà lập nên) cùng thời với nhà Trần.

- (8), (9) *Vương Công Kiến, Nguyễn Văn Lập*: tướng của nhà Tống.
- (10) *Điền Ngự*: tên một trái núi ở Từ Xuyên, Kiên và Lập đóng ở đó, quân Mông Cổ đánh không được.
- (11) *Mông Kha*: anh của Hốt Tất Liệt, tức vua Hiến Tông nhà Nguyên.
- (12) *Cột Đai Ngột Lang*: một tướng giỏi của quân Mông Cổ.
- (13) *Lam chương* (chữ Hán rút ở mấy chữ: *Lam sơn chương khí*): tức là khí độc ở rừng núi.
- (14) *Nam chiêu*: một bộ tộc dựng thành một nước nhỏ trước kia ở vào khoảng giữa hai tỉnh Từ Xuyên và Vân Nam, đóng đô ở Đại Lý.
- (15) *Tể phụ*: (chữ Hán): bậc đứng đầu trong các quan để giúp nước.
- (16) *Hốt Tất Liệt*: tên vua Thê Tô nhà Nguyên.
- (17) *Vân Nam vương*: tức là một trong những con của Hốt Tất Liệt, được phong vương ở đất Vân Nam.
- (18) *Gói trong da ngựa*: rút ý trong câu nói của một viên tướng đời Hán « *Làm trai phải đánh đông dẹp bắc, đầu chết ở chiến trường, lấy da ngựa bọc thây cũng đánh lòng* ».
- (19) *Nhạc Thái thường*: nhạc Thái thường là một khúc nhạc cung đình, thường dùng trong những dịp quốc khánh, chứ không dùng để tiếp sứ giả, vì như vậy là nhục đến quốc thể.
- (20) *Thái ấp*: phần đất vua phong cho quý tộc.
- (21) *Gia thanh* (chữ Hán): tiếng tăm, danh gia của gia đình.
- (22) *Đặt mỗi lứa*: rút ở sách xưa, ý nói thật là không an tâm nếu nằm trên một đồng cỏ mà có mỗi lứa ở dưới.
- (23) *Kiểm canh nóng*: rút ở câu thơ cũ, ý nói kẻ sợ canh nóng thường hay thôi cả rau nguội.
- (24) *Bàng Mông, Hậu Nghệ*: hai nhân vật bán cung giỏi thời xưa, chép trong thần thoại Trung Quốc.
- (25) *Cửa Khuyết*: cửa lớn ở kinh thành.
- (26) *Cáo Nhại*: nơi tạm trú của các vua nước nhỏ lánh giềng khi vào châu vua Hán ở Tràng An (Trung Quốc).
- (27) *Thần chủ*: (chữ Hán): đây là lời chủ thái ấp xưng với gia tướng, gia nô. Trần Quốc Tuấn cũng là một lãnh chúa lớn.
- (28) Về năm sinh, các sách đã ghi khác nhau, như 1226, 1230, 1232...
- (29) Lần thứ nhất vào năm 1258. Lúc đó Thăng Long đã thất thủ một lần.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Hãy đọc toàn bài hịch và xem đoạn được học nằm ở vị trí nào trong bố cục toàn bài chính của đoạn được học này là gì? Đoạn đó có thể chia làm mấy đoạn nhỏ? Tìm ý của mỗi đoạn nhỏ đó.

2. Lòng căm ghét của Trần Quốc Tuấn đối với kẻ thù, nổi lên từ cho ông trước tại hạn ngoại xâm thật là chân thành và mãnh liệt. Tình cảm đó được diễn tả bằng lời văn, bằng hình ảnh đầy sức gợi cảm. Phân tích giá trị biểu hiện của lời văn, hình ảnh đó.

3. Tại sao nói cách chọn sự việc và liệt kê sự việc góp phần thể hiện nhiệt tình quan tâm của Trần Quốc Tuấn đối với tướng sĩ? Lòng thương yêu tướng sĩ đó được xây dựng trên cơ sở nào? Có những hạn chế gì? Tại sao có hạn chế đó?

4. Trần Quốc Tuấn phê phán lối sống cầu an, hưởng lạc của tướng sĩ bằng lí lẽ xác đáng, lập luận chặt chẽ, lời văn thiết tha. Chứng minh nhận định đó.

5. Qua đoạn được học, hãy đánh giá lòng yêu nước của Trần Quốc Tuấn. Giải thích một tình cụ thể và hạn chế của lòng yêu nước đó bằng hoàn cảnh xã hội và lập trường giai cấp của ông.

6. Lòng yêu nước của Trần Quốc Tuấn đã được kế thừa và phát huy trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ vừa qua như thế nào?

CÁO BÌNH NGÔ

Tổng hợp:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân.

Quân điều phạt (1) trước lo trừ bạo.

Như nước Đại Việt ta từ trước,

Vốn xưng nền văn hiến đã lâu.

Núi sông bờ cõi đã chia,

Phong tục Bắc Nam cũng khác.

Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập.

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương.

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,

Song hào kiệt đời nào cũng có.

Vậy nên:

Lưu Cung (2) tham công nên thất bại,

Triệu Tiết (3) thích lớn phải tiêu vong.

Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô

Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã (4)

Việc xưa xem xét,

Chứng cứ còn ghi.

Vậy rồi:

Nhân họ Hồ chính sự phiền hà

Đề trong nước lòng dân oán hận.

Quân cuồng Minh đã thừa cơ gây họa

Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh.

Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn
 Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ (5)
 Dối trời, lừa dân, đủ muôn nghìn kế,
 Gây binh kết oán, trải hai mươi năm.
 Bại nhân nghĩa nát cả đất trời
 Nặng thuế khóa sạch không đầm núi.
 Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập thuồng luồng.
 Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng sâu nước độc.
 Vết sản vật, bắt dò chim sẻ (6) chôn chôn lưới chàng,
 Nhiều nhân dân, bắt bẫy hươu đen (7), nơi nơi cạm đặt.
 Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ,
 Nheo nhóc thay kẻ góa bụa khốn cùng,
 Thằng há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bày no nê chưa chán,
 Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa ?
 Nặng nề những nỗi phu phen
 Tan tác cả nghề canh cửi.
 Độc ác thay, trúc Nam Sơn (8) không ghi hết tội,
 Dơ bẩn thay, nước Đông Hải khôn rửa sạch mùi !
 Lẽ nào trời đất dung tha,
 Ai bảo thần dân chịu được ?

Ta đây :

Núi Lam Sơn dậy nghĩa,
 Chấn hoang dã nương mình.
 Ngầm thù lớn há đội trời chung,
 Cầm giặc nước thề không cùng sống.
 Đau lòng nhức óc, chốc đã mười mấy năm trời,
 Nếm mật nằm gai (9), há phải một hai sớm tối.
 Quên ăn vì giận, sách lược thao (10) suy xét đã tinh,
 Ngầm trước đến nay ; lẽ hưng phế (11) đắn đo càng kĩ,
 Những trận trọc trong cơn mộng mị,
 Chỉ băn khoăn một nỗi đồ hồi (12)
 Vừa khi cờ nghĩa dấy lên,
 Chính lúc quân thù đang mạnh.

Lại ngặt vì :

Tuần kiệt như sao buổi sớm,
 Nhân tài như lá mùa thu.
 Việc bôn tẩu (13) thiếu kẻ đỡ đần,
 Nơi duy ác (14) hiểm người bàn bạc.

Thăm lòng cứu nước, vẫn dăm dăm muốn tiến về đông (15).
 Cỗ xe cầu hiền, thường chăm chăm còn dành phía tả (16).

Thế mà :

Trông người, người càng vắng bóng, mịt mù như nhìn
 chốn bể khơi.

Tự ta, ta phải dốc lòng, vội vã hơn cứu người chết đuối.

Phần thì gian quân thù ngang dọc,

Phần thì lo vận nước khó khăn,

Khi Linh Sơn (17) lưỡng hết mây tuấn.

Khi Khôi Huyện (18) quân không một đội.

Trời thử lòng trao cho mệnh lớn.

Ta gắng chí khắc phục gian nan.

Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc (19) ngọn cờ
 phát phời.

Tương sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông (20), chén rượu
 ngọt ngào.

Thế trận xuất kì, lấy yếu chống mạnh,
 Mạnh quân mai phục, lấy ít địch nhiều.

Trận hay :

Dem đại nghĩa để thắng hung tàn.

Lấy chí nhân để thay cường bạo ;

Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giật,

Miền Trà Lân trúc chẻ tro hay (21)

Sĩ khí đã hăng

Quân thanh càng mạnh (22)

Trần Trí, Sơn Thọ nghe hơi mà mất vía,

Lý An, Phương Chính nín thở cầu thoát thân.

Thừa thắng ruổi dài, Tây Kinh (23) quân ta chiếm lại,

Tuyên binh tiến đánh, Đông Đô đất cũ thu về.

Ninh Kiều (24) máu chảy thành sông, tanh hôi vạn dặm.

Tuy Động (25) thầy chết đầy nội, nhờ đề ngàn năm,

Phúc tâm (26) quân giặc : Trần Hiệp đã phải bêu đầu.

Một gian kẻ thù : Lí Lượng cũng đành bỏ mạng.

Vương Thông gỡ thế nguy, mà dăm lửa cháy lại càng cháy.

Mã Anh cứu trận đánh mã quân ta hăng lợi càng hăng.
 Bỏ tay để đợi bại vong, giặc đã tri cùng lực kiệt
 Chẳng đánh mà người chịu khuất, ta đây mưu phạt tâm
 công (27)
 Tướng chúng biết lẽ ăn năn, nên đã thay lòng đổi dạ.
 Ngờ đâu vẫn đương mưu tính, lại còn chuốc tội gây oan.
 Giữ ý kiến một người, gieo vạ cho bao nhiêu kẻ khác,
 Tham công danh một lúc, để cười cho tất cả thế gian.

Bởi thế :

Thăng nhải con Tuyên Đức, (28) đồng binh không ngừng,
 Đỗ nhứt nhứt Thanh, Thăng (29) đem đầu chữa cháy.
 Đình mùi thăng chín Liễu Thăng đem binh từ Khâu Ôn kéo lại,
 Năm ấy tháng ấy Mộc Thanh chia đường từ Văn Nam tiến sang.
 Ta trước đã điều binh thủ hiểm, chặt mũi tiên phong.
 Sau lại sai tướng chen đường, tuyệt nguồn lương thực.
 Ngày mười tám, trận Chi Lăng (30), Liễu Thăng thất thế,
 Ngày hai mươi, trận Mã Yên (31), Liễu Thăng cut đầu.
 Ngày hôm lăm, bà tước Lương Minh đại bại tứ vong
 Ngày hôm tám, thượng thư Lê Khánh cũng kẻ tử vong !
 Thuận đà ta đưa lưới đào tung phá
 Bể nước giặc quay mũi giáo đánh nhau.
 Lại thêm quân bốn mặt vây thành,
 Hẹn đến giữa tháng mười diệt giặc.
 Sĩ tốt kén tay hùng hổ,
 Bề tôi chọn kẻ vuốt nanh.
 Gươm mài đá, đá núi cũng mòn,
 Voi uống nước, nước sông phải cạn.
 Đánh một trận, sạch không kình ngạc (32)
 Đánh hai trận, tan tác chim muông.
 Cơn gió to trút sạch lá khô,
 Tò kiến hồng sut toang để vỡ.
 Đồ độc Thôi Tú lệ gọi dâng tờ tạ tội,
 Thượng thư Hoàng Phúc trời tây để tự xin hàng.
 Lạng Giang, Lạng Sơn thấy chết đầy đường,
 Xương Giang, Bình Than, máu trôi đỏ nước (33)
 Ghê gớm thay ! Sắc phong vân phải đổi,
 Thảm đạm thay ! Ánh nhật nguyệt phải mờ.
 Bị ta chẹn ở Lê Hoa (34) quân Văn Nam nghi ngờ khiếp vía mà vỡ mặt ;
 Nghe Thăng thua, ở Cần Trạm (35) quân Mộc Thạnh xéo lên nhau chạy để thoát
 thân
 Suối Lãnh Cầu, máu chảy trôi chảy (36) nước sông nghẹn ngào tiếng khóc,

Thành Đan Xá thấy chắt thành núi, cỏ nội đầm đìa máu đen.
 Cứu binh hai đạo tan tành, quay gót chẳng kịp.
 Quân giặc các thành khốn đốn, cời giáp ra hàng.
 Tướng giặc bị cầm tù, như hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng.
 Thân vũ chàng giết hại (37), thề lòng trời, ta mở đường hiếu sinh.
 Mã Kì, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến biển mà vẫn hồn
 bay phách lạc,
 Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến nước mà vẫn tim
 đập chần chừ !

Họ đã tham sông sợ chết, mà hòa hiếu thực lòng,
 Ta lấy toàn quân là hơn, để nhân dân nghỉ sức.
 Chẳng những mưu kẻ xi diều,
 Công là chưa thấy xưa nay.
 Xà tắc (38) từ đây vững bền,
 Giang sơn từ đây đổi mới.
 Càn khôn bị mà lại thái (39)
 Nhật nguyệt hồi mà lại minh (40)
 Muốn thuở, nền thái bình vững chắc,
 Ngàn năm, vết nhục nhã sạch lâu.
 Âu cũng nhờ trời đất tổ tông khôn thiêng ngầm giúp đỡ mới được như vậy.
 Than ôi !
 Một cô nhung y (41) chiến thắng, nên công oanh liệt ngàn năm.
 Đón hương biển cả thanh bình, ban chiếu duy tân khắp chốn.
 Xà gấm bá cáo
 Ai này đều hay.

NGUYỄN TRÃI
 (Bản dịch của Bùi Kỳ)

NGUYỄN TRÃI
 (1380 — 1442)

Nguyễn Trãi, hiệu là Ức Trai, con Nguyễn Phi Khanh, sinh năm 1380, quê ở làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc (nay là xóm Nhị Khê, xã Quốc Tuấn, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Sơn Bình).

Ông đỗ Thái học sinh (tiên si) về đời nhà Hồ, có ra làm quan với nhà Hồ, sau giúp Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn. Trong những năm chiến đấu gian khổ chống quân Minh xâm lược, Nguyễn Trãi luôn luôn ở cạnh Lê Lợi, bày mưu vạch kế cho Lê Lợi về mọi phương diện quân sự, chính trị, ngoại giao. Với ngòi bút sắc bén, ông đã phối hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, đuổi quân Minh ra khỏi nước, giành lại độc lập cho Tổ quốc, đem lại hòa bình cho nhân dân. Sau khi đánh tan quân Minh xâm lược, ông thảo bài BÌNH NGŨ ĐẠI CÁO đứng tên Lê Lợi tuyên bố cho toàn quốc biết cuộc

đầu tranh chính nghĩa đã thắng lợi. Ông được đổi sang họ vua (họ Lê) và tích cực tham gia công cuộc sửa sang, xây dựng pháp luật, chế độ chính trị triều Lê sơ.

Tính ông cương trực, nên bị bọn quyền thần ghen ghét. Do đó, ông xin thôi làm quan về nghỉ ở Côn Sơn (huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng). Năm 1434, Thái Tông lại vời ông ra giúp nước. Năm 1442, Thái Tông mất, triều đình đổ tội giết vua cho ông và kết án tru di tam tộc (giết sạch cả con thân thích ba họ cha, mẹ, vợ). Mãi đến năm 1464, Lê Thánh Tông mới giải oan cho ông. Ông còn để lại nhiều tác phẩm viết bằng chữ Hán và chữ Nôm rất có giá trị.

Nguyễn Trãi chẳng những là một vị anh hùng dân tộc, một nhà chính trị lỗi lạc mà còn là một nhà văn hào ưu tú của dân tộc ta.

Chú thích :

Nguyên văn bằng chữ Hán, bản dịch này dựa theo bản dịch của Bùi Kỳ.

Bài dài, ý phong phú. Ở lớp chỉ trích giáng đoạn từ « Ta đây... » đến « để cười cho tất cả thế gian ». Những phần khác để giáo viên và học sinh tham khảo.

- (1) *Điều phạt* (chữ Hán) : vì dân mà trừng phạt kẻ có tội.
- (2) *Lưu Cung* : vua Nam Hán, sai con là Hoàng Thao sang đánh ta.
- (3) *Triệu Tiết* : tướng nhà Tống bị Li Thường Kiệt đánh đuổi.
- (4) *Toa đò, Ô Mã* : hai tướng nhà Nguyên.
- (5) *Dân đen, dân đen* : chỉ người bình dân không có chức tước gì. *Con đò* : nghĩa đen là con mồi để ăn con đò, nghĩa bóng là người bình dân, vì sách xưa có câu nói đại ý : bảo vệ dân như bảo vệ con con đò.
- (6) và (7) *Chim sáo, hươu đen* : hai loài vật quý, rất hiếm.
- (8) *Trúc Nam Sơn* : xưa chưa có giấy, chép sử trên thẻ trúc, đây nói tội ác nhiều vô cùng, không thể ghi hết.
- (9) *Nằm gai nếm mật* : chịu đựng gian khổ.
- (10) *Sách lược thao* : tức là « cam lược » và « lược thao », hai sách dạy cách đánh giặc.
- (11) *Hưng phò* : (chữ Hán) : nói về các triều đại khi thì dựng lên khi bị lật đổ.
- (12) *Đổ hồi* (chữ Hán) : mưu tính việc khôi phục.
- (13) *Việc bốn tâu* (chữ Hán) : chạy ngược chạy xuôi, ý nói việc chuẩn bị.
- (14) *Nơi duy ác* (chữ Hán) : duy ác nghĩa đen là màn che nơi bộ tham mưu ở, nghĩa bóng : nơi bàn bạc quân sự.
- (15) *Về đông* : ý nói từ Thanh Hóa muốn tiến ra Đông Đô (Hà Nội).
- (16) *Dành phía tả* : theo một điển tích xưa : để dành phía bên trái cỗ xe chờ người hiền, đại ý là mong người hiền tài.
- (17) *Linh Sơn* : núi Chí Linh thuộc huyện Lang Chánh (miền núi Thanh Hóa).
- (18) *Khôi Huyện* : cũng gọi là Khôi Sách, địa điểm ở phía trên Nho Quan (Hà Nam Ninh).
- (19) *Dựng cần trúc* : lấy nghĩa trong sách xưa, ý nói gấp quá, chưa kịp làm cò, cứ phất cần trúc mà tiến quân.

(20) *Hòa nước sông* : theo điển xưa : có viên tướng giỏi, được biếu một bình rượu, đổ xuống dòng sông, cho quân sĩ cùng múc nước uống, tỏ ý tướng sĩ chia buồn xẻ ngọt đoàn kết một lòng.

(21) *Bồ Đãng* : một ngọn núi thuộc Quý Châu (Nghệ Tĩnh), *Trà Lân* : một địa điểm ở Tương Dương (Nghệ Tĩnh).

(22) *Sĩ khí, quân thanh* : chí khí và thanh thê của quân sĩ.

(23) *Tây Kinh* : tức là thành Tây Đô do nhà Hồ đắp (đứng lẫn với Lam Kinh).

(24) *Ninh Kiều* : thuộc huyện Chương Mi (Hà Sơn Bình).

(25) *Tuy Động* (hoặc *Tốt Động*) : một xã ở huyện Chương Mi (Hà Sơn Bình).

(26) *Phúc tâm* : đáng tin cậy. Trần Hiệp, Li Lượng, v.v... là tướng của giặc.

(27) *Mưu phạt tâm công* : đánh vào lòng người.

(28) *Tuyên Đức* : niên hiệu vua Tuyên Tông nhà Minh.

(29) *Thanh, Thắng* : tức là Mộc Thanh, Liễu Thắng, tướng nhà Minh.

(30) *Chi Lăng* : địa điểm ở Lạng Sơn.

(31) *Mô Yên* : ở xã Mai Sơn (Lạng Sơn).

(32) *Kình ngạc* : cá kình là loài cá voi, cá ngạc là loài cá sấu, dùng để chỉ quân giặc.

(33) *Lạng Giang* : nay là một huyện thuộc tỉnh Hà Bắc. *Xương Giang* : tức là Phú Lương Thượng bây giờ. *Bình Than* : bãi cát lớn, thuộc phía dưới bên đô Phả Lại hiện nay.

(34) *Lê Hoa* : một cửa ải thời xưa, giáp giới Lao Cai (Hoàng Liên Sơn) và Văn Nam (Tung Quốc).

(35) *Côn Trám* : một địa điểm ở biên giới Trung - Việt, phía Lao Cai. *Lãnh Câu và Trần Xá* : ở gần ải Lê Hoa.

(36) *Máu chảy trôi chảy* : chữ lầy ở kinh Thư, ý nói chết nhiều.

(37) *Thần vũ chẳng giết* : ý nói việc vũ chủ khoan hồng không giết hại.

(38) *Xả tác* : nơi tể thần đất gọi là xả, nơi tể thần lúa gọi là tác. *Nghĩa bóng* : chỉ đại đại bờ cõi của một nước.

(39) *Cần Khôn* (chữ Hán) : hai quẻ trong kinh Dịch, chỉ trời đất. *Bi mà lại thái* : qua cơn bĩ tắc, trở lại thái bình.

(40) *Nhật nguyệt* (chữ Hán) : mặt trời, mặt trăng. *Hồi mà lại minh* : tối rồi lại sáng.

(41) *Nhung y* (chữ Hán) : áo giáp mặc khi ra trận, đây chỉ việc đánh giặc.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Toàn bài cáo nói chung chia làm sáu phần : tư tưởng chỉ đạo của cuộc kháng chiến, truyền thông anh dũng bất khuất của dân tộc ta, tội ác tày trời của giặc, khó khăn gian khổ của ta, quá trình phản công thắng lợi, lời tuyên bố kết thúc. Đoạn được học trên đây thuộc phần nào ?

2. Lòng căm thù giặc và ý chí chiến đấu mãnh liệt của quân dân ta được tác giả thể hiện bằng những hình ảnh nào ?

3. Tìm hiểu tư tưởng yêu nước thương dân của Nguyễn Trãi được thể hiện trong đoạn này :

— Mục đích khởi nghĩa : vì nhân dân, vì đại nghĩa, vì căm thù giặc nước (So sánh với tư tưởng được thể hiện ở Hịch tướng sĩ).

— Lực lượng khởi nghĩa, quan hệ giữa chỉ huy và quân lính (So sánh với Hịch tướng sĩ để thấy được những nét tiền đề trong tư tưởng Nguyễn Trãi).

4. Khí thế tiền công và chiến thắng của nghĩa quân được diễn tả như thế nào (hình ảnh, hành văn, âm điệu)...?

5. Ngày nay chúng ta học tập được những gì về tư tưởng của Nguyễn Trãi qua đoạn văn này ?

BÀI ĐỌC THÊM

NGUYỄN TRÃI NGƯỜI ANH HÙNG CỦA DÂN TỘC

Nguyễn Trãi, người anh hùng của dân tộc, văn võ song toàn⁽¹⁾; văn là chính trị: chính trị cứu nước, cứu dân, nội trị, ngoại giao, « *nền thái bình muôn thuở, rửa nỗi thẹn ngàn thu* » (Bình Ngô đại cáo), võ là quân sự: chiến lược và chiến thuật, « *yếu đánh mạnh, ít địch nhiều... thắng hung tàn bằng đại nghĩa* » (Bình Ngô đại cáo); văn và võ đều là võ khí, mạnh như vũ bão, sắc như gươm đao: « *viết thư thảo hịch tài giỏi hơn hết một thời* » (Lê Quý Đôn), « *văn chương mưu lược gắn liền với sự nghiệp kinh bang tế thế* »⁽²⁾ (Phan Huy Chú). Thật là một con người vĩ đại về nhiều mặt trong lịch sử nước ta!

Chúng ta thường nói: ôn cũ biết mới. Phải nói thêm từ mới hiểu cũ. Chỉ có chúng ta, những người đã đập đổ chế độ cũ và dựng lên chế độ mới, chế độ người dân làm chủ, chỉ có chúng ta, những người vũ trang bằng quan điểm duy vật lịch sử, mới nhìn thấy một cách đúng đắn những sự kiện của lịch sử và đánh giá một cách công minh⁽³⁾ người và việc. Dưới con mắt sáng suốt đầy nhiệt tình của chúng ta, Nguyễn Trãi, đời sống và hoạt động, tâm tư và chí hướng, thơ và văn, tóm lại toàn bộ sự nghiệp và con người của Nguyễn Trãi sống dậy lớn lên, và hướng tới chúng ta. Đối với người và việc của lịch sử, thời gian trôi qua dần dần làm lu mờ cái gì còn đục, chưa thật trong,

ngược lại, làm thêm sáng tỏ những giá trị chân chính, những cống hiến thật quý cho thời đại và con người. Nguyễn Trãi không sợ thời gian. Nguyễn Trãi sẽ sống mãi trong trí nhớ và tình cảm của người Việt Nam ta. Và chúng ta còn phải làm cho tên tuổi và sự nghiệp của Nguyễn Trãi rang rỡ ra ngoài bờ cõi nước ta.

Nhớ Nguyễn Trãi, chúng ta nhớ người anh hùng cứu nước, người cùng Lê Lợi làm nên sự nghiệp « *bình Ngô* » người thảo *Bình Ngô đại cáo*. Nguyễn Trãi là một người yêu nước, yêu nước sâu sắc, mạnh mẽ, thiết tha với tâm hồn và khí phách của người anh hùng. Đối với Nguyễn Trãi, yêu nước là thương dân, để cứu nước phải dựa vào dân và cứu nước để cứu dân, đem lại thái bình cho dân, cho mọi người. Triết lí nhân nghĩa của Nguyễn Trãi, cuối cùng chẳng qua là lòng yêu nước thương dân: cái nhân, cái nghĩa lớn nhất là phần đầu đến cùng chống ngoại xâm, diệt tàn bạo, vì độc lập của nước, hạnh phúc của dân.

Nguyễn Trãi suốt đời mang một hoài bão lớn: làm gì cho dân, người dân làm thân khổ cực. Bắt đầu *Bình Ngô đại cáo* có câu: « *Việc nhân nghĩa cốt ở an dân* »⁽⁴⁾; chữ « *an* » ở đây có nghĩa an cư lạc nghiệp, cùng một ý với câu cuối của *Bình Ngô đại cáo*: « *Nền thái bình muôn thuở* »...

...Nhớ Nguyễn Trãi là nhớ người anh hùng cứu nước, đồng thời là nhớ nhà văn lớn, nhà thơ lớn của nước ta. Từ *Bình Ngô đại cáo* qua các bức thư gửi tướng tá quân xâm lược đến thơ chữ Hán và chữ Nôm... ngòi bút thần của Nguyễn Trãi để lại cho chúng ta những tác phẩm gồm nhiều thể văn và tất cả đều đạt đỉnh cao của nghệ thuật, đều hay và đẹp lạ thường! Nhiều tài hoa như vậy dồn lại ở một người thật là hiếm có!

Bình Ngô đại cáo là khúc ca hùng tráng bất hủ của dân tộc ta. Hãy nghe Nguyễn Trãi lên án giặc ngoại xâm:

« *Tát cạn nước Đông Hải, không rửa sạch tanh hôi;
Chặt hết trúc Nam Sơn, khó ghi đầy tội ác* ».

« *Nghĩ khó đời trời cùng quân địch,
Thề không chung sống với giặc thù* ».

và đây là mấy câu diễn tả thế thắng của quân ta :

« Voi uống mà cạn hết nước sông.
Gươm mài mà khuyết mòn đá núi

« Cứu binh hai lộ kéo sang, chữa quay chân đã bại;
Cùng khẩu⁽³⁾ các thành khiếp sợ, đều cởi giáp ra hàng.
Tướng giặc bị tù, vẫy đuôi cạp đói cầu thương hại;
Uy thần chẳng giết, thể lượng đất trời đức hiếu sinh⁽²⁾ ».

rồi đến đoạn cuối, lúc đẹp xong giặc ngoại xâm :

« Nước nhà từ nay bền vững,
Non sông bởi đó đẹp tươi,
Càn khôn bĩ cực thái lai⁽⁷⁾
Nhật nguyệt tối rồi sáng tỏ.
Đề mở nền thái bình muôn thuở,
Đề rửa điều hồ thẹn nghìn thu ».

Những bức thư gửi tướng ta giặc trong Quân trung từ mệnh lập mà Phan Huy Chú cho là « có sức mạnh như mười vạn quân » là gương mẫu của tài hùng biện. Hãy nghe Nguyễn Trãi kể tội Phươg Chính : « Bao mây giặc dữ Phươg Chính : Đao làm tướng lấy nhân nghĩa làm gốc, trí dũng làm canh. Nay bọn mây chỉ chuyên lừa dối, giết hại kẻ vô tội, hãm người vào chỗ chết mà không xót thương. Việc ấy trời đất không dung, thần người đều giận, cho nên liền năm chinh phạt, hằng đánh hằng thua ».

Nguyễn Trãi không quên bọn nguy quân và quan lúc bấy giờ; trong một bức thư gửi cho chúng, Nguyễn Trãi viết : Người xưa có nói : « Qua đi, lại về quê cũ, cáo chết quay đầu về núi. Cầm thú còn thế, huống nữa là người?... Quân ta đi đến đâu, nghĩa thanh⁽⁴⁾ vang dậy, dân chúng bốn phương công đệu nhau mà kéo đến theo ta. Bọn các người nếu biết rửa lòng đôi dạ, bỏ nghịch theo thuận, hoặc ở làm nội ứng, hoặc ra để đầu hàng thì không những rửa mối hồ thẹn ngày trước, mà cũng được phần soi xét về sau. Ta không nói lời rồi lại ăn lời. Nếu các người lại còn tiếc tham nguy chức⁽⁹⁾, chống cự vương sư⁽¹⁰⁾, thì khi hãm thành, tội ác các người tất nặng hơn giặc Ngó đây ».

Phải nói rõ rằng Nguyễn Trãi, một mặt vạch tội ác quân xâm lược và kiên quyết đánh chúng, mặt khác luôn luôn cố gắng hết sức của mình để giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh cứu nước một cách đỡ tổn thất nhất, đồng thời sớm khôi phục bang giao⁽¹¹⁾ bình thường với Trung Quốc nhà Minh.

... Thơ của Nguyễn Trãi là tâm hồn của Nguyễn Trãi, trong sáng và đầy sức sống. Có người nói thơ của Nguyễn Trãi buồn vì cảnh đời của Nguyễn Trãi buồn. Thơ của Nguyễn Trãi có bài buồn, có câu buồn, vì lẽ gì chúng ta đều biết, nhưng cả tập thơ của Nguyễn Trãi là thơ của một người yêu đời, yêu người, tâm hồn của Nguyễn Trãi sống một nhịp với non sông đất nước tươi vui.

Nguyễn Mộng Tuân, một người bạn của Nguyễn Trãi, đã ca ngợi Nguyễn Trãi như sau : « Gió thanh hây hây gác vàng, người như một ông tiên ở trong tòa ngọc. Cái tài làm hay, làm đẹp cho nước, từ xưa chưa có bao giờ... ». Nguyễn Trãi không phải là một ông tiên. Nguyễn Trãi là người chân đạp đất Việt Nam, đầu đội trời Việt Nam, tâm hồn lồng gió của thời đại lúc bấy giờ, thông cảm sâu xa với nỗi lòng dân lúc bấy giờ, suốt đời tận tụy cho một lí tưởng cao quý, Nguyễn Trãi là khí phách của dân tộc, là tinh hoa của dân tộc. Sự nghiệp và tác phẩm của Nguyễn Trãi là một bài ca yêu nước và tự hào dân tộc. Nguyễn Trãi rất xứng đáng lòng khâm phục và quý trọng của chúng ta. Ca ngợi người anh hùng của dân tộc, chúng ta đã rửa mối « hận nghìn năm » của Nguyễn Trãi !...

PHẠM VĂN ĐỒNG

(Lược trích báo Nhân dân
số 3099, 19-9-1962)

Chú thích :

(1) Song toàn : hai mặt (văn và võ) đều trọn vẹn cả. (2) Kinh bang tề thế : kinh bang : trị nước ; tề thế : cứu đời. Ở đây ý nói có tài giữ nước cứu dân khỏi họa xâm lăng. (3) Công minh : công bằng sáng suốt. (4) Những dẫn chứng trong bài luận văn này Thủ tướng dựa vào một bản dịch khác. Do đó có thể có chỗ không giống bản học ở nhà trường. (5) Cùng khẩu : giặc đến lúc cùng đường. (6) Hiếu sinh : không nỡ sát hại, để cho sống. (7) Bĩ cực thái lai : nghĩa đen là vận đen hết vận đỏ đã đến, rồi hết đen may. Ở đây ý nói qua cơn loạn lạc trở lại thái bình. (8) Nghĩa thanh : nổi tiếng làm việc nghĩa. (9) Nguy chức : ý nói làm tay sai cho địch. (10) Vương sư : chỉ Lê Lợi. (11) Bang giao : sự giao thiệp giữa nước này với nước khác.

QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH

Nguyễn Hữu Chỉnh lộng quyền, Võ Văn Nhậm đem quân Tây Sơn ra đánh, Chỉnh bị giết, Lê Chiêu Thống chạy, mẹ Lê Chiêu Thống và các quan tông vong (1) xin được vua Thanh viện binh sang đánh giúp. Đạo viện binh gồm 20 vạn, do tổng đốc Lương Quảng là Tôn Sĩ Nghị chỉ huy. Được tin, Nguyễn Huệ lên ngôi vua, kéo quân ra Bắc đánh quân xâm lược.

...Vua Quang Trung liền cho mở tiệc khao quân rồi chia đại quân ra làm năm đạo. Hôm ấy nhằm ngày 30 tháng chạp, ngài bảo ngầm với các tướng rằng:

— Ta với các người hãy tam sữ lễ cúng Tết trước đã. Đến tối trừ tịch (2) lên đường. Hẹn ngày mồng bảy năm mới vào thành Thăng Long, đặt tiệc ăn mừng. Các người nhớ lấy, chớ cho là ta nói hão!

...Luôn bữa đó, ngài đốc trung quân giống trống ra Bắc.

Khi qua sông Gian, viên tướng coi toán nghĩa quân ở đó tan vỡ chạy trước. Lúc đến sông Thanh Quyết, quân Thanh đóng đồn ở đây cũng đều trông bóng chạy nốt. Vua Quang Trung thúc quân đuổi theo. Tới huyện Phú Xuyên, bắt sống được hết, không còn tên nào trốn thoát. Bởi vậy, không có tin báo, những đạo quân Thanh đóng ở Hạ Hồi và Ngọc Hồi đều không hay biết gì cả.

Mồng ba tháng giêng năm Kỷ Dậu, vào khoảng nửa đêm, vua Quang Trung tới làng Hạ Hồi thuộc huyện Thượng Phúc, ngài bèn im lặng cho quân vây kín làng ấy, rồi sai bắt loa truyền gọi. Quân lính các mặt đều dạ rậm rập, tưởng như có mây vạn người. Trong đồn lúc ấy mới biết. Ai nấy sợ hãi cuống quít tranh nhau ra hàng, lương thực khí giới đều bị quân Nam lấy hết. Vua Quang Trung truyền lấy sáu chục tấm ván, ghép liền ba tấm làm một bức, tất là cả hai chục bức dùng rơm dấp nước bên vào, rồi kén hàng lính khỏe tợn, giao cho mười người phải khiêng một bức, mỗi người đều vác một thanh đoản đao, mỗi bức lại có hai chục người nữa cầm các binh khí đi theo.

Toàn quân này dẫn hàng chữ «nhất» tiến thẳng lên trước vua Quang Trung cưỡi voi đi đốc thúc, mờ sáng ngày mồng 5 xông thẳng vào đồn Ngọc Hồi.

Quân Thanh trong đồn chĩa súng bắn ra, chẳng tin một người nào hết. Nhân có gió bắc vừa nổi, chúng bèn gióng nhiều hỏa, đồng⁽⁴⁾ bắn tên lửa ra. Lửa cháy khói bốc mù mịt, cách nhau gang tấc không trông thấy gì. Bản ý quân Thanh muốn làm cho quân Nam rối loạn, chẳng ngờ trong giây lát, trời bỗng quay sang gió nam, ngọn lửa tạt lại, thành ra quân Thanh lại tự đốt mình.

Vua Quang Trung tức thì sai đội khiêng ván chạy kịp vào trận khi giáp lá cà, thì quảng tấm ván xuống đất, và dùng đoản đao chém bừa, rồi thì những người có cầm binh khí đi sau nhất tề nhảy xò lên đánh.

Quân Thanh không thể địch nổi, luống cuống chạy trốn, giầy xéo lên nhau mà chết.

Thái thú Diên Châu là Sầm Nghi Đống trấn thủ đồn ấy, phải thất cổ chết. Quân Nam thừa thế đánh trận, giết được quân Thanh thấy nằm khắp đồng, máu chảy thành suối. Những kẻ sống sót, tất cả tìm đường chạy về.

Trước đó, vua Quang Trung đã có sai một toán quân theo đề Yên Ninh kéo lên, mở cờ đánh trống để làm nghi binh (5) đang đóng.

Khi ấy quân Thanh chạy qua, thấy có cờ trống thì đều hoảng sợ, bèn tìm lối tắt theo đường Vĩnh Kiều đi lên. Thành linh lại thấy một đạo tượng binh (6) ở làng Đại Áng kéo sang, chúng đều không còn hồn vía, chạy cả về xứ đầm Mực trong làng Quỳnh Đô, quân Nam thúc voi đuổi theo, giầy chết hàng vạn người.

Hôm ấy đó, đốc Long vàng lệnh Quang Trung đem toàn quân lên huyện Thanh Trì, đã đi đến làng Nhân Mục. Khi vua Quang Trung đánh toàn quân Thanh ở làng Ngọc Hồi, thì từ sáng sớm, Long đã đánh với đội quân của thái thú Chấn Châu ở trại Quảng Đê, Khương Thượng. Quân Thanh thua chạy, Long bèn tiến quân vào Thăng Long.

Lúc ấy Tôn Sĩ Nghị và vua Chiêu Thống ở trong kinh thành, tuyệt nhiên không có tin tức báo đến. Vì vậy, trong mấy ngày Tết ai nấy chỉ mãi về sự ăn uống vui mừng không lo đến việc gì cả. Nào hay cuộc vui chưa tàn, vận trời đã đổi, trong ngày mồng bốn chợt thấy bại binh ở đồn Ngọc Hồi chạy về báo cấp, mọi người đều tưởng như «tướng ở trên trời rơi xuống, quân chui dưới đất lên». Toàn bại binh đó lại, nói thêm rằng: «Quan quân ở đồn Ngọc Hồi đều bị quân Tây đánh úp bắt gọn. Đây cách Ngọc Hồi không xa, sớm chiều chắc sẽ bị đánh». Sĩ Nghị lưỡng cuống cả sợ, tức khắc sai viên lãnh binh Nghiệp đến cứu. Lại sai hai mươi kỵ sĩ hộ hạ cùng đi với Nghiệp, và dặn họ rằng: trong khoảng giờ khắc phải có tin về báo luôn. Ý Nghị chỉ lo có một mặt đó, không ngờ lại có mặt khác.

Đêm ấy vào khoảng canh tư, chợt nghe phía Tây bắc thành, tiếng súng nổi lên ùng ùng. Nghị vội cưỡi ngựa ra coi... Thấy báo đồn quân Chấn Châu đã vỡ, quân Tây đã kéo vào đến cửa ỏ, chém giết bừa bãi, ánh lửa bốc lên rực trời, thì Nghị không còn hồn vía nào nữa. Ngựa không kịp dừng yên, người không kịp mặc giáp, Nghị tự đem toàn lính kỵ dưới trướng cầm cờ chạy xuống cầu phao rồi trốn sang Bắc. Quân sĩ các dinh nghe tin, thấy hết kinh khiếp, nhón nhào cùng chạy, tranh nhau qua cầu sang sông, người nọ xô đẩy người kia, chết ở trên cạn đã nhiều. Giây lát cầu gãy, hàng mấy vạn người lăn cả xuống nước, nước sông không chảy được nữa...

(Trích Hoàng Lê nhất thống chí
của Ngô Gia Văn Phái
Bản dịch của Ngô Tất Tố. Nhà xuất bản
Văn hóa — 1958)

Chú thích :

- (1) *Tông vong* : theo chạy ra nước ngoài, đây chỉ bọn quan theo Lê Chiêu Thống.
- (2) *Trừ tịch* : đêm cuối năm (30 Tết).
- (3) *Nghĩa quân* : đây là quân do vua quan nhà Lê tuyển mộ để chống lại vua Quang Trung.
- (4) *Hỏa đồng* : ống lớn bằng đồng để bắn hỏa pháo ra đốt đối phương.
- (5) *Nghị binh* : phép dùng binh hư hư, thực thực để đánh lừa kẻ địch.
- (6) *Đạo tượng binh* : đội voi đánh trận.

NGUYỄN DU — TRUYỆN KIỀU

NGUYỄN DU
(1765 — 1820)

Nguyễn Du, tự Tố Như, hiệu Thanh Hiên, quê làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân tỉnh Nghệ Tĩnh, sinh trưởng trong một gia đình quý tộc nhiều đời làm quan nhà Lê, lại nổi tiếng về văn học. Cha, anh và các cháu Nguyễn Du còn để lại nhiều thơ văn bằng chữ Hán và chữ Nôm.

Nguyễn Du sinh năm 1765, mất năm 1820. Đời ông nằm vào cuối Lê đầu Nguyễn. Trong giai đoạn lịch sử này, chế độ phong kiến Việt Nam bị khủng hoảng trầm trọng. Giai cấp thống trị bị thời nát. Đời sống xã hội đen tối. Nông dân khởi nghĩa khắp nơi. Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn thắng lợi đã đánh bại các tập đoàn phong kiến Lê, Trịnh, Nguyễn.

Nguyễn Du lập thân trong thời gian Lê Trịnh đến độ suy vi cùng cực, dân tình đời khổ, riêng Nguyễn Du sống vô định suốt 15 năm. Trong giai đoạn này, ông đã sống nhiều năm ở đất Bắc và quê hương, ông đã thông cảm nhiều với những đau thương, khổ cực của nhân dân. Gia Long lên ngôi đã vời ông ra làm quan. Ông được cử đi Trung Quốc. Năm 1820, ông lại được lệnh đi sứ Trung Quốc một lần nữa, nhưng chưa kịp đi thì bị bệnh mất tại Huế.

Ông để lại nhiều tác phẩm bằng chữ Hán và chữ Việt. Tác phẩm chính là cuốn truyện bằng thơ nhan đề *Đoạn trường tân thanh*, còn gọi là *Truyện Kiều*.

TRUYỆN KIỀU (Tác phẩm học trích)

Truyện Kiều (1) là một tác phẩm viết dựa theo cốt truyện quyền Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm tài nhân (Trung Quốc). Tuy dựa vào cốt truyện nước ngoài nhưng phần sáng tạo của Nguyễn Du lại hết sức lớn lao và có ý nghĩa quyết định đối với giá trị của tác phẩm.

Thúy Kiều là người con gái có nhan sắc, có nhiều tài, đặc biệt là tài đánh đàn. Nhưng quý hơn cả là đức hi sinh của nàng. Trước tai biến của gia đình, nàng đã hi sinh hạnh phúc của bản thân, khẳng khái quyết định: «Đề cho đề thiếp bán mình chuộc cha». Người con gái thông minh, tài hoa, giàu lòng vị tha ấy có một trái tim nồng nàn sôi nổi. Nàng mạnh

(1) TÓM TẮT NỘI DUNG «TRUYỆN KIỀU»

Là con gái một gia đình trung lưu lương thiện, *Thúy Kiều* sống bên cạnh cha mẹ và hai em là *Thúy Vân* và *Vương Quan*. Trong ngày hội Đạp thanh, gần năm mỗ Đạm Tiên — một hình ảnh báo hiệu định mệnh oan nghiệt sau này của nàng — *Thúy Kiều* gặp *Kim Trọng*.

đạn nhện lờn gán bó với Kim Trọng. Mỗi tình vượt ra ngoài lễ giáo phong kiến ấy cũng là mỗi tình rất trong sạch thủy chung. Nó phản ánh ước mơ giải phóng và phẩm chất đạo đức của nhân dân lao động. Nguyễn Du còn thể hiện ước mơ tự do công lí của thời đại nông dân khởi nghĩa qua hình ảnh Từ Hải. Từ Hải không chịu sống cảnh « vào luồn ra cúi », luôn khao khát cuộc sống « dọc ngang trời rộng, vẫy vùng bể khơi », « dọc ngang nào biết trên đầu có ai ». Từ Hải đã dám đứng lên « rạch đứt Sơn hà » chống lại triều Bao nhiêu lũ đầu trâu mặt ngựa từng dày dụa Kiều đều bị xử tội. Nhưng tiếc thay vì đầu hàng, Từ Hải đã bị chết. Truyện Kiều không chỉ thể hiện ước mơ của thời đại mà còn phản ánh chân thực xã hội phong kiến lúc suy tàn. Yêu thương, sáng khời bao nhiêu khi viết về mỗi tình của Kiều, về chí khí và cuộc đời Từ Hải, Nguyễn Du lại cảm hờn giận dữ bấy nhiêu khi phơi bày bộ mặt thật của xã hội phong kiến. Đó là xã hội lúc nhúc bộn quan lại, lũ cướp ngày chỉ biết đục khoét nhân dân. Tiêu biểu nhất là tên tổng đốc trọng thần Hồ Tôn Hiến, một kẻ bất tài mà độc ác, tráo trở, lừa lọc, dâm ô và thô bỉ. Trong xã hội đó nhan nhân lầu xanh, đầy rẫy những « phường bán thịt », những « tay buôn người », những tên lừa lọc kiểu Sở Khanh. Đồng tiền trở thành động lực chính chi phối cả xã hội, từ lương tâm tới công lí, từ tình nghĩa tới đạo đức :

« Trong tay đã sẵn đồng tiền

Dấu lòng đổi trắng thay đen khó gì ».

Trong xã hội ấy cuộc sống của con người bị chà đạp. Là người có sắc có tài lại có đức, nhưng Thúy Kiều không hề được hưởng hạnh phúc. Cả xã hội phong kiến thời đó đã dày dụa nàng, xô đẩy nàng vào cảnh « thanh y hai lượt thanh lâu hai lần ». Tình yêu, hạnh phúc

Mỗi tình đầu chớm nở. Nhận phải được chiết thoa rơi của Thúy Kiều, Kim Trọng bày tỏ nỗi lòng với Kiều và hai bên đính ước.

Khi Kim Trọng về quê hộ tang chủ, gia đình Kiều bị vu oan, cha và em bị bắt. Kiều phải bán mình chuộc cha.

Lần lượt bọn buôn người Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Tú Bà dùng mọi thủ đoạn lừa gạt, dồn Thúy Kiều vào cuộc sống ô nhục. Nàng được Thúc Sinh, một khách làng chơi hào phóng, yêu thương và cứu vớt ra khỏi cuộc sống ô nhục lầu xanh. Vợ cả Thúc Sinh là Hoạn Thư bày mưu bắt Kiều về hành hạ và dày dụa nàng. Kiều trốn đến nương nhờ sư Giác Duyên ở nơi cửa Phật. Sợ bị liên lụy, Giác Duyên gửi nàng cho Bạc Bà, không ngờ Bạc Bà lại lừa bán nàng cho một chủ lầu xanh. Ở đây, nàng gặp người anh hùng Từ Hải. Từ Hải chuộc nàng về làm vợ. Khi sự nghiệp thành, Từ Hải giúp Kiều báo ân báo oán. Do mắc lừa Hồ Tôn Hiến, tên đại thần tráo trở, Từ Hải bị giết chết. Kiều bị nhục phải hầu rượu, đánh đàn trong tiệc mừng công của quân triều rồi lại bị ép gả cho một viên thổ quan. Đau xót và tủi nhục, Kiều nhảy xuống sông Tiền Đường tự tử nhưng lại được Giác Duyên cứu. Lần thứ hai, Kiều nương nhờ nơi cửa Phật.

Kim Trọng sau khi hộ tang chủ, chàng trở lại tìm người yêu. Hay tin thăm khõe, Kim Trọng vô cùng đau đớn. Theo lời dặn của Kiều, cha mẹ Kiều cho Thúy Vân kết duyên với Kim Trọng. Không nguôi tình xưa, Kim Trọng lặn lội tìm kiếm và chàng đã gặp lại Kiều, cả gia đình đoàn tụ. Trong ngày đoàn viên vui vẻ, để bảo vệ « danh tiết » và tỏ lòng kính trọng người yêu, Kiều đòi tình vợ chồng thành tình bạn.

rồi ước mơ hi vọng của nàng đều bị phá vỡ. Không thể sống được, nàng phải gieo mình xuống sông Tiền Đường. Con đường cùng bi thảm của nàng là một lời kết án gay gắt xã hội phong kiến.

Bên cạnh đó tác phẩm còn thể hiện tư tưởng định mệnh, thái độ bi quan tiêu cực của Nguyễn Du trước cuộc đời. Tuy có bị tư tưởng phong kiến hạn chế, nội dung Truyện Kiều vẫn thấm nhuần tinh thần nhân đạo và có tính chất phê phán xã hội phong kiến khá sâu sắc.

Với Truyện Kiều, ngôn ngữ văn học dân tộc được nâng lên mức độ trong sáng tươi đẹp. Cái ý nhị của ca dao tục ngữ, bao nhiêu khả năng diễn tả của tiếng Việt, của thể thơ lục bát đều được Nguyễn Du khai thác và sử dụng một cách rất tài tình. Nhiều cảnh sống và nhiều con người được Nguyễn Du xây dựng thành những điển hình bất hủ.

Tóm lại, Truyện Kiều có giá trị rất lớn về mặt nội dung và nghệ thuật, xứng đáng giữ một địa vị cao bậc nhất trong nền văn học cổ nước ta. Truyện Kiều cũng là một tác phẩm văn học có giá trị của nền văn học thế giới.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Dựa theo sách giáo khoa, làm dàn ý chi tiết bài giới thiệu.
2. Tìm những chi tiết chủ yếu trong tiểu sử Nguyễn Du giúp cho việc hiểu nội dung Truyện Kiều.
3. Tóm tắt Truyện Kiều. Tìm chủ đề, giá trị nội dung và nghệ thuật chủ yếu của Truyện Kiều.

CẢNH MÙA XUÂN

Ngày xuân con én đưa thoi ⁽¹⁾
 Thiều quang chín chục ⁽²⁾ đã ngoài sáu mươi,
 Cỏ non xanh tận chân trời,
 Cảnh lê trắng điểm một vài bông hoa ⁽³⁾
 Thanh minh ⁽⁴⁾ trong tiết tháng ba,
 Lễ là Tảo mộ, hội là Đạp thanh ⁽⁵⁾
 Gần xa nô nức yến anh ⁽⁶⁾
 Chị em ⁽⁷⁾ sum sưa bộ hành chơi xuân.
 Đạp dư ⁽⁸⁾ tài tử, giai nhân ⁽⁹⁾
 Ngựa xe như nước, áo quần như nen ⁽¹⁰⁾
 Ngõn ngang gò đồng kéo lên,
 Thoi vàng vó ⁽¹¹⁾ rắc, tro tiền giấy bay ⁽¹²⁾

Tà tà bóng ngả về tây,
 Chị em thơ thần đan tay ra về,
 Bước lần theo ngọn tiểu khe⁽¹⁾
 Lăn xem phong cảnh có bề thanh thanh.
 Nao nao dòng nước uốn quanh,
 Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang...

NGUYỄN DU

(Trích theo bản *Truyện Thúy Kiều*
 của Bùi Kỳ)

Chú thích:

- (1) *Ngọn tiểu khe* : mùa xuân chim én bay lượn qua lại thoăn thoắt như thoi đưa, hình ảnh chim én đưa thoi cũng dùng để nói ngày xuân đi qua nhanh chóng.
 (2) *Thiếu quang* : ánh sáng đẹp đẽ, ý nói tiết mùa xuân. Cả câu thơ ý nói : 90 ngày mùa xuân, mà đã ngoài 60 ngày rồi, nghĩa là qua hai tháng rồi.
 (3) *Cỏ non... cành lê... bông hoa* : sắc cỏ lẫm lẫm trời xanh, cành lê lác đác có một vài bông. Đó là cảnh tháng ba.
 (4) *Thanh minh* : thời tiết trong lịch cổ. Thanh minh là một tiết của mùa xuân, vào đầu tháng ba. Theo phong tục cổ, về tiết này người ta đi tảo mộ, nghĩa là đi sửa sang vun đắp lại mộ mã.
 (5) *Đạp thanh* : đi chơi giẫm lên cỏ xanh tức là đi chơi xuân.
 (6) *Gán xa nô nước yên anh* : nơi gán nơi xa, thanh niên trai gái nô nước kéo nhau đi từng đoàn như chim yên, chim anh.
 (7) *Chị em* : tức là Thúy Kiều, Thúy Vân và Vương Quan.
 (8) *Dập dìu* : qua lại đồng đều nhộn nhịp.
 (9) *Tài tử giai nhân* : người con trai có tài, người con gái đẹp.
 (10) *Nen* : (có bản ghi là nệm). Áo quần như nen : ở đây ý chỉ người đi lại đông đúc, san sát.
 (11) *Vàng vó* : hay *vàng hồ*, dùng để cúng và đốt cho người chết.
 (12) *Tiến giấy* : tiến giả làm bằng giấy để cúng và đốt cho người chết.
 (13) *Tiểu khe* : khe nhỏ, dòng suối nhỏ.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tác giả đã tả cảnh mùa xuân theo trình tự nào ?
2. Tác giả đã chọn những hình ảnh nào làm rõ nét cho cảnh mùa xuân ?
3. Cảnh vật và con người trong đoạn thơ thống nhất với nhau như thế nào ?

GIA ĐÌNH THÚY KIỀU MẮC OAN

Tần ngần⁽¹⁾ dạo gót lầu trang,
 Một đoàn mừng thọ ngoại hương⁽²⁾ mới về
 Hàn huyên chưa kịp giải đề⁽³⁾,
 Sai nha⁽⁴⁾ bỗng thấy bốn bề xôn xao :
 Người nách thước, kẻ tay đao,
 Đầu trâu, mặt ngựa, ào ào như sôi.
 Già giang⁽⁵⁾ một lão một trai,
 Một dây vô lai⁽⁶⁾ buộc hai thâm tình.
 Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh⁽⁷⁾
 Rung rời khung cửa, tan tành gói mây⁽⁸⁾,
 Đồ tể nhuyển⁽⁹⁾ của riêng tây,
 Sạch sành sanh⁽¹⁰⁾ vét cho đầy túi tham,
 Điều đâu bay buộc ai làm ?
 Nay ai đan rập, giắt giãm hồng dung⁽¹¹⁾ ?
 Hốt ra sau mới biết rằng
 Phải tên xưng xuất⁽¹²⁾ là thằng bán tơ.
 Một nhẽ hoảng hốt, ngần ngại,
 Tiếng oan dậy đất, án ngờ lỏa mây⁽¹³⁾.
 Hạ từ⁽¹⁴⁾ van lạy suốt ngày,
 Đắc tai lân tuất, phủ tay tồi tàn⁽¹⁵⁾
 Rường cao rút ngược⁽¹⁶⁾ dây oan,
 Dẫu là đá cũng nát gan, lọ người !
 Mặt trông đau đớn rung rờ,
 Oan này còn một kêu trời, nhưng xa !
 Một ngày lạ thói sai nha⁽¹⁷⁾
 Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền.
 Sao cho cốt nhục⁽¹⁸⁾ vẹn tuyền
 Trong khi ngộ biến tòng quyền⁽¹⁹⁾ biết sao ?
 Duyên hội ngộ⁽²⁰⁾, đức cù lao,
 Bền tình bền hiếu, bền nào nặng hơn ?
 Để lời thệ hải minh sơn⁽²¹⁾,
 Làm con, trước phải đền ơn sinh thành⁽²²⁾.

Quyết tình, nàng mời hạ tình:
 « Dễ⁽²³⁾ cho dễ thiệp bán mình chuộc cha ! »
 Họ Chung có kẻ lại⁽²⁴⁾ già,
 Cũng trong nha dịch⁽²⁵⁾ lại là từ tâm !
 Thấy nàng hiểu trọng tình thâm,
 Vì nàng, nghĩ⁽²⁶⁾ cũng thương thâm, xót vay.
 Tinh bài lót đó, luồn đây⁽²⁷⁾
 Có ba trăm lạng, việc này mới xuôi.
 Hãy về tam phó⁽²⁸⁾ giam ngoài.
 Dẫn nàng quy liệu⁽²⁹⁾ trong đôi ba ngày.
 Thương lòng con trẻ thơ ngây,
 Gặp cơn va gió⁽³⁰⁾, tai bay bắt kì !
 Đau lòng từ biệt sinh li⁽³¹⁾ !
 Thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên⁽³²⁾ !

NGUYỄN DU

(Trích theo bản Truyện Thúy Kiều
 của Bùi Kỳ)

Chú thích :

- (1) Tán ngắn : vắn vớ, ngắn ngủn.
- (2) Ngoại hương : quê bên ngoài, quê mẹ.
- (3) Giải để : bày tỏ, giải bày.
- (4) Sai nha : chỉ chung bọn lính hầu và văn thư làm việc ở cửa quan ngày xưa.
- (5) Giã giàng : cái gong gong vào cổ (gong là một thứ đồ vật bằng tre hay bằng gỗ, đeo vào cổ người có tội).
- (6) Vô lại : nghĩa đen : chỉ hạng người du thủ du thực, lưu manh, côn đồ. Một dây vô lại : cái dây của bọn người vô lại. Hai thâm tình : chỉ hai cha con Vương ông, Vương Quan (bỏ và em Thúy Kiều).
- (7) Ruồi xanh : đây là cách dùng hình ảnh ẩn dụ (vi ngấm), ý nói bọn sai nha như một bầy nhặng xanh bám thủ, ồm ồm.
- (8) Có bản chép : Rung rờ giọt liễu, tan tành gòi mai.
- (9) Tê nhuyển : các đồ dùng như quần áo, chăn gối...
- (10) Sạch sành sanh : chủ ý đây là loại từ láy trong tiếng Việt, gồm một tiếng gốc và một hoặc hai tiếng láy, có tác dụng làm cho nghĩa tiếng gốc mạnh thêm hoặc yếu đi : sạch sành sanh, tôi mò mò, đen thui thui, xanh xanh, biêng biếc, sang sảng...
- (11) Rập : một thứ đồ dùng để bắt cá. Giùm : cái bẫy. Này ai... bỗng dưng : ý nói bỗng nhiên mắc phải tai nạn không biết tại ai bầy mưu lập kế để làm hại mình.

- (12) Xưng xuất : khai ra, nói ra. Tên xưng xuất : trong bài ý nói tên vu oan tội cho người khác.
- (13) ...dây đất... lừa mảy : ý nói vụ án hết sức oan ức.
- (14) Hạ từ : lời nói nhún nhường. Cả câu ý nói chịu nhún nhường mà bày tỏ, kêu van.
- (15) Lăn tuột : thương xót. Cả câu ý nói tiếng kêu van thương xót râm rì (điếc tai) mà bọn người độc ác (tay tối tàn) thì cứ đánh đập tàn nhẫn (phủ phàng).
- (16) Rường cao... rút ngược... : cả câu ý nói treo người lên xà nhà cao (tường cao) mà tra tấn.
- (17) Một ngày... sai nha... : ý nói : ngày nào mà không lo liệu được theo thói thường của bọn sai nha (đút lót) thì chúng hành hạ cho thật là khốc hại.
- (18) Cốt nhục : xương thịt, ý nói người thân thiết ruột thịt.
- (19) Ngộ biên : gặp biên — Tông quyền : tùy hoàn cảnh mà xử trí.
- (20) Duyên hội ngộ : duyên gặp gỡ, ý nói mối tình giữa Thúy Kiều với Kim Trọng.
- (21) Thế hải minh sơn : chỉ non thế biển, ý nói lời thề. Đây là lời thề nguyên chung thủy của Kiều đối với Kim Trọng.
- (22) Ơn sinh thành : ơn cha mẹ đã sinh đẻ, nuôi nấng cho mình khôn lớn.
- (23) Dễ cho : (tiếng cò) hãy khoan đã, hãy chờ.
- (24) Lại : một loại viên chức ở các phủ huyện thời phong kiến — Chủ ý phân biệt nghĩa khác nhau với chữ lại ở câu dưới.
- (25) Nha dịch : chỉ những người làm việc ở các phủ huyện.
- (26) Nghĩ : đại từ ngôi thứ ba cũng như hắn, nó.
- (27) Tinh bài lót đó luồn đây : tìm cách đút lót tiền cho bọn quan lại, sai nha.
- (28) Tam phó : Tam cho.
- (29) Quy liệu : thu xếp.
- (30) Va gió, tai bay : thành ngữ, ý nói gặp tai và bất ngờ.
- (31) Từ biệt sinh li : sống chết biệt li, thành ngữ ý nói cảnh chia lìa đau xót.
- (32) Duyên : ở đây chỉ mối tình đôi với Kim Trọng.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Đoạn trích giảng ở phần nào của Truyện Kiều ? Trước và sau đoạn này là những sự việc gì ? Đoạn trích kể lại chuyện gì ?
2. Nghệ thuật tả ngoại hình tài tình của Nguyễn Du cho ta thấy hình ảnh bọn sai nha như thế nào ? Hình ảnh đó biểu hiện bản chất gì của chế độ phong kiến ?
3. Phân tích diễn biến tâm lí của Kiều trước tai họa của gia đình để thấy tài tả nội tâm nhân vật của Nguyễn Du. Phê phán cách xử sự của Kiều để thấy chỗ đúng, chỗ sai.

NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU – LỤC VĂN TIẾN

NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU (1822-1888)

Nguyễn Đình Chiểu sinh ngày 1-7-1822 tại làng Tân Khánh huyện Bình Dương tỉnh Gia Định (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh) trong một gia đình nhà nho nghèo. Bố ông là một viên thư lại nhỏ ở Gia Định, sau lại bị cách chức.

Nguyễn Đình Chiểu sống trong giai đoạn lịch sử «khó nhọc nhưng vĩ đại» của dân tộc ta. Đó là thời đại nhân dân liên tiếp nổi dậy chống chế độ phong kiến nhà Nguyễn hà khắc. Đó là thời kì thực dân Pháp xâm lược, bọn phong kiến nhà Nguyễn từng bước đầu hàng giặc nhọc nhằn. Còn nhân dân ta, với truyền thống yêu nước, đã đứng lên kháng chiến chống Pháp ở khắp nơi, đặc biệt là ở Nam Bộ, nơi Nguyễn Đình Chiểu sống.

Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu có nhiều éo le. Năm 1846 ông ra Huế chuẩn bị thi thì được tin mẹ mất phải trở về chịu tang. Vì thương khóc nhiều, vì mệt nhọc, ông bị bệnh rồi bị mù mắt. Về đến quê, gia đình vợ chưa cưới lại bội ước. Với nghị lực lớn lao, ông vượt qua mọi nỗi đau buồn riêng tư, vừa dạy học, vừa bốc thuốc, vừa sáng tác thơ văn thể hiện lí tưởng của mình. Năm 1858 Pháp xâm lược nước ta. Năm 1859 chúng đánh Gia Định rồi chiếm ba tỉnh miền Đông, ba tỉnh miền Tây. Nguyễn Đình Chiểu chạy về Cần Giuộc sau về Bến Tre. Căm giận bọn xâm lược và bọn bán nước, Nguyễn Đình Chiểu một mặt liên hệ với các sĩ phu yêu nước để góp ý kiến, mặt khác ông dùng thơ văn lên án bọn xâm lược, bọn tay sai, ca ngợi những anh hùng liệt sĩ đã hi sinh cho Tổ quốc. Sau khi chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam Bộ, biết Nguyễn Đình Chiểu là nhà nho có uy tín lớn trong nhân dân, thực dân Pháp nhiều lần tìm cách mua chuộc ông. Ông đã dứt khoát khước từ, nêu cao khí phách bất khuất của một người yêu nước. Ông mất ngày 3-7-1888, thọ 66 tuổi.

Sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu đều viết bằng tiếng Việt. Trước khi Pháp đánh chiếm Nam Bộ, ông có làm thơ văn và viết hai tác phẩm dài là *Dương Từ Hà Mậu* và *Lục Văn Tiên*. Khi Pháp xâm lược Nam Bộ, ông viết các bài thơ *Điều Trương Định*, *Phan Tông*, *Văn tế vong hồn dân mộ nghĩa ở Cần Giuộc* (còn gọi là *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*), *Ngư tiều y thuật vấn đáp* v.v... Toàn bộ tác phẩm của ông đều thấm nhuần lí tưởng nhân nghĩa và lí tưởng yêu nước thiết tha.

LỤC VĂN TIẾN (Tác phẩm học trích)

Truyện *Lục Văn Tiên* (1) là tác phẩm tiêu biểu cho giai đoạn sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu trước khi Pháp xâm lược đồng thời là tác phẩm ưu tú của văn học nước

(1) TÓM TẮT TRUYỆN «LỤC VĂN TIẾN»

Truyện *Lục Văn Tiên* gồm 2080 câu và có thể chia làm bốn đoạn:

1. *Lục Văn Tiên gặp Kiều Nguyệt Nga*: Lục Văn Tiên là một người học trò có tài và có đức. Từ thuở nhỏ gia đình đã đính hôn Lục Văn Tiên với Võ Thái Loan, con

ta. Ông đã nhiệt tình ca ngợi cuộc chiến đấu cho lí tưởng nhân nghĩa, ca ngợi những con người trung nghĩa. Các nhân vật chính của tác phẩm đều bừng bừng khí thế chiến đấu chống lại mọi áp bức bất công, bảo vệ chính nghĩa, nêu cao đạo đức nhân nghĩa ở đời. Ông nhiệt tình ca ngợi những thanh niên luôn nêu cao chủ nghĩa anh hùng «phò đời giúp nước», thấy sự bất bằng không thể bỏ qua, ca ngợi người phụ nữ kiên trinh chung thủy chống lại mọi ách áp bức của cường quyền, mọi thủ đoạn cường bức hèn hạ, bảo vệ tình yêu cao quý. Qua tác phẩm ông còn biểu dương phẩm chất cao đẹp của những con người xuất thân từ quần chúng nhân dân, tố cáo và lên án hàng loạt những tên bội bạc, gian ác thuộc nhiều loại người trong xã hội. Tuy còn bị hạn chế bởi những tư tưởng phong kiến, nội dung tác phẩm *Lục Văn Tiên* đã thấm nhuần tính nhân dân sâu sắc, vì thế tác phẩm được nhân dân Nam Bộ hết sức yêu mến.

Với *Lục Văn Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu đã góp vào kho tàng văn học dân tộc một đóa hoa ngát hương thơm. Tuy còn một số thiếu sót trong việc miêu tả nhân vật, trau chuốt câu thơ, Nguyễn Đình Chiểu đã thể hiện một cách tài tình cái ý nhị, chất phác, bộc trực của tâm hồn Nam Bộ, ngôn ngữ Nam Bộ trong tác phẩm. Nhiều nhân vật của ông có sức sống mạnh mẽ trong lòng nhân dân. Một nét đặc sắc của tác phẩm, đó là tính chất tự thuật.

Con đường văn chương của Nguyễn Đình Chiểu là con đường vẻ vang. Văn chương và cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu là một tâm gương sáng chói nêu cao đạo đức cao quý của nhà văn, nêu cao nhiệm vụ phục vụ chính nghĩa, phục vụ cuộc đấu tranh yêu nước của văn học.

Võ Công. Lục Văn Tiên lên kinh đô thi, giữa đường gặp Kiều Nguyệt Nga bị cướp hắt, Lục Văn Tiên phá tan bọn cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga thoát nạn. Kiều Nguyệt Nga cảm công ơn của Lục Văn Tiên, nguyện sẽ lấy Lục Văn Tiên.

2. *Lục Văn Tiên gặp nạn*: Lục Văn Tiên đến kinh đô, sắp vào thi thì được tin mẹ mất, nên phải bỏ kinh đô về nhà để chịu tang, giữa đường vì đau buồn nên mắc bệnh, mắt mù. Lục Văn Tiên bị bọn thầy lang, thầy pháp lừa dối lấy hết tiền rồi lại bị một tên hạn xâu (Trình Hâm) lập mưu đẩy xuống sông. Được vợ chồng một ngư ông vớt lên, Lục Văn Tiên tìm đến nhà Võ Thái Loan để nhờ cậy, nhưng lại bị cha con Võ Thái Loan mưu hại, mang bỏ vào trong hang núi. Lục Văn Tiên được một tiên ông cứu và nhờ có thuốc tiên cho, Lục Văn Tiên khỏi mù, rồi lại được người bạn tốt là Hồn Minh đem về ở một ngôi chùa.

3. *Kiều Nguyệt Nga phải sang công Phiến*: Còn Kiều Nguyệt Nga, nhờ công ơn Lục Văn Tiên, không chịu lấy con một tên gian thần. Tên gian thần trả thù, âm mưu bắt nàng sang công Phiến. Giữa đường Kiều Nguyệt Nga nhảy xuống sông, nhưng được Phật cứu khỏi chết và sau vào ở nhờ nhà một lão bà.

4. *Lục Văn Tiên và Kiều Nguyệt Nga được sum họp*: Lục Văn Tiên sau khi đó trạng nguyên, được vua cử đi đánh Phiến. Lúc thắng trận trở về tình cờ gặp Kiều Nguyệt Nga. Hai người nhận được nhau, đưa nhau về triều, cùng nhau sum họp một nhà còn bọn gian nịnh, tham ác đều bị trừng trị.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Dựa theo sách giáo khoa, làm dàn ý chi tiết bài giới thiệu.
2. Tìm những chi tiết chính trong tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu để giúp cho việc hiểu tính chất tự truyện của tác phẩm *Lục Vân Tiên*.
3. Đọc tóm tắt *Truyện Lục Vân Tiên*, liên hệ với bài học, tìm chủ đề, đặc điểm nội dung và nghệ thuật chính của tác phẩm.

LỤC VÂN TIÊN ĐÁNH CƯỚP

- 1 Kê từ tách dậm (1) đến nay,
Mãi mê tính đã mấy ngày xông sương (2),
Đoái nhìn phong cảnh thêm thương,
Voi voi (3) dậm cũ (4) nẻo đường còn xa.
- 5 Chi bằng kiếm chốn lân gia (5)
Trước là tìm bạn, sau là ngủ chân.
Việc chi than khóc tung bừng (6)
Đều đem nhau chạy vào rừng lên non.
- 10 Tiên rằng « Bớ chủ công con!
« Việc chi nên nổi bon bon (7) chạy hoài? »
Dân rằng: « Tiều tử (8) là ai?
« Hay là một lũ sơn đài (9) theo tao? »
Tiên rằng: « Cơ sự làm sao?
« Hãy dừng gót lại mà trao một lời! »
Dân nghe tiếng nói khoan thai,
Kéo nhau đứng lại vài lời phân qua (10):
Nhân rày có đảng (11) lâu la (12)
« Tên là Đồ Dự, hiệu là Phong Lai:
« Nhóm nhau ở chốn sơn đài,
20 « Người đều sợ nó có tài khôn (13) đương.
« Bây giờ xuống cướp thôn hương (14),
« Thấy con gái tốt (15) qua đường bắt đi!
« Xóm làng chẳng dám nói chi,
« Cảm thương hai gã nữ nhi mắc nạn (16)!

- « Con ai vóc ngọc mình vàng,
« Má đào mày liễu (17) dung nhan lạnh lùng (18)
« E (19) khi mắc đảng hành hung.
« Uổng trang thục nữ (20) sánh cùng thất phu (20)
« Thôi thôi chẳng dám nói lâu,
30 « Chạy đi cho khỏi, kéo âu (21) tời mình ».
Vân Tiên nổi giận lời đình (22)
Hỏi thăm: « Lũ nó còn đình (23) nơi nao?
« Tôi xin ra sức anh hào (24),
« Cứu người cho khỏi lao đao buổi này! »
35 Dân rằng: « Lũ nó còn đây!
« Qua xem tướng bậu (25) thơ ngây đã đành:
E khi họa hồ bất thành (26)
« Khi không mình lại xô mình xuống hang! »
Vân Tiên ghé lại bên đảng,
40 Bẻ cây làm gậy nhắm đảng xông vô.
Kêu rằng: « Bớ đảng hung đồ (27)!
« Chớ quên làm thói hồ đồ (28) hại dân! »
Phong Lai mặt đỏ phừng phừng (29):
« Thằng nào lại dám lấy lưng vào đây!
45 « Trước gây việc dữ tại mày!
« Truyền quân bốn phía bõ vây bịt bùng ».
Vân Tiên tả đột hữu xông (30)
Khắc nào Triệu Tử mở vòng Đương Dương (31),
Lâu la bốn phía vỡ tan,
Đều quăng gươm giáo tìm đường chạy ngay,
Phong Lai trở chẳng kịp tay,
Bị Tiên một gậy thác rây thân vong (32)!

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
Trích *Lục Vân Tiên*

Chú thích:

- (1) Tách dậm: dời bước trên dậm đường.
- (2) Xông sương: xông pha sương gió.
- (3) Voi voi: can bót, can dấn, hơi voi. (Đã voi voi công việc). Ở đây là thăm thăm menh menh.
- (4) Dậm cũ: ở đây chỉ dậm đường về nhà.

- (5) *Lân gia* : nhà hàng xóm, ở đây nói nhà ở gần đó.
 (6) *Tưng bừng* : rộn rịp, vui vẻ, ở đây có nghĩa là ồn ào.
 (7) *Bon bon* : chạy nhanh. Xe chạy bon bon.
 (8) *Tiểu tử* : chú nhỏ. Nhân dân thầy Văn Tiên ít tuổi nên gọi như thế.
 (9) *Lũ sơn đải* : chỉ bọn cướp ở núi.
 (10) *Phân qua* : bày tỏ cho rõ sự việc.
 (11) *Đảng* : ở đây là bọn, phe, có nghĩa xấu (đảng cướp).
 (12) *Lâu la* : bọn cướp tụ họp ở rừng núi.
 (13) *Khôn đường* : có nghĩa là khó địch nổi (*Khôn* : khó, *đường* : đường đầu).
 (14) *Thôn hương* : xóm làng.
 (15) *Con gái tốt* : con gái đẹp.
 (16) *Nữ nhi mắc mẩn* : con gái mắc tai nạn.
 (17) *Má đào mây liễu* : thành ngữ, ý chỉ con gái đẹp.
 (18) *Dung nhan lạnh lùng* : nét mặt đẹp.
 (19) *E* : ngại, sợ.
 (20) *Thục nữ* : người con gái dịu dàng, đoan chính. *Thất phu* : kẻ hèn mọn, thô bỉ.
 (21) *Kéo âu tời mình* : (âu : lo). Ở đây ý nói kéo mang tai họa (lo âu) đến cho mình.
 (22) *Nổi giận lôi đình* : (lôi đình : sấm sét) nổi giận dữ dội như sấm sét.
 (23) *Đình* : dừng lại.
 (24) *Anh hào* : bậc tài giỏi hơn người.
 (25) *Qua* : ta ; *bậu* : bạn, em, thường dùng chỉ người dưới mình hay ít tuổi.
 (26) *Họa hổ bắt thành* : vẽ cọp chẳng nên hình. (thành ngữ) ý nói muốn làm việc lớn, nhưng không làm nổi. Cả hai câu ý nói : chỉ ngại Văn Tiên làm việc tốt giúp dân không thành, mà mình lại gặp phải tai nạn.
 (27) *Đảng hung đồ* : bọn làm điều tàn ác, bọn kẻ cướp.
 (28) *Hồ đồ* : lừa mờ, không rõ ràng (ẩn nói hồ đồ). Ở đây có nghĩa là bừa phứa, càn rỡ.
 (29) *Đồ phùng phùng* : đồ bưng bưng.
 (30) *Tả đột hữu xông* : (thành ngữ : tả xung hữu đột) đánh bên trái, xông bên phải : ý nói tung hoành, xông xáo trong trận.
 (31) *Triệu Tử... Dương Dương* : tức Triệu Vân, còn gọi là Triệu Tử Long, tướng tài của Lưu Bị đời Tam Quốc, một mình phá vòng vây của Tào Tháo ở trận Dương Dương bảo vệ được con của Lưu Bị thoát nạn.
 (32) *Thác rây thân vong* : mất mạng, chết bỏ thân.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tính cách nhân vật Lục Vân Tiên được thể hiện qua hành động, lời nói như thế nào? Qua đoạn trích, tác giả giới thiệu với người đọc nhân vật Lục Vân Tiên là một con người như thế nào?

2. Tại sao có thể nói Lục Vân Tiên tiêu biểu được phần nào tinh thần « vì nghĩa » của đồng bào Nam Bộ trong cuộc đấu tranh chống bọn phong kiến nhà Nguyễn, bọn thực dân Pháp và bọn đế quốc MI?

Gợi ý :

— Đoạn này nêu lên một phần tư tưởng nhân nghĩa trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*. Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu có phần chịu ảnh hưởng của những điểm tích cực trong đạo nho, nhưng chủ yếu là bắt nguồn từ tư tưởng lành mạnh của nhân dân nhờ sự tiếp xúc lâu dài của nhà thơ đối với quần chúng.

— Lục Vân Tiên đánh tan bọn cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga là vì chàng hào hiệp, đứng cam, trọng nghĩa, mặc dầu có thể nguy hiểm đến tính mạng vẫn quyết phân đầu vì nghĩa :

- + Thầy đâm cướp bắt người, chàng cứu người vì nghĩa (Tôi xin ra sức anh hào).
- + Thầy việc nghĩa xông vào làm không đắn đo, do dự (nhân dân lo lắng, nhưng Văn Tiên quyết tâm đánh bọn cướp).
- + Vì nghĩa mà hành động dũng cảm (một mình đánh tan bọn cướp).

— Lục Vân Tiên đã tiêu biểu phần nào tinh thần « vì nghĩa » của đồng bào Nam Bộ trong cuộc đấu tranh chống bọn phong kiến nhà Nguyễn, bọn thực dân Pháp và bọn đế quốc MI cùng bè lũ tay sai sau này. Tinh thần « vì nghĩa » đó đã thể hiện tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu. Đó cũng là tư tưởng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu.

ĐỌC THÊM

ĐỪ ĐUI MÀ GIỮ ĐẠO NHÀ

Thà cho trước mắt mù mù,
 Chẳng thà⁽¹⁾ ngồi thấy kẻ thù quân thân⁽²⁾,
 Thà cho trước mắt vô nhận⁽³⁾,
 Chẳng thà ngồi ngó sinh dân nghiêng nghèo.
 Thà cho trước mắt vắng hui,
 Chẳng thà thấy cảnh trời chiều phân xam.
 Thà cho trước mắt tối sầm,
 Chẳng thà thấy đất lục trầm⁽⁴⁾ can qua.
 Dù đui mà giữ đạo nhà,
 Còn hơn có mắt ông cha không thờ.
 Dù đui mà khỏi danh nhơ,
 Còn hơn có mắt ăn dơ tanh rình,
 Dù đui mà đặng trọn mình,
 Còn hơn có mắt đôi hình tóc râu⁽⁵⁾.

Sáng chi theo thói chiến cầu⁽⁶⁾,
 Dọc ngang chẳng đoái trên đầu có ai.
 Sáng chi đắm sắc tham tài⁽⁷⁾,
 Lung lòng nhân dục⁽⁸⁾ chuốc tai họa trời.
 Sáng chi đua nịnh theo đời,
 Nay vinh mai nhục mang lời thị phi⁽⁹⁾.
 Sáng chi nhân nghĩa⁽¹⁰⁾ bỏ đi,
 Thảo ngay chẳng biết, lỗi nghi thiên luân⁽¹¹⁾.
 Thấy rồi muôn việc trong trần⁽¹²⁾,
 Xin còn hai chữ « tâm thần »⁽¹³⁾ ở ta.

NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU
 (Trích Ngự. Tiểu y thuật vắn đáp)

GỢI THIỆU SƠ LƯỢC « NGỰ, TIỂU VẮN ĐÁP »

Ngự, Tiểu vắn đáp hay Ngự, Tiểu y thuật vắn đáp là chuyện hai người bạn Mộng Thê Triển và Bào Tứ Phước ở đất U Yên bên Trung Quốc : vì vua nhà Tấn cắt đất U Yên cho bọn xâm lược Liêu, nên Mộng Thê Triển cùng Bào Tứ Phước đi ẩn, không chịu sống dưới ách nhà Liêu. Mộng Thê Triển đi làm tiền phu, Bào Tứ Phước thì làm nghề chài lưới. Vợ con hai người chẳng may đều bị bệnh chết cho nên họ muốn đi tìm thầy học thuốc. Ngự, Tiểu vắn đáp kể lại cuộc hành trình của hai người bạn đi tìm Kị Nhân Sư là một thầy thuốc rất giỏi và cũng là người U Yên đi ẩn.

Truyện gồm 3642 câu thơ lục bát (có bản chép 3644 câu), nhiều bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt và nhiều bài ca dài nói về y thuật. Có thể chia hai phần chính : phần dài nhất là phần nói về nghề thuốc, còn một phần nói về thời thế, về lòng yêu nước thương dân. Nhưng trình bày y thuật chỉ là một cơ, còn bộc lộ tư tưởng của mình, nêu cao lòng yêu nước, thương người, đạo đức cao quý của người trí thức phong kiến chân chính mới thật là mục đích mà tác giả Ngự, Tiểu y thuật vắn đáp muốn thực hiện.

Đoạn thơ trên trích ở phần thứ 4 — Vua nhà Liêu mời Nhân Sư làm thầy thuốc chữa bệnh cho mình. Vì không chịu phụng sự cho tên vua nhà Liêu xâm lược nên Nhân Sư đã xông hai mắt cho mù và đi lánh mình ở núi. Khi Ngự, Tiểu đến Đan Kỵ thì không được gặp Nhân Sư, chỉ có Đạo Dẫn (học trò Nhân Sư) kể lại chuyện Nhân Sư xông mắt cho mù, không chịu phục vụ cho Liêu, Đạo Dẫn nhắc lại lời của Nhân Sư.

Chú thích :

(1) Thà... chẳng thà... (thà : đành vậy) chịu vậy còn hơn. Đây là lời nói cũ, bây giờ thường nói : Thà... còn hơn... Thà chết vinh còn hơn sống nhục.

(2) Kẻ thù quân thân : kẻ thù của vua, của cha mẹ. Ý nói kẻ thù của đất nước.

(3) Vô nhân : ý nói không thầy gì.

(4) Lục trảm : chém đầu trên cạn : ý nói nước mắt nhân dân bị chìm đắm trong chiến tranh (can qua).

(5) Đồi hình tóc râu : theo cách để tóc, để râu, bôi mặt mày như quân xâm lược. Ý nói làm tay sai cho giặc.

(6) Chiến cầu : áo bằng da con chiến. Ý nói ăn mặc theo cách ăn mặc của bọn xâm lược.

(7) Đắm sắc tham tài : tham gái, tham tiền của, ý nói ăn chơi hưởng lạc.

(8) Lung lòng nhân dục : lòng ham muốn của con người bị lung lạc.

(9) Lời thị phi : (thị : phải, phi : trái) lời phải trái, ý nói lời bàn luận khen chê của người đời.

(10) Nhân nghĩa : tình thương yêu quý trọng con người.

(11) Lỗi nghi thiên luân : có lỗi với nghĩa thiên luân (lẽ thường trong đời), ý nói trái với lẽ thường đạo đức trong đời sống.

(12) Trần : chỉ cõi đời.

(13) Tâm thần : ý nói xin giữ trọn chính nghĩa theo đúng lương tâm.

VĂN TẾ NGHĨA SĨ⁽¹⁾ CẦN GIUỘC⁽²⁾

1. Hỡi ơi ! Súng giặc đất rền, lòng dân trời tỏ
2. Mười năm công võ ruộng, chưa ắt còn danh nổi như phao; một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất tiếng vang như mõ.
3. Nhớ linh xưa :
 Côi cút⁽³⁾ làm ăn; toan lo nghèo khó.
4. Chưa quen cung ngựa, đâu tới trường nhung⁽⁴⁾; chỉ biết ruộng trâu, ở trong làng bộ.
5. Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn làm quen; tập khiên⁽⁵⁾, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa từng ngó.
6. Tiếng phong hạc⁽⁶⁾ pháp phòng hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa, mùi tinh chiến⁽⁷⁾ vấy vá⁽⁸⁾ đã ba năm, ghét thói mặt như nhà nông ghét cỏ.
7. Bữa thấy bông bong⁽⁹⁾ che trắng lớp, muốn tới ăn gan; ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cỏ.

8. Một mối xa thư⁽¹⁰⁾ đồ sộ, há để ai chém rắn đuổi hươu⁽¹¹⁾; hai vầng nhật nguyệt chói lòa, đâu dung lũ treo dê, bán chó.
9. Nào ai đòi, ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình⁽²¹⁾; chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ⁽¹²⁾.
10. Khá thương thay!
Vốn chẳng phải quân cơ, quân vệ, theo dòng ở lĩnh diễn binh⁽¹³⁾; chẳng qua là dân ấp, dân lân, mến nghĩa làm quân chiêu mộ⁽¹⁴⁾.
11. Mười tám ban võ nghệ, nào đợi tập rèn, chín chục trận binh thư, không chờ bày bố.
12. Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu⁽¹⁵⁾ bầu ngòi⁽¹⁶⁾; trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài, sắm dao tu⁽¹⁷⁾, nón gõ⁽¹⁸⁾.
13. Hỏa mai đánh bằng rơm con cùi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia; gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ.
14. Chi nhọc quan quân giống trống kị, trống giục; đập rạo lưỡi tôi, coi giặc cũng như không; nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có.
15. Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà⁽¹⁹⁾ Ma-ni⁽²⁰⁾ hồn kinh; bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu thủy, tàu đồng, súng nổ.
16. Những lăm lòng nghĩa lâu dùng; đâu biết xác phàm vội bỏ.
17. Một chầu sa trường rằng chữ hạnh⁽²¹⁾, nào hay đa ngựa học thầy; trăm năm âm phủ ấy chữ quy⁽²¹⁾, nào đợi gươm hùm treo mộ⁽²²⁾.
18. Đoài sông Cần Giuộc cỏ cây mấy dặm sầu giăng; nhìn chợ Trường Bình⁽²³⁾, già trẻ hai hàng lụy nhỏ.
19. Chẳng phải án cướp, án gian đây tôi, mà vì binh⁽²⁴⁾ đánh giặc cho cam tâm; vốn không giữ thành, giữ lũy bỏ đi, mà hiệu lực⁽²⁵⁾ theo quân cho đáng số.

20. Nhưng nghĩ rằng:
Tắc đất ngon rau ăn chúa, tài bồi⁽²⁶⁾ cho nước nhà ta, bát cơm manh áo ở đời, mắc mớ chi ông cha nó.
21. Vì ai khiến quan quân khó nhọc, ăn tuyết nằm sương; vì ai xui đồn lũy tan tành, xiêu mưa ngã gió.
22. Sống làm chi theo quân tà đạo⁽²⁷⁾ quăng vùa hương⁽²⁸⁾, xô bàn độc⁽²⁹⁾, thấy lại thêm buồn, sống làm chi ở lĩnh mã tà, chia rượu lạt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hổ.
23. Thà thác mà đặng câu địch khái⁽³⁰⁾ về theo tổ phụ⁽³¹⁾ cũng vinh; hơn còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với man di⁽³²⁾ rất khổ.
24. Ôi thôi thôi!
Chùa Tân Thạnh⁽³³⁾ năm canh ung đông lạnh, tâm lòng son, gửi lại bóng trăng rằm. Đồn Lang-sa⁽³⁴⁾ một khắc đặng trả hồn, túi phạn bạc⁽³⁵⁾ trôi theo dòng nước đổ.
25. Đau đớn bấy mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong lều; nào nung thay vợ yếu chạy tìm chồng, cơn hồng xê đất dẫy⁽³⁶⁾ trước ngõ.
26. Ôi! Một trận khói tan, nghìn năm tiết rở.
27. Binh tướng nó hãy đóng sông Bến Nghé, làm bốn phía mây đen; ông cha ta còn ở đất Đồng Nai, ai cứu một phượng con đỏ⁽³⁷⁾.
28. Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu tỉnh chúng đều khen; thác mà ưng đình miếu đề thờ, tiếng ngay trải muôn đời ai cũng mộ.
29. Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh, muôn kiếp nguyện được trả thù kia, sống thờ vua, thác cũng thờ vua, lời dụ dạy đã rành rành, một chữ âm⁽³⁸⁾ đủ đền công đó.
30. Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo, thương vì hai chữ thiên dân⁽³⁹⁾ cây hương nghĩa sĩ thắp thêm thơm, căm bởi một câu vương thổ⁽³⁹⁾.

Theo NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU
của VŨ ĐÌNH LIÊN

Chú thích:

Bài này còn gọi là « Văn tế vong hồn dân mộ nghĩa ». Dân mộ nghĩa là những người dân mến trọng việc nghĩa, ở đây chỉ những người nông dân theo Trương Định đánh giặc, cứu nước.

Bài dài, ý phong phú. Ở lớp, chỉ phân tích từ câu 3 đến câu 18. Những câu khác để tham khảo.

- (1) *Nghĩa sĩ*: người có khí khái làm việc nghĩa như cứu người, cứu nước, dù phải hi sinh cũng không ngại.
- (2) *Cán Giuộc*: nay thuộc tỉnh Long An.
- (3) *Côi cút*: nói trẻ con mà cha hay mẹ, hoặc cả hai đã chết. Ở đây côi cút làm ăn có nghĩa là một mình, một thân âm thầm lặng lẽ làm ăn.
- (4) *Trường nhung*: chỗ đánh nhau (nơi chiến trận xảy ra).
- (5) *Khiên*: thứ binh khí dùng để đỡ mũi giáo, nhát gươm, v.v... của đối phương.
- (6) *Phong hạc*: lấy ở câu « phong thanh hạc lệ, thảo mộc giai bình ». Ý nói dân hồi hộp lo sợ, nghe tiếng gió thổi, hạc kêu, thấy cây cỏ cũng tưởng là giặc đến đánh.
- (7) *Tinh chiến*: (tinh: tanh; chiến: hời) tanh hời, chỉ giặc Pháp.
- (8) *Vây vạ*: (Vây: dính vào, bết vào) dây dính bầy bạ.
- (9) *Bông bong*: (cũng gọi bông) tấm phên tre dựng tạm giữa đồng để che người tát nước, nhỏ mạ v.v... khi nắng, có thể dời hoặc xoay hướng dễ dàng. Đây chỉ những lều vải của bọn lính Pháp dựng lên để ở tạm.
- (10) *Xe thư*: xe cộ và chữ viết, do chữ « xe đồng quỹ, thư đồng văn », nghĩa là xe cộ cùng một đường (quỹ: đầu xe đi), sách viết cùng một thứ chữ, ý nói sự thống nhất hoàn toàn.
- (11) *Chém rắn đuôi hươu*: (lấy tích Lưu Bang cướp ngôi nhà Tần) đến chiếm cướp. Cả vế « Một mối xa thư đồ sộ, há để ai chém rắn đuôi hươu » có nghĩa là đất nước ta là một khối thống nhất vĩ đại... không thể để cho kẻ nào đến chiếm cướp.
- (12) *Đoạn kinh, bộ hồ*: chém, cá kinh, bắt hồ.
- (13) *Diễn binh*: luyện tập việc binh.
- (14) *Chiêu mộ*: (chiêu: vờ, mời; mộ: cầu tìm khắp nơi) ở đây là tuyển cơ sở tự nguyện.
- (15) *Bao đầu*: bao đựng đạn.
- (16) *Bầu ngói*: bầu đựng ngòi thuốc nổ.
- (17) *Dao tu*: dao dùng để chặt, thường đeo ngang lưng.
- (18) *Nón gõ*: nón của lính.
- (19) *Mã tà*: theo tiếng Mã Lai là cảnh sát.
- (20) *Ma ni*: linh của Tây Ban Nha mộ ở Phi-líp-pin (Ma-ni: thủ đô của Phi-líp-pin).
- (21) *Chữ hạnh*: chữ may, ý nói may được sống; *Chữ quy*: sách cũ có câu: « Sinh ki từ quy » sống là quý, chết là vế, ý nói chết nằm xuống đất mới là quê hương mình.
- (22) *Gươm hùm treo mộ*: một nghĩa sĩ đời Chiên Quốc, không thỏa mãn được chí mình, trước khi chết, dặn con treo cây gươm trên mộ để tỏ chí khí.
- (23) *Chợ Trường Bình*: chợ tại thị trấn Cán Giuộc.

(24) *Vi đình*: bắt làm lính.

(25) *Hiệu lực*: (hiệu: hết sức) làm hết sức để chuộc tội hoặc có tội phải sung quân để chuộc tội.

(26) *Tài bồi*: (tài: trồng cây, bồi: vun, bồi thêm) vun đắp.

(27) *Tà đạo*: đạo bất chính, ở đây tác giả muốn nói đạo Gia tô. Bấy giờ bọn cướp nước lợi dụng đạo Gia tô để chia rẽ nhân dân ta và mượn cơ đi truyền đạo để do thám.

(28) *Vua hương*: binh hương.

(29) *Bàn độc*: bàn kê một mình để đọc sách. Cũng có nghĩa là bàn thờ. Từ dùng trong bài này là theo nghĩa thứ hai.

(30) *Địch khải*: tinh thần chống lại kẻ mình căm giận.

(31) *Tổ phụ*: ông, người sinh ra cha mẹ mình. Trong bài này tổ phụ dùng theo nghĩa rộng là cha ông.

(32) *Mara đi*: mọi rợ, ở đây chỉ bọn cướp nước.

(33) *Chùa Tân Thạnh*: có bản chép Chùa Tân Hạnh. Bọn thực dân Pháp khi tàn công quân ta, đưa vào một phòng tuyến gồm một số chùa dọc theo sông Chợ Lớn (rạch Tào Hủ).

(34) *Đồn Lang-sa*: đồn Pháp.

(35) *Phận bạc*: (bạc: mỏng) số phận mỏng manh.

(36) *Dật dờ*: vật vờ, lang thang.

(37) *Con đồ*: người thường dân (sách cũ nói: bảo vệ dân như bảo vệ con còn đồ).

(38) *Ấm*: chức ban cho con những người có công lao.

(39) *Thiên dân, vương thổ*: dân của trời, đất của vua. Ý nói người dân sống trên đất nước của mình, đó là quyền thiêng liêng, nay phải hi sinh tính mạng để bảo vệ quyền đó.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. *Tìm hiểu bối cảnh của một bài văn tế. Ý chính của bài văn tế này là gì?*
2. *Hãy tìm và phân tích những biện pháp nghệ thuật miêu tả người nghĩa quân.*
3. *Truyện: thông điệp đầu của nghĩa quân được phát huy trong cuộc chiến đấu chống Mĩ, cứu nước, vừa qua như thế nào?*

Coi ý:

+ Trong thời đó, Nguyễn Đình Chiểu là người sớm nhận thấy được khá rõ lòng yêu nước, căm thù giặc và tinh thần chiến đấu của nông dân. Sau ông, trong một thời gian khá lâu, chưa mấy ai thấy được điều đó, kể cả Phan Bội Châu (trong *Hải ngoại huyết thư*, Phan Bội Châu có kêu gọi tất cả các thành phần xã hội phải đoàn kết để mưu việc chống Pháp, nhưng ông đã quên thành phần cơ bản là nông dân). Cần đánh giá sự tiên bộ đó của Nguyễn Đình Chiểu.

Hình ảnh người nghĩa quân trong bài văn.

— Nghĩa quân là những người nông dân suốt đời nghèo khổ, chỉ lo sao có đủ bát cơm ăn, manh áo mặc (côi cút làm ăn... mắt chưa từng ngó...).

— Vì lòng yêu nước và căm thù giặc cao độ, họ xung phong vào quân mộ nghĩa. Họ làm những việc anh hùng một cách tự nguyện, không suy tính đần đo, họ đã khắc phục mọi khó khăn để đánh giặc.

(Bữa thầy bồng bồng che trăng lờp.

... Chi nài sấm đao tu nón gổ).

— Họ đã chiến đấu với tinh thần anh dũng tuyệt vời.

(Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi... Trời kệ tàu thiếc, tàu đồng súng nổ).

— Họ đã hi sinh một cách bình thản, anh dũng. Lịch sử không thể không ghi chép về họ. Nhân dân vô cùng thương tiếc, kính mến họ (đoạn cuối).

+ Giá trị hiện thực của bài văn : Tác giả giúp ý kiến cho cuộc kháng chiến của Trương Định, thấu hiểu tình hình nghĩa quân, biết rõ những khó khăn về mọi mặt, miễn phục tinh thần hi sinh, lòng yêu nước của họ, hiểu được thực tế chiến đấu của họ cũng như sự đồng tình ủng hộ của nhân dân, nên bài văn này có giá trị hiện thực và lịch sử khá sâu sắc.

Những sự việc và hình ảnh nêu ra đều rất thực và rất cảm động.

Phân tích những câu :

Ngoài cột có một manh áo vải, nào đợi mang bao tâu bầu ngòi. Trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sấm đao tu nón gổ... Chi nhọc quan quân giống trông lệ trông giặc, đập rào lướt tới, coi giặc cũng như không.

Nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có.

... Chua Tân Thạnh năm canh ưng đóng lạnh..., cơn bóng xế dật dờ trước ngõ.

+ Bài văn có tính chất trữ tình sâu sắc (hùng hồn, cảm khái, thiết tha, lâm li).

+ Trong bài có nhiều điển tích chữ Hán khó hiểu. Nhưng về mặt khác, tác giả cũng đã đưa vào bài văn những từ ngữ, hình ảnh rất gần gũi, quen thuộc với nhân dân (cối cát làm ăn, toan lo nghèo khổ ; bữa thầy bồng bồng che trăng lờp, muốn tới ăn gan ; ngày xem ông khôi chạy đến si muốn ra cắn cỏ, kẻ đâm ngang, người chém ngược làm cho mã tà Mễ-ní hồn kinh, bọn hè trước lũ ó sau, trời kệ tàu thiếc, tàu đồng súng nổ...).

+ Cách trình bày có ý làm nổi bật những khó khăn của nghĩa quân để đề cao tinh thần của họ : từ câu... « Khá thương thay ! Vỡn chẳng phải quân cơ quân vệ », đến câu « Kẻ đâm ngang, người chém ngược », cách sử dụng từ rất khéo léo làm nổi bật ý diễn tả :

Vỡn chẳng phải quân cơ, quân vệ

Chẳng qua dân ấp dân lân.

Nào đợi tập rèn

Không chờ bày bỏ...

Nào đợi mang bao tâu, bầu ngòi

Chi nài sấm đao tu nón gổ.

Cũng đốt xong nhà dạy đạo kia,

Cũng chém rớt đầu quan hai nọ.

Chi nhọc quan quân...

Nào sợ thằng Tây

Làm cho mã tà

Trời kệ tàu thiếc...

+ Với tư tưởng yêu nước, thương dân sâu sắc, những bài văn tề của Nguyễn Đình Chiểu lúc đương thời đã kích động rất nhiều nhân dân miền nam đứng lên đánh giặc cứu nước. Ngày nay đọc bài Văn tề nghĩa sĩ Cần Giuộc, ta vẫn như được thấy hình ảnh người bộ đội nông dân trong cách mạng, trong kháng chiến chống thực dân Pháp cũng như trong cuộc đấu tranh của nhân dân miền nam chống giặc Mĩ xâm lược để giành độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc.

MÙA THU CÂU CÁ

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc ⁽¹⁾ theo làn hơi gợn tí.
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.
Tầng mây lơ lửng ⁽²⁾ trời xanh ngắt,
Ngõ trúc ⁽³⁾ quanh co khách vắng teo.
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động ⁽⁴⁾ dưới chân bèo.

NGUYỄN KHUYẾN

(Trích Thơ văn Nguyễn Khuyến
Nhà xuất bản Văn học — 1971)

NGUYỄN KHUYẾN

(1835 — 1909)

Nguyễn Khuyến sinh năm 1835, người làng Yên Đỗ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam (nay thuộc tỉnh Hà Nam Ninh). Ông xuất thân dòng dõi nhà nho học giỏi. Vì cả ba kì thi ông đều đỗ đầu, nên người ta thường gọi là tam nguyên Yên Đỗ ; ông làm quan đến chức tổng đốc. Năm 1884, vì không muốn hợp tác với Pháp, ông bèn lấy cớ đau mắt cáo quan về nhà dạy học. Sau bọn Pháp lại cho người mời, nhưng ông nhất định chối từ, đến năm 1909 thì ông mất. Ông làm quan thanh-liêm, về nhà sống cuộc đời thanh bạch.

Qua thơ văn, ta thấy ông rất hiểu sinh hoạt nông thôn, rất mến cảnh thiên nhiên ; ông là một nhà nho đạo đức, tư cách thanh cao, thương lo lắng đến việc nước và khinh ghét ngấm ngấm bọn thực dân xâm lược.

Bên cạnh những bài thơ trào phúng, nhạo báng, đả kích quan lại và thực dân, ông còn có những bài nói lên tình yêu gia đình, bè bạn, thông cảm với đời sống lam lũ vất vả ở nông thôn, xót xa cho bản thân mình bất tài bất lực trước cuộc đời.

Lòng yêu nước của ông tuy tiêu cực nhưng thật cảm động. Ông làm khá nhiều thơ bằng chữ Hán và thơ bằng tiếng Việt, gồm đủ loại : Đường luật, song thất lục bát, phú, văn tế, câu đối... Nhưng hay nhất vẫn là thơ Đường luật và lục bát.

Chú thích :

1. Sông biếc : sông nước trong xanh.
2. Lơ lơng : chơi vơi nửa chừng, không cao hẳn mà cũng không thấp hẳn.
3. Ngõ trúc : lối đi hẹp ở nông thôn, hai bên trồng tre trúc.
4. Cá đàu đớp động : cá ở đầu đèn đớp mỗi làm rung động chiếc phao cần câu.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Cảnh sắc mùa thu trong bài thơ được miêu tả bằng từ ngữ nào ?
2. Đây là bài thơ thất ngôn bát cú (8 câu, mỗi câu 7 tiếng), cả bài thơ chỉ có 1 vần (độc vận), em tìm xem vần đó gieo ở tiếng thứ mấy, ở những chữ nào ? Trong bài thơ có 2 cặp câu đối thanh và đối ý với nhau là cặp câu 3 + 4 và cặp câu 5 + 6, em hãy tìm hiểu xem trong từng cặp câu những từ nào đối thanh với nhau (thanh bằng : thanh không và thanh huyền, đối với thanh trắc : thanh hỏi, thanh sắc, thanh ngã, thanh nặng).
3. Thơ của Nguyễn Khuyến là thơ của quê hương, thôn xóm Việt Nam. Qua bài thơ trên và những bài đọc thêm em thấy nhận định trên có đúng không ? Việc miêu tả được làng xóm Việt Nam quen thân tha thiết như vậy chứng tỏ Nguyễn Khuyến đã thể hiện tình cảm như thế nào đối với quê hương đất nước ?

BÀI ĐỌC THÊM

HỘI TÂY

Kia hội thăng bình ⁽¹⁾ tiếng pháo reo.
Bao nhiêu cờ kéo vờn đèn treo.
Bà quan tênh nghếch xem hơi trái ⁽²⁾
Thằng bé lom khom ghé ⁽³⁾ hát chèo.
Cây sứt, cây đu nhiều chị nhún,
Tham tiền, cột mỡ ⁽⁴⁾ lắm anh leo.
Khen ai khéo vẽ cho vui thế,
Vui thế bao nhiêu nhục bấy nhiêu.

NGUYỄN KHUYỀN

Chú thích :

(1) Hội thăng bình : Hội mừng nước được thái bình vui vẻ. Ở đây chỉ ngày hội của thực dân Pháp tổ chức hằng năm vào ngày 14 tháng bảy để kỉ niệm Cách mạng Pháp (14-7-1789). Ngày đó, bọn thực dân tổ chức vui chơi khắp các tỉnh lỵ, nhất là ở Hà Nội, quanh hồ Gươm có những trò chơi rất dã man : liềm chảo, chọc thủng, leo cột mỡ... để làm vui cho gia đình « quan Tây và quan An Nam ».

(2) Trái : thuyền nhỏ, dài, thường dùng để bơi đua.

(3) Ghé : nghiêng mắt mà trông.

(4) Cột mỡ : một trò chơi có cái cột cao bồi chặt nhơn thật trơn, trên chòm treo giải thưởng. Lúc leo lên lấy giải thưởng phải cời trần. Có người leo lên gần đến nơi lúc giờ tay lấy giải thì bị tuột xuống đất, xây sát chân tay.

BÀI ĐỌC THÊM

VỊNH ⁽¹⁾ MÙA THU

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao.
Cần trúc ⁽²⁾ lơ phơ gió hắt hiu.
Nước biếc trông như từng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.
Mấy chùm trước giậu, hoa năm ngoái ⁽³⁾
Một tiếng trên không ngỗng nước nào ⁽⁴⁾.
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào ⁽⁵⁾.

NGUYỄN KHUYỀN

Chú thích :

(1) Vịnh : tả bằng thơ.

(2) Cần trúc : loại cây họ tre thân nhỏ thanh mảnh, ít cành mà không có gai.

(3) Hoa năm ngoái : thứ hoa đã nở mùa thu năm ngoái, năm nay lại nở.

(4) Ngỗng : tức là chim hồng nhạn về mùa thu thường bay từng đàn từ xứ lạnh đến xứ ấm, ta thường gọi là con cá kều (Cá kều ăn măng cho béo, kéo lũ cho dài — ca dao).

(5) Ông Đào : Đào Tiềm (Đào Uyên Minh) — một nhà thơ đời Tần, không chịu luôn cúi bọm gian nịnh, bỏ quan về nhà làm thơ văn. Cả 2 câu 7, 8 có ý nói : nhân cảm hứng muốn cầm bút lên (cất bút) để làm mấy vần thơ, nghĩ ra lại thẹn với ông Đào Tiềm (vì mình chưa được như Đào Tiềm).

LÊN ĐỒNG

Khen ai khéo vẽ sự lên đồng ⁽¹⁾
Một lúc lên ngay sáu bảy ông,
Sát quỷ ⁽²⁾ ông ⁽³⁾ dùng thanh kiếm gỗ
Ra oai bà ⁽³⁾ giắt cái khăn hồng
Có ⁽³⁾ giương tay ấn tan tành núi
Cầu ⁽³⁾ chỉ ngọn cờ can rốc sông
Đồng giới sao đồng không giúp nước
Hay là đồng sợ sùng thần công ⁽⁴⁾.

TRẦN TÊ XƯƠNG

(Trích Tú Xương — Con người và nhà thơ —
Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội, 1961)

TRẦN TÊ XƯƠNG

(1870 — 1907)

Trần Tế Xương (thường gọi là Tú Xương) người làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc (nay thuộc thành phố Nam Định) tỉnh Hà Nam Ninh, sinh năm 1870. Ông học giỏi, thơ hay, đỗ tú tài nhưng thi mãi không đỗ cử nhân. Nhiều người cho rằng hoàn cảnh gia đình ông túng quẫn. Ông sống phóng khoáng, giao thiệp rộng. Ông có đi lại với một số nhà nho yêu nước. Ông mất năm 1907 giữa cái tuổi 37 tài ba đang phát triển.

Tú Xương sống trong thời đại mà chế độ phong kiến đã suy tàn : thực dân Pháp đang thiết lập chế độ thuộc địa ở nước ta. Thơ văn ông phản ánh cái xã hội cũ đang tàn tạ và cái xã hội mới với những con người lố lăng giả dối, tàn bạo, vô lương tâm ; ông vạch những mưu mô và lột trần được cái tâm li xấu xa của bọn ấy. Đối với vận mệnh của nước nhà, thơ ông biểu lộ nỗi ưu hoài, đau xót, tuy ông không đủ nghị lực đi theo cách mạng.

Ông là một nhà thơ có biệt tài về trào phúng, song giọng trào phúng của ông không thâm trầm kín đáo như Nguyễn Khuyến mà nó mỉa mai chua chát, độc địa, nó nói thẳng, đập mạnh.

Tú Xương là nhà thơ kẻ nghiệp xứng đáng của văn thơ trào phúng nhân dân về cả phương diện tư tưởng và nghệ thuật.

Chú thích :

(1) *Lên đồng* : Một hành vi mê tín của một số người trong xã hội cũ. Họ cúng vái, hát xướng để cho linh hồn người chết nhập vào người ngồi đồng và phán xét mọi việc có tính chất lừa bịp.

(2) *Sát quỷ* : diệt quỷ.

(3) *Ông, bà, cô, cậu* : những linh hồn về nhập vào người ngồi đồng.

(4) *Sùng thần công* : (từ cũ) sùng đại bác ; ý nói sùng của bọn thực dân Pháp.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Đây là một bài thơ châm biếm đã kích một trò lố bịch của bọn người mê tin dị đoan trong xã hội cũ. Em hãy tìm những hình ảnh đối lập để diễn tả thái độ châm biếm đã kích của tác giả.

2. Bên cạnh thái độ châm biếm đã kích, bài thơ còn thể hiện thái độ mỉa mai chua xót của tác giả như thế nào ?

BÀI ĐỌC THÊM

CHÚC TẾT

I

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc nhau,
Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu.
Phen này ông quyết đi buôn cõi ⁽¹⁾,
Thiên hạ bao nhiêu đũa giũa trâu.

II

Nó lại chúc nhau cái sự sang,
Đưa thời mua tước, đưa mua quan ⁽²⁾,
Phen này ông quyết đi buôn lọng ⁽³⁾,
Vừa bán, vừa la cũng đắt hàng.

III

Nó lại mừng nhau cái sự giàu,
Trăm nghìn vạn mớ ⁽⁴⁾ dẽ vào đầu ?
Phen này ắt dẽ gà ăn bạc,
Đồng rung đồng rọi, lọ phải cầu !

IV

Nó lại mừng nhau có lắm con,
Sinh năm dẽ bảy được vương tròn,
Phổ phượng chạt hẹp người đông đúc,
Bồng bế nhau lên nó ở non.

TRẦN TÊ XƯƠNG

Chú thích :

- (1) *Cối* : chỉ cái cối nhỏ mà người già dùng để giã trầu trước khi ăn cho đỡ phải nhai.
- (2) *Mua tước mua quan* : tước chỉ một danh vị của vua ban cho. *Quan* chỉ một chức phẩm của người làm việc công trong chế độ phong kiến. Thời phong kiến, vua chúa đem chức tước làm vật để mua bán lấy tiền và mua chuộc tay sai.
- (3) *Lọng* : một đồ dùng để che mưa nắng của những người có quan tước thời phong kiến.
- (4) *Vạn mớ* : nhiều vô kể.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Trong xã hội cũ, tầng lớp trên chúc Tết nhau những điều gì? Tại sao phải « lảng lọng » mới nghe được?
2. Tác giả đã kích lời chúc Tết : chúc sống lâu, chúc sang, chúc giàu, chúc làm con ông hoàng anh nào? Bằng từ ngữ nào? Trạng ngữ nào?
3. Qua lời chúc Tết tác giả tiêu diệt « lễ tượng » sống của bọn giai cấp như thế nào? Thái độ của tác giả thể hiện ra sao?

BÀI ĐỌC THÊM

HÀ NAM TỨC SỰ (1)

Hà Nam danh giá nhất ông cô (2)
Trông thấy ai ai chẳng dám ho.
Hai mái trống tung đánh chọi dột (3)
Tám giờ chuông đánh phải năm co (4)
Người quên mất thể ầu trời cỡi (5)
Chó chạy ra đường có chủ lo
Ngó ngẩn đi xia may vớ được,
Chuyến này ắt hẳn kiếm ăn to (6).

TRẦN TÈ XƯƠNG

Chú thích :

- (1) *Tức sự* : cảm hứng trước những sự trông thấy. Thơ tức sự là một lối thơ nhận thấy một việc gì mà làm ra.
- (2) *Ông cô* : (do tiếng Pháp phiên âm ra) tên viên chức thực dân Pháp coi việc cảnh sát ở một thành phố (còn gọi là viên cấm, theo một cách phiên âm khác).

(3) *Trống tung* : chỉ mái nhà đã hư hỏng, trống trải, dột nát mà thực dân không cho phép sửa chữa lại (hồi đó bọn thực dân ở thành phố cấm dân không được làm nhà tranh mà chỉ được làm nhà gạch, nên những nhà tranh hỏng chúng không cho phép chữa lại). Tiếng trống ở đây là tính từ nhưng đồng thời tác giả lợi dụng tiếng ấy đồng âm với tiếng trống là cái trống để chơi với chuông ở câu sau cho được cân chỉnh. Đó là cách đối tiếng trong luật làm thơ thất ngôn bát cú.

(4) *Năm co* : ở đây ý nói phải chịu năm yên ở nhà, không dám ra ngoài đường phố. Hồi ấy từ 8 giờ tối, thực dân cấm nhân dân không được ra đường. Ai đi ra ngoài phải có đèn đuốc nếu không thì bị phạt giam và phạt tiền.

(5) *Mất thể... ầu trời cỡi* (*mất thể* : mất thể tùy thân, một thứ giấy thông hành thực dân cấp cho mỗi người sau khi đã đóng thuế thân — *ầu trời cỡi* : ý nói không thể chời cỡi). Ai quên thể tùy thân, khi đi ra đường, lính cảnh sát hỏi không có là bị phạt, không nói phải trả gì được với chúng.

(6) Hai câu thơ này có ý châm biếm rất sâu cay : Ông cô tìm người đi xia để phạt lấy tiền thưởng không khác loại chó tìm người đi ia để kiếm ăn.

ÔN TẬP VĂN THƠ CỔ

Năm 939 với chiến thắng lịch sử Bạch Đằng, Ngô Quyền đã chấm dứt hơn 1000 năm đô hộ của bọn phong kiến Trung Hoa và mở đầu thời kì tự chủ của nhà nước phong kiến Việt Nam.

Từ khi giành độc lập cho đến hết thế kỉ 14, nhà nước phong kiến có khi thịnh khi suy, nhưng nói chung là đang ở trong quá trình phát triển. Nó đạt đến giai đoạn cực thịnh trong thế kỉ 15. Nhưng bước sang thế kỉ 16, 17 với những cuộc tranh giành quyền lợi của các tập đoàn thống trị Lê, Mạc, Trịnh — Nguyễn, nhà nước phong kiến dần dần đi vào con đường suy yếu. Trong thế kỉ 18 và nửa đầu thế kỉ 19, nhiều cuộc khởi nghĩa của nông dân liên tiếp nổ ra, lớn nhất là cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, thúc đẩy chế độ phong kiến Việt Nam vốn suy yếu sẵn mau chóng đi vào con đường tan rã. Cuối cùng vào những năm cuối thế kỉ 19, trước tiếng súng xâm lược của thực dân Pháp, tập đoàn phong kiến thống trị nhà Nguyễn, vì quyền lợi ích kỉ của chúng, đã đầu hàng và bán rẻ nước ta cho giặc.

Lịch sử văn thơ cổ nước ta bắt đầu với những trang đầu của nhà nước phong kiến dân tộc và có vận mệnh liên quan với quá trình hưng vong của nhà nước đó. Những tác phẩm của nền văn thơ này là sản phẩm của các nhà thơ, nhà văn xuất thân từ giai cấp phong kiến. Nó được viết ra bằng chữ Hán, chữ Nôm, phần lớn là bằng chữ Hán. Trong quá trình phát triển, giai cấp phong kiến đã có lúc đóng một vai trò tích cực trong lịch sử dân tộc. Trước nạn ngoại xâm, một số phần tử, có khi một bộ phận của giai cấp phong kiến đã thấy lợi ích của họ gắn bó với lợi ích của dân tộc. Những khi đó, họ có thể vươn lên tới tinh thần dân tộc và lòng yêu nước. Ngoài ra, do sự phân hóa giai cấp, một số trí thức phong kiến có điều kiện sống gần gũi nhân dân, ít nhiều thông cảm với nhân dân. Vì vậy, mặc dù còn mang nặng ý thức tư tưởng phong kiến do hoàn cảnh lịch sử và điều kiện giai cấp của các tác giả ràng buộc, nhiều tác phẩm văn thơ cổ đã chứa đựng một nội dung là lòng, tình cảm tiến bộ.

I — MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ NỘI DUNG

1. Lòng yêu nước và tinh thần dân tộc.

Tư tưởng tình cảm bao trùm, nổi bật trong các tác phẩm văn thơ là tình cảm đối với quê hương, đất nước, niềm tự hào dân tộc, tinh thần tự lập tự cường, ý chí đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm. Bài «Sóng núi nước Nam» được coi là bản tuyên ngôn độc lập khẳng định đất nước Việt Nam là của người Việt Nam.

Hịch tướng sĩ của Trần Hưng Đạo là lời kêu gọi kháng chiến. Bài cáo Bình Ngô của Nguyễn Trãi là khúc ca khải hoàn tuyên bố cho nhân dân cả nước biết quân giặc đã bị đánh tan, Tổ quốc đã được giải phóng. Những tác phẩm này đều thể hiện lòng yêu nước chân thành, lòng căm thù địch và ý chí đấu tranh mãnh liệt cho nền độc lập của dân tộc. Cùng với sự phát triển của xã hội, chủ nghĩa yêu nước trong văn thơ cổ ngày càng được thể hiện phong phú và sâu sắc. Mục đích đuổi giặc

trong Hịch tướng sĩ, trước hết là để bảo vệ thái ấp của giai cấp quý tộc và bổng lộc của tướng sĩ, còn trong Bài cáo Bình Ngô chủ yếu là để bảo vệ tài sản phong phú và nền văn hóa lâu đời của đất nước. Quan niệm nước là dân, việc nước là việc chung của mọi người chứ không phải riêng của một ông vua cũng dần được thể hiện trong nhiều tác phẩm. Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu đã diễn tả rõ nét tác dụng to lớn của quần chúng nhân dân trong sự nghiệp kháng chiến cứu nước.

Lòng yêu nước và tự hào dân tộc còn thể hiện trong xu hướng ca ngợi những cảnh tươi đẹp của non sông. Thơ của Nguyễn Trãi, của Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến, v.v... đã ghi được nhiều cảnh đất nước hùng vĩ, làng mạc thân yêu bằng những màu sắc tươi tắn.

Tóm lại yêu nước là tình cảm tốt đẹp nhất của nhân dân ta, luôn luôn được tác giả thể hiện trong thơ văn và làm phong phú thêm qua nhiều thế kỉ.

2. Tình cảm nhân đạo.

Mặt khác, nhiều tác phẩm đã phản ánh thực tế xã hội một cách khá trung thành, mạnh dạn tố cáo giai cấp thống trị mục nát, thông cảm sâu sắc với nỗi khổ của nhân dân, lên tiếng đòi giải phóng tình cảm con người thoát khỏi sự ràng buộc khắc nghiệt của đạo đức, lễ giáo phong kiến. Truyện Kiều là bức tranh hiện thực rộng lớn trong đó Nguyễn Du đặt ra một cách sâu sắc và gần như toàn diện vấn đề vận mạng con người nhất là người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Tác giả lên tiếng tố cáo mạnh mẽ cái xã hội đầy tội ác, thông cảm sâu sắc nỗi đau thương của con người bị chà đạp, thể hiện ước mơ vươn lên đòi giải phóng của quần chúng nhân dân. Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu nêu cao đạo đức nhân nghĩa, thể hiện nhiều tình cảm tốt đẹp của nhân dân ta như lòng chung thủy, lòng căm ghét bọn gian tà, lòng yêu chuộng chính nghĩa, lòng hi sinh cao cả để bảo vệ chính nghĩa, tinh thần lạc quan, v.v...

Với ngòi bút trào phúng xuất sắc, Nguyễn Khuyến và Trần Tế Xương đã kích mạnh mẽ bọn quan lại và thực dân cùng

mọi rắc rối khác nổi trên bề mặt của cái xã hội thực dân nửa phong kiến hình thành nước ta ở trong buổi giao thời của thế kỉ 19 và đầu thế kỉ 20.

Có thể nói nội dung phản ánh, phê phán hiện thực, nội dung nhân đạo trong nhiều tác phẩm văn thơ cổ đạt đến mức độ sâu sắc, giàu tính chiến đấu. Chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân đạo trong văn thơ cổ vẫn là chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân đạo của quần chúng được thể hiện trong văn thơ dân gian, tuy mức độ phản phong ở đây không cao bằng trong văn thơ dân gian.

II — MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ HÌNH THỨC NGHỆ THUẬT

Do điều kiện lịch sử nên phần lớn các tác phẩm được viết bằng chữ Hán. Đến đời Trần, với cuộc kháng chiến chống quân Nguyên thống lợi, tinh thần tự lập tự cường của dân tộc được biểu hiện trong nhiều lĩnh vực. Riêng trong lĩnh vực văn học, phong trào sáng tác bằng chữ Nôm được nhóm lên và phát triển mạnh ở đời Lê. Đến thế kỉ 18, những khả năng tiềm tàng của tiếng Việt đã được khai thác để diễn tả mọi khía cạnh tinh vi, phức tạp của tâm hồn (Cung oán ngâm khúc, Truyện Kiều). Với Truyện Kiều, ngôn ngữ văn học trong thơ ca của ta đã trưởng thành.

Trong kho tàng văn thơ cổ nước ta, tác phẩm viết bằng văn xuôi có rất ít. Đó là một thiếu sót lớn. Hầu hết là các tác phẩm viết bằng văn vần. Các tác giả đã sử dụng nhiều thể thơ. Thể thất ngôn của thơ Đường dần dần được dân tộc hóa (Nguyễn Khuyến, Tú Xương...). Đồng thời các thể thơ dân tộc được sử dụng ngày càng nhiều. Thể lục bát càng ngày càng được dùng rộng rãi để viết các truyện thơ dài. Thể song thất lục bát cũng được phát triển và thường được dùng vào các khúc ngâm (Chính phủ ngâm).

Ngôn ngữ trong văn thơ thời kì này đã trưởng thành mạnh mẽ. Từ Chính phủ ngâm đến Truyện Kiều... ý thơ đã thấm vào lòng người bằng những từ ngữ trau chuốt, vừa gợi cảm, vừa trong sáng. Mọi điệu câu thơ cũng trở nên linh hoạt để diễn tả, diễn tình.

III — KẾT LUẬN

Vì hoàn cảnh lịch sử nên nói chung văn thơ cổ còn có nhiều hạn chế về nội dung cũng như về hình thức. Giá trị lớn nhất của nó là ở nội dung yêu nước, nội dung nhân đạo và ở hình thức nghệ thuật dân tộc điêu luyện (đối với những tác phẩm Nôm). Chính vì lẽ đó, nhiều tác phẩm đã vượt qua mọi thử thách của thời gian truyền đến ngày nay và sẽ mãi mãi chiếm một vị trí xứng đáng trong kho tàng văn học dân tộc ta.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Văn học cổ hình thành và phát triển trong hoàn cảnh lịch sử nào và do tác động nào sáng tác?
2. Qua những bài trích giảng và những bài học thêm, hãy chứng minh rằng tư tưởng tình cảm bao trùm và nổi bật trong các tác phẩm thơ văn cổ ưu tú là lòng yêu nước và tinh thần dân tộc.
3. Những bài nào phản ánh nội dung nhân đạo của văn thơ cổ (tỏ căm xã hội thời nát chúa đày con người, thông cảm với con người bị áp bức, thể hiện ước mơ đời sống tốt đẹp, ca ngợi đạo đức nhân nghĩa của nhân dân)?
4. Về nghệ thuật, văn thơ cổ đạt được những thành tựu nào đáng kể?

C - VĂN THƠ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

CHÚ LŨY LIÊN LẠC

Hơn một giờ đồng hồ trong các căn nhà tối mịt, những anh đội viên không nói một câu, xông đến những đám kêu ào ào, những bóng cao to, bên tay áo không có tín hiệu (1). Bằng súng, lưỡi lê, tiểu liên, tay không, lựu đạn, đồn bôn Pháp và da đen từng bước, từng tầng nhà, đến góc lỗ cốt (2) cuối cùng. Kha nép vào mảng tường nhìn cái lỗ cốt đã toác từng mảng. Lửa cháy soi đỏ ra khoảng sân. Khẩu súng máy trong lỗ cốt bắn dè dặt, mỗi khi có người vọt qua sân lại rẹt một băng (3) ngắn. Tiếng reo to trên tầng gác thứ hai: «Thằng quan ba! Thằng quan ba đây rồi!». Kha quay sang chú Lũy: «Chú bảo bắt sống nó đem xuống đây!».

Chú liên lạc nhảy lên mảng tường đối trước mặt, miệng reo: «A-lô (4), quan ba đâu?». Cái súng máy trong lỗ cốt nổ một tràng, rồi từng phát một đuổi theo chú bé. Kha hét «Lũy, đi ra lối đằng sau!». Chú liên lạc như không nghe tiếng, ngừng lại, cúi chào, nhìn cái lỗ cốt rồi chạy lên. Khẩu súng máy nổ một băng dài mãi không dứt. Kha diên người. Các anh đội viên đang nép kín chung quanh sân, ngoài (5) hết cả lại. Mảng tường bên cạnh chú bé lỗ chỗ. Cái mũ sắt ngừng lại một giây, nghiêng xuống. Bóng loắt choắt của chú bé liên lạc, vẫn thoăn thoắt chạy đi giữa những tràng đạn lửa ngoằn ngoèo. Kha nhìn theo chú Lũy, cổ như tắc lại vì lo sợ. Lũy đã chạy qua gần

hết sân đồn, bỗng đứng lại. Một thằng quan hai đang giờ hai tay từ một ngách nhỏ chui ra. Lũy hét: «Ra nhanh!». Thằng quan hai bỗng hạ hai tay xuống, sau lưng nó một tràng tiểu liên bắn ra. Bỗng chú liên lạc lặn xuống đồng gạch vun, thằng quan hai và mấy thằng lính Tây nhảy vào trong một lỗ cốt cuối cùng.

Kha nhảy ra sân. Đạn vẫn sát qua tai. Anh ôm thóc chú bé chạy xuống. Luồng đạn súng máy quần chung quanh người anh. Kha nhảy vào chỗ nấp, ngồi xuống. Người Lũy còn ấm mềm trên tay Kha. Giữa trán em, một lỗ thủng sâu hoắm rỉ máu. Kha đặt chú bé xuống đất, kén học lên một tiếng.

Hai tiểu đội men tường đánh ép vào cái lỗ cốt. Các anh đội viên như có dầu sôi trong người. Giấc mở căng hai mắt đỏ ngầu, ngón tay giết trên cổ súng máy, xối đạn vào những miếng lỗ trên mặt cái lỗ cốt. Na từ một góc tường nhô ra vung tay ném một quả lựu đạn. Năm sáu quả quăng theo, nổ xanh lè. Thông ôm bọc phà (6) lao tới. Súng càng bắn dồn. Thông vụt trở ra. Họ nằm dãn cả xuống đất. Cái lỗ cốt phun một đám sáng trắng rung xuống, trong tiếng nổ lộng óc. Họ nhô cả dậy. Tất cả cái đồn im hẳn. Không ai nói một câu. Kha bỗng nhận thấy cả sân đồn đang vắng vặc ánh trắng.

Từ cái u xi măng giữa sân kéo ra bốn da trắng, da đen, vai rùm lại, tay lòng không giờ lên đầu. Khắp các góc đồn, lưỡi lê xông đến. Một tiếng hét:

— Đám chết chúng nó đi!

Cái ống tay áo cut của Sân gạt một lưỡi lê sang bên. Tiếng anh chính trị viên sang sang:

— Đưa chúng nó ra!

Kha đứng ở cổng đồn, nghiêng răng nhìn lũ tù binh. Dưới một đồng gạch vun, tiếng rên rĩ: «Băng (7) cho tôi!». Tiếng Na ò ò: «Không việc gì đâu. Anh cứ ngồi yên!». Năm sáu anh đội viên ngồi quanh xác chú Lũy. Những mũi sắt cúi xuống khuôn mặt trắng nhợt của chú bé. Một anh sờ vào cái lỗ thủng trên trán chú liên lạc. Những mũi sắt xúm đông lại mãi. Thông chen vào bẽ cái xác nhỏ còn ấm lên trên tay, đi ra cổng. Những anh đội viên rẽ ra im lặng. Kha đứng chằm điều thuốc lá, hết

nếu nên cái gì cứ đưa lên cổ họng. Lũ tù binh thất thểu, mặt mũi bất màu, đứng đệp vào một bên, giương to mắt nhìn mấy anh đôi viên đi theo cái xác chú liên lạc trên tay đồng chí Thông. Khả không thể chịu nổi những mớ tóc xoắn, những con mắt lăm lét run rẩy ấy nữa. Anh đi xuống đồi.

NGUYỄN ĐÌNH THI
(Trích *Xung kích*)

TÓM TẮT TRUYỆN *XUNG KÍCH*,

Truyện *Xung kích* của Nguyễn Đình Thi viết xong ngày 20-6-1951, được giải nhì về Truyện và kí sự của Hội văn nghệ Việt Nam 1951 — 1952.

Nội dung *Xung kích* kể lại công việc chuẩn bị tiền đánh đồng bằng của bộ đội ta thật rợn rùng, khàn trướng. Những tập dân công, những đoàn Thanh niên xung phong, những đơn vị bộ đội đồn dập đổ ra mặt trận. Đại đội Trần Phú đã từng tham gia những trận: mùa đông 48, mùa xuân 49, trong bước đầu xây dựng đơn vị, những ngày xung kích toàn dân mài dao lên dốc, chân giẫm đất vượt qua chông, mìn, dây thép gai, nhảy vào vị trí Pháp bủa lùa ngàn-ngut, những ngày đói, lở, rét, ốm, mưa phùn liên miên trên núi rừng trùng điệp. (Xung kích) Lần này cả đại đội tham gia đánh vào đồn gò Bàng với khí thế của người đi để cuộc đời như trong một cơn ác mộng. Họ được đồn địch, đại đội Trần Phú lại giúp đồng bào địa phương xây dựng phong trào du kích, vô trang tuyên truyền, phá làng tá, chông càn, diệt lính du, càng đánh địch đơn vị càng thu nhiều thắng lợi và càng mạnh lên. Tác giả đã vẽ lên rõ nét hình ảnh những anh bộ đội: họ là những đồng chí chỉ huy, là những chiến sĩ, hàng ngày họ sống lạc quan và rất giàu tình cảm, khi sống trên họ là những chiến sĩ thép.

Đoạn trích *Chú Lũy liên lạc* kể lại một trận đánh đồn, nổi lên là hình ảnh chú Lũy dũng cảm, bình tĩnh làm nhiệm vụ liên lạc và đã hi sinh. Cái chết của Lũy đã để lại một nỗi thương xót, ngậm ngùi cho đồng đội: các anh bộ đội đã anh dũng nhanh chóng tiêu diệt đồn địch trả thù cho Lũy.

Chú thích:

(1) Tín hiệu: dấu hiệu để làm tin, báo tin tức: quân ta có đeo tín hiệu để phân biệt với địch không đeo dấu hiệu, trong lúc đánh đêm.

(2) Lở cật: một kiện trúc quân sự kiên cố ở quanh đồn quân đồng (phiên âm tiếng Pháp).

(3) Báng: một dây đan để mang theo hoặc để bán một loạt liên tiếp (phiên âm tiếng Pháp).

(4) A-lê: do tiếng Pháp phiên âm ra, nghĩa là đi đi!

(5) Ngồi: quay cổ lại nhìn. Đây là động từ, khác nghĩa với tính từ cùng âm như nói năm ngời tức là năm vừa qua.

(6) Bộc phá: một thứ mìn sức nổ rất mạnh dùng để phá đồn lũy kiên cố.

(7) Băng: lấy bông và dây vải buộc vết thương (phiên âm tiếng Pháp, khác nghĩa với tiếng đồng phiên âm ở trên).

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Hình ảnh Lũy trong cuộc chiến đấu rất dũng cảm bình tĩnh. Hãy chứng minh.
2. Tác giả tả nỗi thương xót và lòng căm thù của các anh bộ đội bằng những chi tiết nào?
3. Bài văn này tường thuật một cuộc tấn công mãnh liệt và mau lẹ của bộ đội ta vào đồn địch. Tác giả dùng những tiếng, những hình ảnh nào để ghi màu sắc, âm thanh và cử động trong cuộc chiến đấu?
4. Nhận xét cách bố cục và sắp xếp các chi tiết trong bài văn.

TRÁU VỀ

Trở về trong xóm, du kích reo hò, đồng bào hoan hô mừng rỡ, lằng xằng chạy thắm khắp các nhà có trâu chạy về. Đã khuya mà đèn được cử đón lại chỗ mấy chuồng trâu, và tiếng cười, tiếng nói hi hi.

Ông Đẩu chạy quanh trong thôn xóm, hết đi tìm con trâu lại trở về ghé thăm Hòe, hay tại qua mấy nhà có trâu đã đánh tháo ra được ngồi nói chuyện, mãi đến gần sáng mới về đến nhà. Về nhà ông nằm dài xuống chõng⁽¹⁾, gác tay lên trán thở dài. Nhà vắng, Trờ trở ra ngoài bờ rào, thẳng Sơn về trước đã nằm ngủ mê mệt từ lâu.

Ông thương con trâu quá, tiếc đứt ruột đứt gan. Ông nhớ nó, nhớ từng cái xoay trên mình nó, nhớ nó lổc thốc⁽²⁾ kéo cày, bữa trước mặt mình, nhớ những đêm khuya vắng mình dậy bỏ cỏ và đứng nhìn nó nhai cỏ trong chuồng... Từ nay thì thôi, cái chuồng mới thật là trống không! Mưa màng làm ăn thế này chưa chắc đã được bột gạo bỏ vào miệng, nói gì đến kiếm ra tiền để chung mua một con khác... Chỉ có nước bó tay, bà con ai cho mượn được bữa nào nhờ bữa đó, không thì cứ nai lưng ra cuốc, cúi đầu xuống kéo cày hừa...

Ông vừa nhớ, vừa lo, nằm nhìn tròng tròng (3) lên trời, rồi lại thở ra kéo cánh tay đang gác trên trán xuống che ngang mắt. Nhưng vẫn không ngủ được. Đôi mắt đã nhắm lại, chèn thêm cả cánh tay lên nữa, nhưng vẫn như mở ra trao tráo, vẫn cứ thấy con trâu, thấy từng cái xoay trên thân nó, từng lúc nó kéo cày, kéo bừa, từng lúc nó nhai cỏ trong chuồng... Bỗng nhiên, ông lấy cánh tay xuống, mở mắt ra lắng tai nghe. Có tiếng gì sào sạo trong vườn bà Bảy... Hình như tiếng trâu gặm cỏ. Phép phồng trong bụng quá. Quả là trâu gặm cỏ. Mà là trâu của ông! Tiếng gặm cỏ nghe quen lắm.

Ông Đầu bật đứng dậy, chạy ra sau vườn bà Bảy.

Trời ơi! Con trâu! Con trâu của mình! Ông nhảy ào tới ôm chầm lấy nó. Ông kêu lên:

— Sơn ơi Sơn, trâu về đây con!

Ông vuốt trên đầu con trâu, xoa trên lưng nó, rờ trên bụng nó, miệng vẫn gọi:

— Sơn ơi Sơn, đây con. Trâu về đây.

Thằng Sơn trong nhà chạy ra, vừa dụi mắt vừa hỏi:

— Cái chi cha? Chi vậy cha?

— Đây, trâu về đây.

Thằng Sơn cũng tỉnh hẳn. Nó thấy rõ con trâu, nhào tới ôm đầu nó. Nó cúi đầu xuống. Sơn như cười lên trên cổ nó, miệng reo lên:

— Ôi trời ơi! Con trâu mình, trâu của mình...

Ông Đầu cũng lặp lại:

— Trâu của mình, nó về đây mà mình chạy tìm đầu đầu.

Rồi ông bắt đầu đi lại phía đầu con trâu.

Thằng Sơn đang ôm chặt đầu và cổ nó, ông chừa ra còn thì ông bắt đầu từ trên ki xoa khắp xuống trên mình con trâu xoa dọc theo sống lưng, xuống mông, xuống bụng, xoa đến đâu nói đến đó:

— Tội nghiệp chưa! Nó giam đói giờ xương ra thế này

Cái xương hông của con trâu nhỏ cao lên, ông xoa đi xoa lại mãi. Bỗng nghe Sơn kêu lên:

— Ôi cha ơi!

Ông nhìn lại thấy Sơn đang nhấc cái mõm trâu lên ngang mặt chăm chú nhìn:

— Sao thế này cha? Nó đứt sọ rồi?

Ông Đầu bỏ chỗ hông trâu chạy tới trước đầu nó, cái sọ của nó đứt ngang, thịt đỏ lôm, máu đọng hai bên khóe mũi đã bắt đầu khô. Ông chắc lưỡi:

— Thôi chết rồi, đứt sọ rồi còn chi. Tại nó bứt dây chạy về đây.

Hai cha con ông vui mừng, kêu nói với nhau, bà con hàng xóm chung quanh đều thức dậy. Ông Nghiêm nhà ở sau vườn bà Bảy chạy đến trước, rồi lần lượt mấy người nữa cũng tiếp đến. Trọ ở ngoài hàng rào được tin, giao việc tuần lại cho Thiệt, chạy về. Đi ngang qua nhà ông Hoạch, Trọ gọi ông đi luôn. Anh, Chử, ông Học, Hương Trà cũng đều chạy đến... Tất cả đứng ngồi, cúi lom khom chung quanh con trâu, ngay trong vườn bà Bảy.

Mọi người vui cười, và riêng ông Đầu như trẻ hẳn lại. Miệng ông cười nhưng giọng nói thì thương xót:

— Tài gì, nó giam đói mấy ngày nay!

Thật ra con trâu bị bắt mới một ngày, nhưng ông thấy như đã lâu lắm. Ông hết thương xót vì nó bị giam đói lại xuýt xoa nó đứt sọ!

Ông Hoạch nói:

— Nó đứt sọ mà về đây được cũng hơn còn lại cái sọ nhưng để cho Tây buộc lại trong đồn, rồi mai một cái sọ cũng vô luôn trong bụng chúng nó.

Câu chuyện mừng con trâu trở về đã nhiều.

Nhân câu nói vừa rồi của ông Hoạch, Chử nêu vấn đề ra hỏi mọi người:

— Nó về đây đủ cả mấy con rồi, bây giờ ta nghĩ có cách chi giữ cho khỏi mất nữa không?

Hương Trà từ nãy giờ đang vui vẻ bỗng sầm mặt xuống:

— Tôi cũng đang lo cái việc đó đấy.

Ông Hoạch cười:

— Không đánh chạy được, không rúc cắm⁽⁴⁾ được, không gỏi đi tản cư được, thì chỉ còn có hai cách: một lên trời, hai xuống đất. Cứ cho nó độn thổ⁽⁵⁾ như mình đi!

Mọi người sôi nổi lên bàn chuyện đào hầm bí mật cho trâu.

NGUYỄN VĂN BÔNG

(Lược trích Con trâu)

TÓM TẮT TRUYỆN « CON TRÁU »

Tác phẩm Con trâu của Nguyễn Văn Bông viết năm 1952 trong những ngày tác giả hoạt động trên mặt trận Quảng Nam — Đà Nẵng. Tác phẩm này được giải thưởng của chi hội văn nghệ Liên khu V năm 1952 — 1953, được giải thưởng của Hội văn nghệ Việt Nam 1954 — 1955.

Trong tác phẩm này, Nguyễn Văn Bông đã phơi bày tội ác của bọn thực dân Pháp và bè lũ tay sai đã đàn áp những người tham gia du kích, bọn chúng âm mưu dồn dân, dồn làng để thành lập chính quyền bù nhìn ở địa phương. Một trong những âm mưu thâm độc của chúng là bắt trâu của đồng bào nhằm phá hoại sản xuất. Nhân dân Liên khu V với truyền thống đấu tranh bất khuất, kiên cường đã chiến đấu chống mọi âm mưu xảo quyệt và những hành động tàn bạo của kẻ thù, đã thu được thắng lợi và có những cánh đồng lúa xanh; họ tiếp tục tham gia cuộc kháng chiến lâu dài với lòng yêu nước thiết tha, với lòng căm thù giặc cao độ.

Bài « Trâu về » trích trong chương 9 của tác phẩm. Bọn Pháp âm mưu bắt trâu của đồng bào xã Hồng Phong tập trung lại không cho họ sản xuất, nhưng tổ du kích của Trơ đã tổ chức đánh tháo được cho trâu. Trâu về giữa niềm sung sướng hân hoan của mọi người.

Chú thích:

(1) Chông: giường nhỏ bằng tre.

(2) Lồ thốc: ý nói kéo lê nặng nề vật vờ và những vấn đề cạm cũi cố gắng.

(3) Trừng trừng: nhìn thẳng, mắt mở to, không chớp.

(4) Cắm: vùng cây rậm rạp ở các thung lũng, đồi núi.

(5) Độn thổ: chui xuống đất. Ý nói: đào hầm bí mật cho trâu.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tác giả đã tả nỗi thương nhớ trâu của ông Đầu và niềm vui mừng của cha con ông Đầu khi trâu về như thế nào? Qua đó tác giả giúp em hiểu tâm trạng của những người nông dân trong kháng chiến chống Pháp như thế nào?

2. Qua cách gợi ý của anh Chức về việc tổ chức bảo vệ trâu, em hãy phân tích sự lãnh đạo khéo léo của anh cũng như của tổ chức Đảng ở địa phương và nhiệt tình bảo vệ sản xuất, đánh giặc cứu nước của bà con nông dân.

3. Em có nhận xét gì về cách miêu tả tính cách các nhân vật.

MỘT CUỘC ĐÌNH CÔNG Ở VÙNG MỎ

... Hàng phố ra về. Tuần theo đoàn người về lán⁽¹⁾. Anh em phu mới, sau khi đưa đám anh Bảo, số người muốn đi làm rút xuống chỉ còn mười lăm phần trăm. Tuần về địa điểm số 5. Tài Bá, Tư đã ở đấy. Tư đứng lên, đến gần anh:

— Việc giúp đỡ anh em phu mới⁽²⁾ bà con ai cũng hết sức, nhưng gạo cứ mỗi ngày một lên giá. Anh em phu mới nay tinh thần đã lên. Nhưng có anh Hai được việc nhất thì lại chết, gạo thế này khéo...

Tuần lấy tay vuốt tóc.

— Anh Hai anh ấy chết đánh phản anh ấy, nhưng còn những người sống phải có việc của người sống, tôi định thế này, anh Bá liên lạc chặt chẽ với cụ tài Kha và bác Khiết, cụ ấy ở mỏ đã lâu, quen thuộc nhiều, có thể giúp đỡ nhiều về chỗ ăn ở của phu mới, nên ai cũng yên ổn, cụ ấy nói bà con rất nể. Anh Tư thì ráo riết vận động cứu tế⁽³⁾ cho những anh chị em nghèo. Còn việc điền tra tình hình, tôi sẽ tổ chức một bộ phận đặc biệt. Tuần và hai người ra, anh lại lên tăng lăm.

Ngày thứ ba, tình hình như thường.

Ngày thứ tư, năm mươi phần trăm muốn đi làm.

Ngày thứ năm, năm mươi phần trăm muốn đi làm.

Ngày thứ sáu, sáu mươi phần trăm muốn đi làm.

Ngày thứ bảy, sáu mươi bảy phần trăm muốn đi làm.

Chủ nhật, sáu mươi bảy phần trăm muốn đi làm.

Thứ hai, tám mươi phần trăm muốn đi làm.

Tuần về nhà, đang ngồi, Min vớt thùng gạo vào nhà.

— Sao, sáng nay họ đi làm à?

Tuấn cố trấn tĩnh. Rồi Tuấn nằm ngả xuống giường. Mìn đứng yên một lúc. Tuấn lại trở dậy. Mìn đi theo. Tuấn quay lại:

— Cô ở nhà, chiều đợi tôi bên bà Gái.

Tuấn đến nhà tài Bá, tài Bá cũng vừa ở chợ về, vẻ mặt thiếu bình tĩnh:

— Đến nguy mất, mai anh em họ đi làm.

Tuấn giơ hai tay ra hiệu, tài Bá ngừng.

— Anh giới thiệu tôi với cụ tài Kha để tôi nói chuyện với cụ.

Tài Bá vào nhà trong. Cụ Tài ra gặp Tuấn. Tuấn hỏi thăm về Bảo và nói chuyện ngày trước, với Bảo, anh em đã gặp nhau ở Hải Phòng, rồi anh đem việc các anh phu mới hàn với cụ. Cụ tài Kha nói:

— Được, việc ấy tôi có thể nhận được!

Tuấn chào cụ, bắt tay tài Bá, anh em lại vui, bình tĩnh ra về. Đến nhà bà Gái, Tư và Mìn đã ở đấy. Tư vui hẳn lên:

— Tôi vừa nghe được tin một gia đình anh em phu cũ nhận nuôi một gia đình anh em phu mới, người Thái Bình nuôi người Thái Bình, người Nam Định nuôi người Nam Định và...

Mìn ngắt lời:

— Và sau khi vận động kết quả, thì anh em phu cũ nhận nuôi các anh em phu mới không kể gì quê hương. Họ cứ nhận bừa là người cùng quê nên họ giúp đỡ. Tụi Pháp không thể bỏ tù được cả sở.

Tuấn ngồi vào ghế:

— Nhưng anh em sáng mai họ đi làm!

Mìn nhíu đôi lông mày lại:

— Anh có thể làm thế nào gượng lại (4) được không?

Tư thở dài:

— Nếu gượng lại được nửa buổi sáng nữa, thì nhất định thắng. Hôm nọ đến nay mưa mất buổi, anh em cũ làm vờ (5) phá, nghỉ nhiều, giờ chỉ xào xạc một ít người, tăng sạt, lò (6) sập, máy xúc, xe hỏa tháo tung ra rồi, thợ nghỉ không lên lớp,

tàu về ăn than (7) vẫn nằm khàn ngoài bể, nó đang cần than lắm, hôm qua chủ nhất định gọi anh em lại nói chuyện.

Tuấn với cái tấm ở ống:

— Tôi đã có một cách giải quyết, anh cứ làm như cũ, chúng ta vẫn còn nhiều hi vọng.

Tư và Mìn đứng lên:

— Bà nấu cơm mình anh Tuấn ăn thôi, chúng tôi đi về.

Hôm nay bà xào đậu hòa lan với thịt cho Tuấn ăn. Anh ăn được nhiều, chưa bao giờ khi lo nhiều mà anh lại ăn ngon miệng như vậy.

... Ngoài bể, rất đông những chị em phu mới đi hái cà và đánh hà (8). Các bà con ở bể chỉ cho họ cách bắt cà.

Tuấn ngủ, đến gà gáy, anh dậy đi làm, đến gần lán phu mới. Anh em phu mới sắp sửa đi làm, đứng đầy cả một lán dài, đợi một lúc lâu, trong bóng trời còn tối. Bác Khiết nói:

— Các anh em bà con chú ý, cụ Tài muốn nói chuyện với chúng ta.

Có tiếng nói:

— Cụ dạy gì xin cứ dạy.

Bà đến trước mọi người, dưới một ánh đèn yếu ớt.

— Tôi xin thưa với tất cả các cụ, các ông bà và các anh chị em. Con tôi chẳng may bị bắn, tôi xin thay mặt nó để nói với anh em bà con một vài lời. Dù có chết cũng được mất vong hồn.

Bà rút khăn lau nước mắt. Mọi người yên lặng, mấy chị áo nâu ngồi gần bà, nước mắt chảy quanh, ngừng nhìn mọi người. Bà nói tiếp:

— Vì người ta lừa dối nên anh em bà con bị khổ, làm ăn vất vả, nhà không có mà ở, giường chiếu, nồi bát không có, ốm sốt rét, ho, sâu quầng, rét, chết. Không chịu được, bà con nghỉ để dời nhà ở, bớt giờ làm, để người ta nói giúp cái pút ở cò chúng ta ra một tí. Vì sốt sắng đến công việc chung mà con tôi phải chết. Nhưng nó chết đi là để anh em bà con được sống. Bây giờ anh em, bà con đã làm thì làm hẳn chứ cứ đánh

rắn giữa khúc (9), thì một ngày một khổ, mà rồi cũng đến chết hết (bà khóc)... Nếu bà con đi làm, thì thật con tôi chết oan (bà lại khóc...). Anh em bà con nên nghĩ cho kĩ rồi hãy đi làm. Con tôi đã bị chết ngay, mà bà con được sống, tôi cũng vui.

Khi đó anh chị em lại âm ỉ:

- Nhất định không đi làm.
- Ai đi làm là vô lương tâm, là phản bội.
- Dù chết cũng không đi làm.
- Ủ... ừ... ừ... ừ...

Tầm gọi làm một lượt. Thắng chủ nhất và xếp Kinh đến. Hân đi thẳng vào đoàn người, nói một tràng tiếng Pháp. Xếp Kinh thông ngôn:

- Các anh định đi làm phải không?
- Chưa được như lời hứa, chúng tôi phải làm quá sức mình, chúng tôi chưa đi làm.
- Chúng tôi chưa đi làm, ông muốn làm gì thì làm!
- Tại Bà máy (10) Kiệt, Kiệt truyền đi:
- Không được khiêu khích, không được nói láo, anh em lời anh nói láo ra.

Anh em lời ra một người:

- Người này không phải của chúng tôi.

Vẫn cang ồng ào không ai còn nghe được câu gì nữa. Thắng chủ nhất xua tay, xếp Kinh nhìn mọi người:

- Đề một người nói.

Anh Kiệt mặc cái áo nâu bạc, đến trước chủ nhất:

- Chúng tôi muốn ông chủ trả lời chúng tôi những điều đã ghi trong đơn.

Chủ nhất nhìn ra ngoài. Bảy giờ tầm (11) một lượt lâu rồi, nhưng phu và thợ cũ vẫn đứng trước lán. Chết nói khẽ:

- Chúng ta hãy ở đây xem chủ nhất nói chuyện với phu mới.

Chủ Sáng gạt đầu. Người mỗi lúc một đông, dần dần biến thành một cuộc đình công và ủng hộ đình công lớn. Tuấn ra chỗ tại Bá. Min, Đen lách trong đám đông. Chủ nhất đứng

dây nhìn ra đám đông thợ và phu cũ. Họ không sợ, họ vẫn đứng yên nhìn lại, chủ nhất quay lại đám phu mới:

- Nếu các anh không đi làm, sẽ không mượn các anh nữa, các anh nghĩ sao?

Những cánh tay nắm chặt lại giờ lên, cả anh chị em cũ đứng phía ngoài cũng gào thét lẫn trong ấy.

- Phải bồi thường chúng tôi về quê!
- Không mượn, phải trả tiền cho chúng tôi về quê!
- Phải trả tiền chúng tôi về quê!
- Phải trả tiền chúng tôi về quê!

VÕ HUY TÂM
(Trích *Vùng mỏ*)

TÓM TẮT TRUYỆN *VÙNG MỎ*.

Truyện *Vùng mỏ* của Võ Huy Tâm, được giải nhất về truyện và kí sự của Hội văn nghệ Việt Nam (1951—1952). Truyện *Vùng mỏ* kể lại cuộc đấu tranh của công nhân mỏ Hồn Gai trong nội kì kháng chiến chống sự đàn áp bóc lột của chủ mỏ, lần công phá hoại, đình công để hưởng ứng cuộc kháng chiến của toàn dân. Cuộc đình công vẫn kéo dài đang đến giai đoạn quyết liệt thì gặp khó khăn lớn. Định nâng giá gạo lên để công nhân đói, giết anh Bào (còn gọi là anh Hai) để áp đảo tinh thần. Đảng và công đoàn đã vận động công nhân giúp đỡ nhau giữa người cũ và mới, giữa người cùng quê... Đoạn trích trên đây kể lại giai đoạn cuối cùng của cuộc đấu tranh.

Chú thích:

- (1) Lán: nhà lán bằng tre nứa để ở tạm trong rừng, trong núi hay trên công trường.
- (2) Phu mới: phu mà bọn chủ mỏ mới mộ ở Thái Bình, Nam Định... đưa ra mỏ.
- (3) Cứu tề: giúp đỡ người trong lúc hoạn nạn.
- (4) Groom lại: hoãn lại (hãy groom: hãy đợi một lát).
- (5) Làm vờ: giả cách như có làm.
- (6) Lò: Công nhân mỏ đào vào trong lòng vỉa than thành từng lò, có cột gỗ chống để lấy than, dưới thời thuộc Pháp do chúng không chú ý bảo vệ an toàn lao động cho công nhân nên thường hay bị sập lò, chết người.
- (7) Ăn than: Lìy than, mua than.
- (8) Hà: một thừ sò ở biển sông thành từng mảng bám vào đá.
- (9) Đánh rắn giữa khúc: ý nói làm dở dang, vì đánh rắn ở giữa khúc thì rắn không chết.
- (10) Máy: ở đây ý nói ra hiệu bí mật, báo ngầm với nhau.
- (11) Tầm: còi nhà máy báo giờ đi làm, hoặc hết giờ làm (tan tầm).

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Khó khăn nhất của cuộc đấu tranh trong giai đoạn này là gì? Lãnh đạo đã giải quyết như thế nào?
2. Tình thương con của cụ tài Kha đã được nâng lên thành tình thương yêu giai cấp. Chứng minh. Vì sao lời cụ Kha có tác dụng lôi kéo, thuyết phục anh chị em công nhân mỏ?
3. Để diễn đạt nội dung đấu tranh sôi nổi quyết liệt, trong bài này tác giả thường viết câu văn ngắn gọn. Tìm dẫn chứng.
4. Nhận xét tác dụng của những câu văn đối thoại trong toàn bài văn.

HIỀU LÒNG MẸ TA

Ta rất hiểu lòng mẹ ta khi dắt tay ta tới nơi nhập ngũ, mẹ nói với mọi người để gọi gấm ta:

— Cách mạng cần con trai, tôi góp con trai. Cách mạng cần con gái, tôi góp con gái. Cách mạng cần gạo, tôi góp gạo. Chỉ những gì tôi không có được, tôi mới không giúp. Cách mạng được thôi.

Mẹ dắt ta và tới em ta, ngay cả đứa em gái út, trao cho Cách mạng. Thường thì sự việc bắt đầu từ như vậy, nhưng lại là sự bắt đầu của một con người dám cầm lấy súng. Tất cả những đau thương tủi nhục mà mẹ đã trải qua, tất cả những quằn quai của đất nước ngàn năm bị nô lệ, tàn phá đều được dồn thành sức mạnh trong cái thể bắt đầu này. Nó đã trở thành lẽ sống của chúng ta, của những người cùng khổ trên thế giới. Sự bắt đầu của một lẽ sống giản dị và dễ hiểu, nếu không cầm lấy súng, nếu không dám đương đầu với sự tàn bạo thì cũng có nghĩa là không dám tiếp nhận sự sống để làm người.

Ta ra đi mang hình ảnh của quê mình ở trong lòng và từ khắp nơi trên mặt đất, những người lao khổ lại mang hình bóng của chúng ta. Sợi giây xiềng mà giặc Mĩ mang khóa ngang mình thế giới đang đứt một khoen từ đất nước Việt Nam. Một khoen bị đứt sẽ cuốn theo sự rời rã của cả sợi dây, đó là định mệnh, giặc Mĩ không thể hàn gắn được.

Cảm ơn bạn bè trên mặt đất đã trao cho chúng ta vinh dự ấy. Ta biết ơn đất nước ta đã sinh ra ta trong thời đại ngàn năm có một này. Chúng ta cầm chặt súng và chúng ta hiểu rất rõ tại sao kẻ thù càng gần ngày chết chúng lại càng tàn bạo. Từ bao đời nay rồi có bao giờ mà chúng không tàn bạo? Chúng ta quật lại chúng bằng tất cả sức mạnh của chúng ta. Sức mạnh đó mang tiếng nói vững vàng của mẹ ta lúc cho ta ra đi cầm súng, mang lẽ sống và cuộc đời của ta, của tất cả mọi người.

« Ai bảo về Việt Nam thì tôi yêu người đó... », giọng dân ca trữ tình vang lên từ bờ biển Cu-ba xa xôi. Đó là tiếng nói tình yêu của những người con gái ở cách xa ta tới nửa vòng trái đất. Tiếng nói tỏ tình trong thời đại chúng ta sao mà kì diệu! Cảm ơn bạn đã gắn chặt không gian rộng lớn vào đất nước Việt Nam nhỏ bé. Và ngay từ bên Mĩ, ánh lửa thiêu mình của anh Mô-ri-xơn⁽¹⁾ đã cất lên! Đẻ cảnh cáo bọn xâm lược Mĩ, người bạn trẻ có vợ và ba con nhỏ ấy đã hi sinh cả cuộc đời mình hướng về nước Việt Nam yên quý. Đất nước Việt Nam mà cả loài người cùng thiết tha đem xương máu ra bảo vệ ấy đang đứng lên diệt kẻ thù chung tàn bạo nhất, đang bình tĩnh trước mọi hi sinh trên tuyến đầu cam go⁽²⁾ nhất. Miếng đất ấy đang chiến thắng giặc Mĩ và cũng đang là nơi nảy nở ra những tình cảm cao đẹp nhất của xã hội loài người.

NGUYỄN THI

(Trích Dòng kinh quê hương
trong tập Truyện và kí)

Chú thích:

(1) Mô-ri-xơn: một công dân Mĩ có vợ và ba con, anh đã tự thiêu để phản đối chính phủ Mĩ quyết định đưa quân xâm lược Việt Nam.

(2) Cam go: gay go gian khổ phải chịu đựng.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Bằng lời văn mộc mạc nhưng có sức gợi cảm sâu sắc, bài bút kí của Nguyễn Thi có tác dụng đi sâu vào lòng người nhất là thanh niên ta. Hãy chứng minh.

2. Qua những câu ca và hình ảnh cụ thể, cảm động, tác giả đã khắc họa được tinh thần quốc tế cao cả, chân chính của nhân dân tiên bộ ở các nước châu Mĩ đối với Việt Nam ta. Hãy chứng minh và phân tích điều đó.

3. Phân tích câu dân ca Cu-ba : « Ai bảo vệ Việt Nam thì tôi yêu người đó... ». Vì sao miếng đất này nảy nở những tình cảm cao đẹp nhất của loài người ?

DŨNG SĨ ĐIỆN NGỌC ⁽¹⁾

P. 15 là một loại xe sắt nặng khổng lồ kì dị ⁽²⁾ khổng lồ, to như một cái nhà ga, bịt bùng ⁽³⁾.

Nó bò tới đó, chúng nó chữ, mười hai chiếc. Bãi cát Điện Ngọc ⁽⁴⁾ rung lên như một nhà máy lớn đang chạy hết công suất ⁽⁵⁾. Khói, cát mịn mù vấy lấy bầu trời kì dị.

Cách năm trăm mét, chúng dừng lại, triển khai ⁽⁶⁾ đội hình chiến đấu, chín chiếc rẽ sang trái, ba chiếc lao thẳng tới. Đứng lối đi quen thuộc của Mĩ, bao giờ cũng có một cánh bọc sườn. Chúng chưa phát hiện được gì cả, ngoài bãi cát trắng lờ mờ gọn sóng và rục rờ nắng tháng tám. Nghiêu đứng ở đâu đây giữa bãi cát lửa ấy ?

Anh đây ! Không phải chỉ có một mình anh, anh ngồi phía trước, khẩu A. T. ⁽⁷⁾ đã cầm một quả đạn màu xanh ủa ; sau anh là Ba và Vân, « lính mới chưa bóc tem » — chính trị viên Thủy nói như vậy khi giao hai chiến sĩ ấy cho Nghiêu.

Đứng ra thì không phải họ ngồi, họ đều nằm, chôn mình trong cát bỏng lút đến ngực. Chỗ họ nằm không phải là một công sự thiên nhiên, cũng không phải do họ đào. Đó là một cái húc cát ⁽⁸⁾ nông choèn do một quả đạn pháo Mĩ loại cực nặng xới lên ngay giữa bãi cát Điện Ngọc. Phía trước mặt lơ thơ mấy cây gai lười hùm cần cỗi. Nghiêu chọn đứng chỗ ấy làm quyết chiến điểm ⁽⁹⁾ của tổ mình, từ trong cái giếng cạn hết sức bất ngờ đó, anh sẽ lao ra, xuất kích ⁽¹⁰⁾ với một khẩu A. T. của anh và với Ba : tiền liên, Vân : thủ pháo.

Tiếng xe vẫn âm âm nhích tới. Ba trăm mét. Nghiêu hơi ghé mặt lên bờ giếng nhìn. Một chiếc đi đầu. Quả nó to lớn và

lạ lùng. Trước mũi nó, hai thẳng Mĩ đen, hai trọng liên hai bên, một thân gMĩ trắng ngồi giữa, sau một khẩu Đ. K. 75 ⁽¹¹⁾.

« Nó đây ư ? Mình chưa hiểu gì về nó cả. Chỉ thấy nó lạ quá, nó có cái gì đó không phải là người. Mình chỉ biết nó có vậy. Còn về bản thân mình thật ra thì mình cũng chưa hiểu đầy đủ, hoàn toàn » — Nghiêu nghĩ như vậy — Mình là gì đây ? Là một con người, với hai cánh tay còn vững nhưng đôi mắt đã hơi mờ, với một viên cac-bin thủ trọng mã, với một quả tim khỏe đến thế mà vẫn chảy máu vì cái tang quê hương và gia đình. Mình còn là khẩu A. T. này nữa. Lần đầu tiên trong đời mình cầm một khẩu A. T. khi hôm mình đã tình nguyện nhận nó, đầu chưa biết sử dụng nó thế nào cả. Mình học nó trong một giờ, mình hiểu nó thật sơ sài, nhưng mình sẽ làm cho nó với mình trong giây phút hiểm nghèo cũng sẽ đều anh hùng như nhau...

Chiếc xe đi đầu bò tới.

Một trăm mét rồi. Ba nói nhỏ :

— Bắn được rồi, anh Nghiêu !

— Khoan đã, nó có thấy mình đâu, cứ để yên.

Năm mươi mét. Vân ngất vào đùi Nghiêu một cái :

— Kia !

Giọng Nghiêu nghiêm khắc :

— Theo mệnh lệnh tôi, nằm yên !

Ba mươi mét.

— Để yên nghe — Nghiêu thì thào — Hễ tôi nổ là tiền liên, thủ pháo bồi luôn, nghe !

Hai mươi mét. Vân kêu lên nho nhỏ như van :

— Trời, nổ đi chứ !

Nghiêu không nghe, tiếng xe rù bây giờ như sấm động. Vân ngất Nghiêu một cái nữa thật đau vào đùi. Nghiêu trở chân đá lại Vân một cái vào vai.

Mười lăm mét.

Trước cái hố đại bác của Nghiêu có một gợn cát hơi cao. Chiếc xe tới gần bỗng thụp xuống sau cái dụn cát đó, mất hút khỏi tầm mắt người nằm trong giếng cạn. Nghiêu hơi nhô dậy.

Nó đây rồi! Nửa cái cần ăng-ten⁽¹²⁾ ngoe nguẩy nhô lên. Rồi cả cái cần nguyên vẹn. Như thế là đúng mười mét. Từ từ, từ từ, chậm rãi lạ lùng chừng như vô tận, cái thùng xe nhô lên, nhô lên. Chín mét. Toàn bộ chiếc xe khổng lồ đã đứng đó rồi, sừng sững trước ba chiến sĩ như một ngôi nhà thép. Nó lết tới hai mét nữa.

Nghiều co chân, đạp một cái vào người tổ viên tiểu liên rồi như một ánh chớp, anh đứng vụt dậy. Từ trong lòng cát Điện Ngọc cháy bỏng, anh vụt đứng dậy; anh mọc dậy như một mũi tầm vông nhọn hoắt mọc thẳng lên từ lòng đất mẹ, anh xuất hiện như một sự thật phi thường không một kẻ thù nào lường nổi. Ba thằng Mĩ ngồi ở đầu xe đã thấy anh, nhưng vũ khí trong tay chúng trở nên vô dụng. Vũ khí đã gục đầu! Chúng nó không thể hiểu, không sao hiểu nổi con người đang đứng thẳng trước mặt chúng, sừng sững, trang nghiêm như một lời hỏi tội. Giờ đền tội của chúng đã đến rồi. Chúng nó giơ tay lên theo kiểu bọn người phương Tây giơ tay lên khi kinh ngạc và bật ngửa ra; chúng định với một cái gì đó, nhưng cái đó không có, hoàn toàn không có. Một trung đội ngự trong thùng xe lục đục muốn lao ra, lại bị chính cái áo giáp sắt của chủ chúng vây chặt lại.

Nghiều đã giương khẩu A.T. lên, báng súng kẹp vào nách, thoải mái, nhẹ nhàng. Một cảm xúc lạ lùng bỗng tràn ngập lòng anh: anh thấy yêu, yêu vô cùng khẩu A.T. của anh. (Bây giờ anh đã có thể nói như vậy rồi: của anh!). Quả đạn lớn ở đầu súng, đó chính là quả tim anh. Nòng súng, đó chính là cánh tay anh đã mọc thêm ra cho tới tầm hiệu quả⁽¹³⁾ nhất. Không còn có anh, Lê Văn Nghiều, cộng với một khẩu súng nữa. Chỉ có Lê Văn Nghiều, em của anh Chua⁽¹⁴⁾, con của bà mẹ Hòa Vang⁽¹⁵⁾, bạn chưa quen của Lê Độ. Toàn thân Lê Văn Nghiều đã biến thành vũ khí ghê gớm, vũ khí — con người!⁽¹⁶⁾

Anh bóp cò!

Trận đánh có thể coi là kết thúc ở đây. Bây giờ chỉ còn có con thú sắt Mĩ khổng lồ ngùn ngụt bốc cháy, tầm thương như mọi đám cháy tầm thương, lũ quỷ chết trong xe rống lên, thẳng nào lọt ra ngoài, tiểu liên, thủ pháo của Ba. Ván quét tệt.

Tổ Nghiều lao vào làng. Đồng bào đã bỏ ra bia làng xem Nghiều đánh xe này giờ, ôm chầm lấy anh mà hôn. Còn anh, khi đã đáp lại tình yêu của đồng bào, anh lại ôm khẩu súng lên mà hôn như hôn chính quả tim mình.

1-1966

NGUYỄN TRUNG THÀNH

(Lược trích *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc*)

Chú thích:

(1) Đây là một đoạn trích trong bài kí « *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc* » kể lại chuyện dũng sĩ Quân giải phóng Lê Văn Nghiều, chiến đấu diệt xe bọc sắt của địch.

(2) Kì dị (dị kì): lạ lùng, khác thường.

(3) Bịt bùng: kín mít.

(4) Điện Ngọc: một địa phương thuộc huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam — Đà Nẵng.

(5) Công suất: chỉ sức máy.

(6) Triển khai (khải triển): mở rộng ra, dàn ra.

(7) Khẩu A.T.: một loại súng chống xe tăng.

(8) Húc cát: húc cát.

(9) Quyết chiến điểm: nơi xảy ra chiến đấu ác liệt để giành thắng lợi quyết định cho trận đánh.

(10) Xuất kích: từ chỗ đóng quân tiến ra đánh (ở đây ý nói từ chỗ ẩn nấp xông ra diệt giặc).

(11) Khẩu Đ. K. 75: một loại súng có nòng đường kính 75 mi-li-mét.

(12) Cán ăng-ten: bộ phận thu và phát làn sóng của máy điện vô tuyến.

(13) Hiệu quả: có kết quả cụ thể.

(14) Anh Chua: Đồng chí Đào Ngọc Chua, ủy viên của Thành ủy bí mật Đà Nẵng, người đã dìu dắt hướng dẫn Nghiều theo cách mạng.

(15) Hòa Vang: một huyện thuộc Quảng Nam (nay thuộc tỉnh Quảng Nam — Đà Nẵng).

(16) Vũ khí — con người: gạch ngang nói có tác dụng nhân mạnh tinh thần anh dũng của con người trong chiến đấu.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Vũ khí trong tay giặc Mĩ được miêu tả thế nào? Vì sao nó lại bất lực? Đối với chiến sĩ Giải phóng « Quả đạn lớn ở đầu súng chính là trái tim mình ». Hãy phân tích ý nghĩa của hình ảnh và lời bình luận ấy.

2. Hình ảnh nào thể hiện ý chí và nghị lực cao độ của người chiến sĩ Giải phóng? Phân tích tư thế của anh trước áp lực hung hãn của kẻ thù. Nguyên nhân của sức mạnh và sự chiến thắng ấy.

3. Phân tích lời kể chuyện giản dị mà hấp dẫn của Nguyễn Trung Thành. Xen vào hành động và ý nghĩ của nhân vật có lời bình luận của tác giả. Cách viết như vậy có tác dụng gì?

BÀI ĐỌC THÊM

CHIẾN SĨ TA NGÀY NAY

Các chiến sĩ ta ngày nay đều trẻ măng, sản sản nhau trên dưới hai mươi tuổi, có những cậu mới mười sáu, mười bảy cũng đã tìm cách nhập ngũ được. Cũng như lớp đàn anh đã tạo ra Điện Biên Phủ, họ chẳng có vẻ gì là hùng dũng, ghê gớm. Nom họ thường nhỏ nhắn mảnh dẻ, nhưng Xuân⁽¹⁾ đã biết đây là những người chịu đựng vất vả, thiếu thốn với một sức dẻo dai bền bỉ kì lạ. Họ có thể hàng tháng liền nằm sương gió dãi, ăn cơm muối với rau rừng mà vẫn ngày này sang ngày khác hành quân thâu đêm suốt sáng, đào đất quân quật. Họ là những người con của một dân tộc đã quen thất lưng buộc bụng đánh vật với đất bùn trải mấy nghìn năm ròng rã, mà không gì quật ngã nổi. Nét mặt họ hiền hậu, thật thà, miệng họ như lúc nào cũng sẵn sàng nhoẻn cười, nhưng đôi mắt đen của họ lấp lánh tri thông minh⁽²⁾. Một điều khác hẳn với ngày trước⁽³⁾ là các chiến sĩ trẻ bây giờ, trước khi vào bộ đội, hầu hết đã qua lớp bốn, lớp năm, và không hiếm anh em đã qua lớp chín, lớp mười. Chỉ mới có hơn mười năm xây dựng Tổ quốc, cơm áo chúng ta chưa dồi dào, nhưng khắp hang cùng ngõ hẻm ở đâu ta cũng có trường học rồi.

Mấy năm trước, nhiều cán bộ cũ trong bộ đội còn ngần ngại chưa dám tin hẳn rằng lớp trẻ mới bây giờ, bước vào thử thách sẽ như thế nào. Trong cuộc kháng chiến lần trước chống thực dân Pháp, mỗi anh em bộ đội là một người đã nếm trải bao cực khổ, cay đắng của cuộc đời người nô lệ bị bóc lột đè nén tàn tệ. Nhìn nét mặt mỗi chiến sĩ hồi đó, người ta có thể thấy in

sâu dấu vết của những năm tháng đời rét tui nhục, và khi người chiến sĩ được cầm lấy một khẩu súng thì đó không phải chỉ là một khẩu súng giết giặc mà đó còn là cái chìa khóa để mở toang cái công ngục giam hãm⁽⁴⁾ và hươc ra một cuộc sống tự do.

Còn lớp chiến sĩ trẻ bây giờ thì lớn lên là thấy ngay cả đất nước, tương lai là của họ rồi, từ bát cơm hàng ngày cho đến quyền sách đều được xã hội lo cho, miễn là họ chịu làm, chịu học. Họ có thể thắc mắc vì chuyện một đồng chí cán bộ còn thiếu dân chủ, hoặc còn kém về khoa học kĩ thuật cho nên chưa hướng dẫn tốt cho họ trong sản xuất. Họ có thể chưa bằng lòng vì làng xóm ta chưa có đèn điện, trạm bơm, chưa có máy móc cày bừa, chưa có xi-nê, văn công luôn! Chao ôi so với những chuyện khổ của con người ngày trước, thì những thắc mắc ấy khác biệt chừng nào! Họ không thể thực biết một thằng công sứ⁽⁵⁾, sen đầm⁽⁶⁾, tây đoan⁽⁷⁾, một tên quan huyện⁽⁸⁾, chánh tổng⁽⁹⁾, lí trưởng⁽¹⁰⁾ là thế nào! Như vậy họ có biết cầm thù đế quốc được không? Và nếm vào cuộc chiến đấu ác liệt, liệu họ có chịu nổi không?

Nhưng đến lúc vào lửa thì « các bác cha chú » đã thấy! Lớp trẻ bây giờ không những gan dạ anh hùng chẳng thua lớp trước một mảy may, họ lại có học, họ hiểu biết về khoa học kĩ thuật. Họ có cách suy nghĩ mới mẻ, họ luôn luôn đặt ra những vấn đề mà nhiều khi người cán bộ cũ như Xuân không thấy hoặc không hiểu ngay được. Trong công việc hàng ngày của anh bây giờ, nhiều lúc Xuân đã cảm thấy anh còn dốt nhiều thứ quá, bây giờ nếu anh chỉ còn nói được những câu động viên hô hào chung chung thì thật là một người thừa mất! Tóc bạc rồi cũng phải cõ mà học, — Xuân thường tự nhủ như vậy — ít nhất mình cũng phải biết nghe, đừng có tự biến mình thành một hòn đá ỉ ra trên đường đi của mọi người. Nhiều lần, Xuân và những bạn cùng lứa tuổi với anh đã tâm sự với nhau: « Bác và các đồng chí lãnh đạo vẫn thường nói dân tộc ta là dân tộc anh hùng. Thật ra bọn mình vẫn chưa hiểu hết sự thật ấy! ». Nhìn những chiến sĩ trẻ tươi như hoa, vậy mà trong chiến đấu thì hiên ngang gan dạ tuyệt vời. Xuân như muốn nói thầm với bóng dáng của biết bao người đã đi trước, đã ngã xuống trên những nẻo đường cách mạng để cho Tổ quốc ta sống mãi: « Không,

không một chút gì của các đồng chí mất đi đâu! Không một ý nghĩ tình cảm đẹp đẽ nào của các đồng chí, dù là một việc làm hi sinh lặng lẽ, thầm kín nhất, không ai biết đến, mà uổng phí đâu! Tất cả, tất cả bao nhiêu cái gì quý nhất, cao thượng nhất trong đời sống, trong tâm hồn của hàng vạn chiến sĩ cách mạng, kháng chiến, đều còn tất cả, và không những còn nguyên vẹn mà đã sinh sôi nảy nở thêm trong mỗi người con trai, con gái mười bảy, mười tám, hai mươi tuổi kia!».

NGUYỄN ĐÌNH THI

(Trích Vào lửa)

Chú thích:

(1) Xuân: tên đồng chí chính ủy trung đoàn trong Vào lửa của Nguyễn Đình Thi. (Đoạn trích trên đây nói lên những cảm nghĩ của chính ủy Xuân khi về thăm một cụm pháo cao xạ, tiếp xúc với những chiến sĩ trẻ).

(2) Đôi mắt đen lấp lánh trí thông minh: đôi mắt sáng, có cái nhìn lạnh lợi, của những con người thông minh.

(3) Ngày trước: ý nói thời kháng chiến chống Pháp.

(4) Cái công ngục giam hầm: ý nói những xiềng xích, trói buộc của thực dân phong kiến đè nặng lên nhân dân ta thời nô lệ trước Cách mạng tháng Tám.

(5) Công sứ: tên quan cai trị người Pháp nắm mọi quyền hành trong một tỉnh dưới thời Pháp thuộc.

(6) Sen đầm: cảnh sát (tiếng Pháp).

(7) Tây đoan: tên thực dân Pháp chuyên việc đánh thuế các thứ hàng như rượu thuốc lá, v.v... để bóc lột nhân dân ta.

(8), (9), (10) Quan huyện, chánh tổng, lí trưởng: những tên nắm quyền hành trong một huyện, một tổng, một làng dưới thời thực dân, phong kiến trước kia.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Bài văn đã ca ngợi các chiến sĩ trẻ của ta ngày nay như thế nào?
2. So với các chiến sĩ lớp trước (hồi kháng chiến chống Pháp), thì chiến sĩ trẻ ngày nay có gì khác? Phân tích sự khác nhau ấy để thấy công ơn của Cách mạng đối với lớp thanh niên ta ngày nay.
3. Qua cảm nghĩ của chính ủy Xuân, tác giả đã nêu lên mặt hạn chế nào trong lớp cán bộ cũ hiện nay?
4. Em học tập được gì về nghệ thuật dùng từ của nhà văn Nguyễn Đình Thi trong bài này?

ĐẤT NƯỚC, XÃ HỘI VÀ CON NGƯỜI ĐỀU ĐỔI MỚI⁽¹⁾

Trong mười năm qua, miền bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới. Nhiều khu công nghiệp lớn đã mọc lên. Những thành phố trước kia là nơi ăn chơi nay đã trở thành những trung tâm sản xuất. Nhiều nơi ở nông thôn trước kia chỉ cày cấy một mùa nay đã làm đôi ba vụ, nông nghiệp phát triển toàn diện. Những miền trung du và thượng du ngày xưa là xa xôi hẻo lánh, nay đang đón tiếp hàng chục vạn đồng bào miền xuôi lên cùng đồng bào miền núi khai thác tài nguyên phong phú của đất nước.

Xã hội miền bắc ngày nay là xã hội của những người lao động làm chủ tập thể, nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống mới cho mình và cho con cháu muôn đời mai sau. Xã hội miền bắc ngày nay là một đại gia đình gồm mọi tầng lớp nhân dân, mọi dân tộc anh em thân ái đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, đồng cam cộng khổ, phấn đấu cho lợi ích chung của Tổ quốc. Chế độ ta là chế độ mới, nhân dân ta đang trau dồi đạo đức mới, đạo đức xã hội chủ nghĩa của những người lao động «ta vì mọi người, mọi người vì ta». Trong khi xây dựng cái mới, chúng ta phát triển những đức tính tốt đẹp của tổ tiên ta và học tập những gương tốt của nhân dân các nước anh em.

Chúng ta tự hào có nhiều cụ ông cụ bà ngoài 70, 80 tuổi vẫn hăng hái học tập và lao động, lập ra những đội «bach đầu quân»⁽²⁾ trồng cây gây rừng, đón đóc phong trào bình dân học vụ và vận động vệ sinh phòng bệnh.

Phụ nữ ta có thành tích lớn trong sản xuất nông nghiệp và công nghiệp: có nhiều anh hùng chiến sĩ thi đua, đội trưởng sản xuất trong các nhà máy, chủ nhiệm hợp tác xã, đội trưởng dân quân, bác sĩ, giáo viên... rất giỏi.

Thanh niên ta tích cực xung phong cố gắng làm tròn nhiệm vụ đầu tàu trong mọi hoạt động kinh tế, văn hóa, quốc phòng, thực hiện khẩu hiệu «đầu cần thanh niên có, đầu khó có thanh niên».

Các cháu nhi đồng ta rất ngoan, chăm học chăm làm; nhiều cháu đã dũng cảm cứu bạn trong cơn nguy hiểm, nhiều cháu thật thà đem trả của rơi, thương yêu giúp đỡ nhau và thi đua « làm nghìn việc tốt ».

Làng xóm ta xưa kia lam lũ quanh năm mà vẫn quanh năm đói rách. Làng xóm ta ngày nay bốn mùa nhộn nhịp cảnh làm ăn tập thể. Đầu đầu cũng có trường học, nhà gửi trẻ, nhà hộ sinh, câu lạc bộ, sân và kho của hợp tác xã, nhà mới của xã viên. Đời sống vật chất ngày càng ấm no, đời sống tinh thần ngày càng tiến bộ.

HỒ CHÍ MINH
(1964)

Chú thích:

(1) Tháng 3-1964, tại Hội nghị chính trị đặc biệt, Hồ Chủ tịch đã đọc một bản báo cáo quan trọng « điểm lại những sự kiện lớn trong mười năm qua ở nước ta và trên thế giới », đồng thời nêu lên những nhiệm vụ trước mắt, kêu gọi toàn Đảng, toàn dân ra sức thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng vĩ đại của dân tộc. Đoạn trích trên đây thuộc phần nói về thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền bắc trong mười năm sau khi kháng chiến thắng lợi (từ 1954 đến 1964).

(2) « Bạch đầu quân » : đội quân bạc đầu, ở đây chỉ các cụ già tham gia chiến đấu.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Trong 10 năm sau khi được hoàn toàn giải phóng, miền bắc nước ta trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội có nhiều đổi mới. Hãy chứng minh.

2. Những đức tính tốt đẹp của nhân dân mà Bác nói đến ở trong bài này là gì? Tại sao chúng ta cần trau dồi và học tập những đức tính đó?

3. Đây là một bài văn bố cục rất chặt chẽ, câu văn súc tích, giản dị, nhiều hình ảnh, giọng văn nhiệt tình sôi nổi. Chứng minh.

BÀI ĐỌC THÊM

GẶT LÚA GIÚP DÂN

Một đoàn học sinh năm chục em, một đội văn công ba mươi sáu người, với hai tiểu đội bộ binh được điều về gặt giúp hợp tác xã và nhân dân Sa Ngọc. Thêm vào đó, còn có hơn ba chục cán bộ của các cơ quan cả, muối ven biển.

Hơn trăm người tập trung trước cửa Ủy ban hành chính xã. Học sinh riu rít nói chuyện như một đàn chim non. Mấy cậu, tuy đã cao lớn lộc ngộc, nhưng còn tính trẻ, rủ nhau đi tìm cò gà, chơi thử... Năm cô gái văn công — mắt còn buồn ngủ nặng trĩu vì tối hôm trước biểu diễn vừa qua — bắt đầu hát se se, rồi càng hát to mãi lên. Mấy tân binh đảng này thấy hay hay cũng xúm lại vỗ tay đánh nhịp và hoan hô ầm ỹ. Phần đông các thanh niên, học sinh lần này là lần đầu tiên được về tham gia sản xuất ở vùng ven biển. Cũng biết gặt hái, phơi lúa, tróc lúa chẳng phải là nhẹ nhàng gì — nếu là nhẹ nhàng thì ai cần giúp đỡ — nhưng tính trẻ rất dễ nhớn, dễ vui, cứ đông người là ầm ỹ ngay lên được...

Như một mảnh biển vàng, cánh đồng chiêm rải mênh mông. Lúa chia bông từng đám, và nằm rạp xuống từng đám. Nước ngập đã non một tuần, lá lúa, cuống rơm đã bắt đầu mủn, bốc hơi thum thum. Đồng lầy lầy, mủi ra ướt, cỏ mọc và hoa súng dai cuộn theo gió quần thoảng hơi mốc và ớn nực. Sít sít kéo về từng đám đảo qua, quần nát từng đám. Lúa chín rung, làm mỗi cho cá rô kéo đến từng đàn lặc tặc dưới mặt nước.

Đoàn người đi gặt chia ra từng tốp men theo các con đường nhỏ, tràn xuống từng quãng. Đó đây, trên khoảng đồng mênh mông, lổ nhố những mái đầu đội nón trắng, lom khom trên mặt ruộng.

Mùa gặt bắt đầu.

Lúa chín đã quá giắc⁽²⁾. Hạt mảy căng. Những bông tếp trắng⁽³⁾ nặng trĩu, gục xuống, rơm đã ỉu xiu, hơi động mạnh là gãy. Lưỡi hái bỏ vào, lòi cây lúa dậy. Từng sợi rơm quần với lá ướt, cây nọ vướng cây kia, cài chặt với nhau, rít lấy nhanh hái. Lưỡi sắt tuy đã mài rất sắc, cũng chùn nhụt lại khi gặp đám rơm ằm nhùn. Từng bước, từng bước, lưỡi hái đi sâu vào, đè bật lên những ống ra phát phơ. Lúa đặt từng gỏi ngay trên mặt nước liền chi chít như những mảnh bẻ nổi pháp phòng. Chân khua nước lộp bộp, sục xuống bùn, nổi bọt đen ngòm.

Những con đĩa to, nhỏ ngoằn ngoắt cái mình mảnh như sợi lát vàng chóc, bơi ngoay ngoáy tìm mồi, xông vùn vụt vào chỗ nước đọng.

Đám người gặt, đàn ông, con trai chỉ mặc mảnh quần đùi thật ngắn, đôi chân xát mồ hôi đen sì — lầy nhầy nhựa lá đào. Họ cúi gằm trên mặt ruộng thông thả, rành rọt, tách từng cây lúa, vơ, nắm, cái rồi quật thành từng đon bên cạnh. Đám các cô gái đi vào một vạt riêng, tay cầm liềm, ghé cắt gần sát gốc ra, đôi bàn tay khoắng xuống mặt nước bì bọp. Nước bắn vọt, ướt áo lột mình, hân sông lưng căng tròn. Chốc chốc một cô lại xuýt xoa, hoặc ré lên, vùng vằng bàn tay rối rít, gỡ một con đĩa là he, bắm cổ chết vào mảnh da...

Mặt trời lên cao dần. Như một quả bưởi hồng ngâm nước nhỏ lên, bây giờ mảnh tròn ấy như cục sắt vừa đúc trong lò ra ánh sáng chói lọi và gay gắt. Gió bẻ vùn quần, nòng nặc những hơi tanh. Và với cơn nóng bốc lên từ gốc ra, từ bông lúa ướt, công việc nặng nề, chầm chập cũng thấm dần cái mệt vào cơ thể con người. Nắng rất. Nước bắt đầu nóng. Gió Lào — sức che nắng và nước càng thêm nóng. Những giọt mồ hôi muối chảy nhễ nhại, đầm quần áo, từng vệt trắng xộp lẫn với nước ruộng.

Kể trước người sau, đoàn thợ gặt đuổi nhau mãi miết. Toán thanh niên học sinh, văn công, trong mấy giờ đầu không chịu nhượng bộ nhau lấy nửa bước. Đám thanh niên Sa Ngọc, người các hợp tác xã Sa Bình, Sa Ninh, Sa Khang, Sa Phú vẫn tưởng rằng dân thị xã không quen lao động, nhất định sẽ phải bỏ cuộc khá nhiều nên họ làm đúng định, vừa mỉm cười vừa chờ đợi. Nhưng khi mệt mỏi ban đầu đã qua đi, mồ hôi đã ướt áo, thì ai nấy thấy sức lực dần dần trở nên dẻo dai, không một người chịu bỏ cuộc mặc dầu bàn tay đã sưng, bị nước ruộng thấm vào xót sột sột. Tiếng cười đùa ít đi: mọi người mím môi vượt mọi khó khăn, quyết cắt cho hết cả mảnh ruộng vào buổi sáng.

Trong lúc ngoài đồng đang gặt gấp, ở đâu phía xa xa ngoài làng vẫn nghe vọng lại tiếng loa lúc rõ lúc yếu:

— A lô, a lô, xin bà con chú ý: Đoàn cán bộ về gặt giúp dân chày ủng đang làm việc hăng hái... đã gặt được hơn hai mẫu lúa...

Chín giờ sáng. Đồng chí anh nuôi của đơn vị bộ đội gánh một gánh lặc lè đầy hai thùng nước với nóng kiu kít chạy gần ra đến bờ dừng lại, đặt xuống:

— Mời tất cả lên uống nước đã.

Họ xúm xít lại quanh hai thùng nước. Khi đã rót cả hòng. Ca, bát, ống bơ va chạm nhau loảng xoảng. Đồng chí cấp dưỡng luôn tay chuyển chiếc gáo ngắn cán làm bằng hộp sữa bò. Họ si sụp, hối hả. Nước còn nóng già, nhưng cũng cứ vơi dần, vừa uống, vừa thôi, mặt mày anh nào anh ấy đỏ như bị say rượu, tóc dính bết vào đầu như thoa sáp. Mới gần một buổi sáng thôi, mà da mặt da tay ai nấy đều nâu rám hắc lại. Riêng có đôi chân thì xám nhợt vì ngâm nước đã lâu. Da bàn tay teo lại như quả mận héo. Nhiều chỗ rôm mẩn.

— Có nếm mùi lao động thì mới biết quý hạt gạo. Đây! Từ nay còn lãng phí nữa thôi. Cơm ăn không hết, cứ đổ tuột xuống cống!

Đồng chí đội trưởng văn công vừa cười vừa trên một em gái nhỏ tuổi. Nó nguây ngất.

Em là em nhà sợ lao động dân.

Lúa đặt gỏi trên mặt ruộng khá nhiều. Cả đoàn cắt ra một số, hai chục học sinh chuyển các đon lúa ấy vào bờ, tẽ ra phơi cho ráo nước. Không có thuyền. Các em vào làng xin cây chuối làm cái bè nhỏ, khoắc dây vào vai, chuyên chở ầm ầm trên mặt ruộng.

Đoàn thợ gặt sau mấy chục phút nghỉ ngơi, đủ nước uống, thuốc lao say sưa, đã thấy sức khỏe trở lại. Họ kéo xuống làm nhanh hơn trước... Lúa phơi vàng rười rượi trên các nẻo bờ, lúa xếp thành từng đống cao lù lù. Thanh niên nam nữ dù chưa quen vai cũng hăng hái xốc từng gánh trĩu nặng quây dần về xóm. Lúa bó ồm, bó lượm, bó cô bay⁽⁵⁾ và lúa bỏ trong quang sọt theo nhau như một đàn kiến tha mồi...

CHU VĂN

(Trích *Bảo điển*)

Chú thích:

Bài văn lược trích ở cuốn *Bảo điển* (in lần thứ hai, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1975) của Chu Văn. Chu Văn, tác giả viết truyện xuất hiện trong phong trào sáng tác quần chúng ở Hà Nam Ninh với tác phẩm *Bảo điển* được nhiều bạn đọc hoan nghênh.

Bảo biên viết về cuộc sống ở vùng nông thôn công giáo trong phong trào hợp tác hóa nông nghiệp của miền Bắc vào những năm sáu mươi.

- (1) Sít : một loại chim to như chim cò, thường về đồng phá lúa.
- (2) Quả giắc : quả mứt, quả kỷ ; ở đây chỉ lúa đã chín quả mứt, quả kỷ.
- (3) Tép trắng : tên một giống lúa.
- (4) Gió Lào : gió tây nam, thổi qua nước Lào, vượt Trường Sơn sang Việt Nam, thường rất nóng.
- (5) Bó cò bay : bó lúa được bó đẹp, lúa xòe ra trông như cò bay.

PHÌN SA PHẤP PHỜI NHƯ HỘI

Đoàn người các làng đương kéo lên Phìn Sa ⁽¹⁾ làm kho, làm trạm xá và cửa hàng mậu dịch.

Trên núi cao, buổi sáng về muộn. Người riu rít đi lại như cả nhà, cả làng ra nường ngày mùa. Cả làng tập nập về. Không ai muốn đi dân công theo trường thôn gọi tên người, ai cũng thích cả nhà cùng đi.

Một ngựa loc cộc, hai ngựa, ba hỗn ngựa leng keng theo nhau đi thành đoàn. Ngựa thồ những túi bột ngô, cái nôi, dao và búa, những ống vầu đựng nước. Nước sóng sánh lên, ướt xuống cả đuôi ngựa. Trên còng, gác một bu gà. Con gà trống tía được đem theo để nó gáy nhắc giờ giắc cho người ta. Con gà tía chân đen, mắt đỏ xọc, chốc chốc lại gáy, tiếng vang dài xuống vực núi.

Một chiếc ngựa đứng đình bước, lưng không gác thồ ⁽²⁾. Anh chàng ngồi vắt vẻo, hai chân dúi vào bờm ngựa, đầu lắc lư cui, tay mê mãi, nghiêng ngả, bấm khèn ⁽³⁾.

Những đám mù xuống ngủ đêm trên lưng núi, bây giờ tỉnh dậy, trời ngang qua chân ngựa.

Một chị đi trước, mũi lạnh, mũi bá xuyên khẩng ⁽⁴⁾ thơm hắc quần lầy váy áo, như người vừa bước dưới ruộng lạnh lên.

Trên lưng một chị ngất ngưỡng cái điệu ⁽⁵⁾. Trong điệu xếp từng gói ngô, mấy quả đào, một quả dưa bở và phững quả mận ⁽⁶⁾ chín muộn ngần phấn trắng. Giữa những bụi sợi lạnh bu xù, với một quả bầu lơ đứng rục rục.

Có bé loắt choắt sau gấu váy mẹ, cũng chỉnh tề bộ xà cạp quần kín bàn chân, cổ áo viền đỏ và đôi bèn tóc mai mới cao, với cái giỏ đeo lưng cao bằng đầu — như chị. Nét mặt trang nghiêm cũng như chị.

Trong một điệu khác trên lưng một bà đi đằng sau, một em bé ngồi trong điệu to hó thò đầu ra. Có lúc bé thao láo nhìn, có lúc bé gật gưỡng ngủ theo nhịp bước chân mẹ.

Những con chó lông xồm mắt lồi như mắt giấy, cứ quần chân chạy nhặng.

Các chị đùa với trẻ con, liu riu, chen vào nắm đuôi ngựa để leo dõc dõ nhọc. Những con chó, chẳng hiểu đầu cuối, sủa toang lên, như muốn cãi nhau, tranh chỗ hộ cận bé ngồi trên lưng mẹ đương đòi xuống bịu đuôi ngựa.

Từ các xóm đỉnh núi, từng đoàn người bước ra.

Tiếng cười nói, tiếng sáo tí tẻ, vi vút. Chó sủa tang tang bốn phía. Chú gà trống trắng trong chiếc lồng trên lưng ngựa nghe tiếng ban gọi báo giờ trên dõc, cũng đột ngột cất giọng ồ ồ, khiến mọi người nhớ đang đi giữa trưa.

Phìn Sa phấp phới như hội. Người đến tràn cả ra mấy xóm quanh.

Chủ tịch Tòa vẫn quen miệng nói, lúc nào cũng như hô khẩu hiệu:

— Làm kho xong thì về! (Nhớ quên sản xuất).

Nhưng những ngày mùa bề bộn qua đã lâu. Người mãi việc cũng chỉ mới bắt đầu chăm cõ ngô. Người lười nhát thì đã xong nốt cái nường cuối và lại gác cây lên đầu nhà rồi. Thời vụ đương còn thông thả, ai cũng kháo nhau đi « làm kho, làm nhà mậu dịch cho cán bộ Nghĩa ⁽⁷⁾, làm trạm xá cho Thao Khay » ⁽⁸⁾, rồi còn nấn ná ở chơi ít ngày.

Khoảng đất giữa đồn lính và nhà thống lý ngày trước, cỏ tranh đã ăn lên ngập đầu. Bây giờ các làng đang san nền lại.

Khắp nơi chắt từng đồng mai, vầu ⁽⁹⁾.

Con trâu kéo cây gỗ trở lên, từ trong rừng xa ra:

Các chị, các bà vừa đến đã sang núi bên tìm cắt tranh. Chiều trở lại, các chị đều nặng trên lưng, không trông ra người, chỉ thấy từng đoàn cây rơm thông thả đi.

Nghĩa ra mẫu mọi người làm theo, cái cửa hàng mẫu dịch dần dần thành hình thù.

Cụ già người Xá, người Dao vốn khéo tay. Các cụ cỡi trâu, trệt khăn đầu rùa xuống vai, vung búa đẽo gỗ. Các cụ cỡi khăng khăng bảo cán bộ Nghĩa: dựng nhà mẫu dịch thì phải làm cột đực cho chắc chắn lâu dài như Chính phủ ta, không nên tam bợ cột ngoàm. Rồi bọn trai trẻ xuống suối, mò các khe, khiêng đá tảng lên ngôi kê mặt nước cả buổi, đẽo những hòn đá vuông phẳng để kê chân cột.

Những ông già Meo làm mộc giỏi đã đến. Mỗi cụ thợ chỉ vác dọc có cái rìu. Thế mà nguyên cả cây gỗ to, trong vài ngày, những tay búa giỏi đã pha, đẽo, chỉ đẽo mà ra đủ bàn, ghế, giá đựng thuốc, quầy hàng, thang lên kho, móc treo hàng... Đinh sắt thay đinh gỗ. Phải bền vững lâu dài như Chính phủ mới được.

Chủ tịch Tỏa, bác thợ đẽo già, đã dựng xong cái bệ giữa trời rồi không biết đã tìm đâu được một khiêng lười cây gậy, chảo vỡ, lập nên cái lò, ngày ngày rèn ra hàng loạt chiếc đinh đĩa⁽¹⁰⁾ dài ngắn.

Các cụ khoan khoái, nhón nhịp sửa soạn dựng nóc.

Các cụ bà, các mẹ thì ngồi bóng nắng xe lanh thêu cổ áo. Đám trẻ con theo người lớn đến đây chơi, đương xúm lại từng bọn đốt lửa vui ngộ nường.

Dưới suối lên bãi, nền nhà mới phát, chi chát đầy tiếng đẽo đá, đẽo gỗ. Cái bệ rèn đinh đĩa của chủ tịch Tỏa suốt ngày phi phỏ thỏ. Đàn trâu âm thầm kéo vầu, kéo gỗ trong suối ra. Bên núi cắt tranh, tiếng kèn lá⁽¹¹⁾ có nào thăm thì thấp thoáng giữa trưa.

Cả vùng vang động từ tinh mơ tới lúc nắng ngả rợp thung lũng. Những quả núi mờ đi, cái mờ gần ngủ trước, cái mờ xa ngủ sau, đám thanh niên tập việc hắt đầu đem sáo ra thổi.

TÔ HOÀI

(Lược trích *Miền Tây*)

Chú thích:

Bài văn lược trích ở cuốn truyện *Miền Tây* (in lần thứ hai, Văn học, 1973) của Tô Hoài, một nhà văn quen biết đã viết văn từ trước Cách mạng tháng Tám. *Miền Tây* là cuốn truyện viết về cuộc sống của đồng bào miền núi ở miền Bắc trong những năm miền Bắc vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chống Mỹ, cứu nước.

- (1) *Phên Sa*: một huyện của tỉnh Sơn La.
- (2) *Gạc thỏ*: giá đựng hàng hóa, để gác để ở lưng ngựa làm bằng gỗ hoặc bằng tre nứa, vầu.
- (3) *Khen*: một nhạc cụ của đồng bào miền núi Tây Bắc và Việt Bắc.
- (4) *Xuyên khùng*: một loại cây thuốc có mùi thơm.
- (5) *Đu*: một đồ dùng mang sau lưng của đồng bào miền núi để đựng đồ đạc, hàng hóa hoặc có khi cho trẻ ngồi.
- (6) *Mận*: một loại quả gần giống mơ lúc chín trở nên mềm, ngọt pha vị chua và chát.
- (7) *Nghĩa*: cán bộ phụ trách xây dựng cửa hàng mẫu dịch.
- (8) *Thảo Khay*: phụ trách công tác y tế.
- (9) *Mai, vầu*: những cây cùng loài với nứa, tre dùng trong việc làm nhà.
- (10) *Đinh đĩa*: thứ đinh dài có hình trông giống như con đĩa.
- (11) *Kèn lá*: một loại kèn của đồng bào miền núi.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tìm đại ý và bố cục của bài.
2. Cảnh nhân dân đi làm cửa hàng mẫu dịch, trạm xá đông vui, hồ hởi như hội hè. Tô Hoài đã tìm được nhiều chi tiết, sự việc, hình ảnh để miêu tả không khí vui tươi đó. Em hãy chứng minh.
3. Qua bài văn, em thấy tinh thần lao động, tình cảm đối với chế độ xã hội chủ nghĩa và ý thức xây dựng chủ nghĩa xã hội của đồng bào các dân tộc miền núi Tây Bắc như thế nào?

TỔ MÁY KÉO NÔNG TRƯỜNG

Khi tổ thanh nữ đập xong đồng lúa xếp cao ngút sau lưng như vách hào thì trời vừa tối. Thời gian đi vào phần đêm nhẹ nhàng và rất rụt rè: một mảnh trăng mỏng mảnh như vành móng tay nhón nhợt trắng, một ngôi sao hóm sáng rực rất lẻ loi, một màu xanh lơ lơ phẳng phất như có khói, và dãy núi phía tây chợt nổi rõ lên trên cái đường viền màu mỡ gà.

Mấy chị em ôm náo, bàn cào, bàn trang⁽¹⁾ vào cất ở một góc nhà trống vẫn thấy mấy chiếc phản nằm kê xộc xệch, lạnh lẽo, phủ đầy bụi mọt như hàng tháng trước đây, và ở góc đằng kia bóng đen của bốn chiếc máy kéo làm tối cả nửa gian nhà vẫn xông lên thứ mùi hôi khét của dầu mỡ đông khô ở các trục bánh. Tổ máy kéo ra đi từ vụ trồng ngô mùa thu, đến nay đã gặt hết lúa nương vẫn chưa trở lại. Những nét mặt, những câu chuyện, và cả cái không khí tung bừng của khói thuốc lá, bình chè nóng, ngọn đèn khêu to hồng chốc trở nên xa xôi, đầy nhớ nhung. Và riêng đối với Thoa thì còn cả những kỷ niệm êm đềm, chỉ mới thoáng nghĩ đến người đã nóng ran vì sung sướng.

Đêm ngủ một giấc dài chợt tỉnh dậy. Thoa nhìn qua kẽ cửa thấy trời nhàn nhạt trắng, tưởng như sương muối của đầu đông lọt theo hơi gió đến rắc bụi trên chiếc chăn bông nóng rực hơi người, giữa lúc ấy một tiếng nổ quen thuộc, đều đều, vừa nghe rất rõ, lại vừa mệnh mang như không có thực, như là một tiếng động gì đó trong giấc mơ, cứ rủ rủ, lén lén, khiến người chị như chìm sâu mãi xuống, và giấc ngủ say sưa nửa đêm về sáng xóa mờ đi tất cả. Từ mờ sáng hôm sau, keng báo thức vừa dứt, sương còn đang xuống như mưa bám trắng cả lòng mây, gió chầm vào mặt té buốt, tổ thanh nữ đã mang đòn xóc ra đồng gánh lúa. Khi đi qua nhà trống cả bọn đều ngạc nhiên, không ngờ đêm qua ở đó có người ở, và họ đã đi đâu sớm hơn tổ thanh nữ, chỉ còn lại bốn chiếc màn trắng căng trên bốn cái phản đã kê ngay ngắn, những chiếc nệm Thái⁽²⁾ viền vải đỏ, những cuộn chăn bông lớn ở đầu giường, và những gối hoa màu sắc sỡ. Có hơi người, khu nhà trống hẹp lại, ấm cúng hẳn, và ở góc đằng kia bốn chiếc đầu máy kéo cũng mất hút.

Tổ máy kéo Cờ đỏ⁽³⁾ của trạm máy kéo nông trường Điện Biên có bốn người, do Doãn làm tổ trưởng. Bốn con người rất trẻ ấy hơn một năm nay được tất cả mọi người yêu mến,

hơn nữa ở đây còn lấy làm hãnh diện với các đội sản xuất bạn vì lẽ tổ máy kéo cờ đỏ ở đội sản xuất số 6 nhiều ngày hơn cả. Hơn một trăm héc-ta cà, bí, gieo cho bốn năm vụ vừa lúa, vừa màu, quanh đi quẩn lại cũng đã mất già nửa năm. Anh em máy kéo coi đội sản xuất số « 6 » là gia đình của họ, còn ở đây thì quý mến, nuông chiều họ như con cưng. Họ đi cà nơi khác chưa đầy một tháng đã bằng chục lá thư gửi đến. Ngày chủ nhật các cô chưa chồng gói vào những chiếc khăn len nào lạc, nào mía, ới, cả rau thơm lặn lội mấy con suối, và bốn năm cà số đường lấy đi thăm những người yêu quý. Thời gian xa cách vừa qua mới hơn hai tháng, nhưng mỗi lần qua gian nhà trống, nhìn những miếng đất đóng khuôn vào vành xích khô trắng, ai cũng nghĩ như đã lâu lắm, như từ ngày mới về đây khai hoang mấy chiếc đầu máy kia chưa hề dời chỗ đứng cũ kỹ này. Nhưng đêm qua họ đã trở lại cái gian nhà hoang vắng, và sáng nay đã mang lưỡi cày đến cày xuống dải đất khô nẻ vì chờ mong ở cuối bản Ơn. Dải đất cày nằm rìa con đường chuyển lúa, nhưng mấy cái đầu máy vẫn lượn lờ trong đám sương dày đặc, tiếng nổ theo hơi gió bay lại, nghe rất tròn và êm ái...

Tiếng máy vẫn thăm thì trò chuyện với đất, và Doãn vẫn tâm sự với riêng mình. Đến đầu bờ anh cho vòng máy sang luống mới và ngấm lại những đường cày thẳng tít tắp lần lần vào trong sương. Từ giữa những mảnh đất bờ tung, nẫu xôm xốp, những sợi khói màu tím nhạt ngút ngát bay lên. Những con quạ đen thui như đã bị đốt thành than đứng run rẩy trên các mỏ đất, chốc chốc lại kêu lên nẫu ruột. Hằng đông cái bầu sương rộng lớn cứ trong mãi và trở nên tím mệnh mang trong cái bóng tím mờ hồ ấy như có cả màu xanh nhạt của nền trời. Ôi, buổi sáng mùa đông ở Điện Biên sao đẹp thế, tâm hồn con người ta sao dễ thơ mộng thế. Mỗi lúc được thưởng thức vẻ đẹp kỳ lạ luôn luôn biến đổi của thiên nhiên, Doãn bỗng thấy công việc của mình làm đầy thi vị⁽⁴⁾, cuộc đời sao mà đáng yêu, tâm lòng cởi mở như không còn biết đến những tính toán nhơ bẩn, nhỏ nhen thường ngày.

NGUYỄN KHAI

Chú thích :

Bài này lược trích ở tập truyện *Mùa lạc* (in lần thứ hai, Nhà xuất bản Văn học Hà Nội, 1974) của Nguyễn Khải. Nguyễn Khải là nhà văn quân đội, thuộc thế hệ nhà văn trưởng thành từ năm 1955 đến nay. Đề tài quen thuộc của ông là cuộc sống của người chiến sĩ quân đội trong chiến đấu và xây dựng kinh tế và cuộc sống của người nông dân ở nông thôn. *Mùa lạc*, là tập truyện ngắn viết về cuộc sống của người chiến sĩ quân đội và công nhân nông nghiệp ở nông trường và cuộc sống ở nông thôn.

(1) *Néo*, *bàn cào*, *bàn trang* : những đồ dùng trong công việc đập lúa (2) *Nệm Thái* : nệm làm theo kiểu nệm của đồng bào Thái (3) *Cờ đồ* : tên của đội máy kéo. (4) *Thí vị* : chất thơ ; ở đây ý nói hứng thú đẹp đẽ.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tìm đại ý và bố cục của bài.
2. Qua cặp mắt và tâm lòng của Thoa, qua tâm lòng của đội 6, qua tâm trạng của Đoàn trên luồng cây, em thấy những người công nhân lái máy kéo của đội Cờ đồ có những phẩm chất gì (tinh thần lao động, tinh cảm tập thể, cuộc sống ngán nập, lòng yêu nghề nghiệp, yêu đời, yêu thiên nhiên đất nước...)?
3. Qua bài văn, em thấy những người công nhân nông nghiệp ở nông trường sống trong quan hệ tình cảm tập thể, đồng đội đầm ấm và nồng hậu như thế nào?
4. Trong bài văn, cảnh, tình và tính cách con người quyện chặt vào nhau. Em hãy chứng minh nhận định đó.

CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Với thắng lợi hoàn toàn và triệt để của sự nghiệp chống Mĩ, cứu nước, cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước. Đây là giai đoạn nhân dân ta bắt tay vào sự nghiệp xây dựng trên Tổ quốc Việt Nam yêu dấu một xã hội đẹp nhất trong lịch sử của dân tộc đưa Tổ quốc ta tiến lên từng bước để cuối cùng đạt tới đỉnh cao chói lọi của nền văn minh, thực hiện trọn vẹn di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch : « Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới ».

Con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam là tiến lên chủ nghĩa xã hội. Con đường đó cũng phù hợp với quy luật phát triển của xã hội loài người trong thời đại ngày nay, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trong phạm vi toàn thế giới. Trong thời đại ngày nay, khi mà chủ nghĩa xã hội là giải pháp duy nhất cho mọi vấn đề nóng hổi đang đặt ra trên con đường tiến lên của các nước, thì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội không thể tách rời nhau mà gắn bó chặt chẽ với nhau. Nhân dân ta đã tiếp thu sớm chân lý ấy của thời đại vì sẵn có lòng yêu nước nồng nàn và tinh cảm tập thể sâu sắc là những giá trị tinh thần đọng lại trong nền văn hóa dân tộc, trong truyền thống bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước, nay được ánh sáng chủ nghĩa Mác — Lê-nin khơi dậy. Hồ Chủ tịch, tinh hoa của dân tộc, là người Việt Nam đầu tiên kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa xã hội. Hồ Chủ tịch đã nói : « Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản »⁽¹⁾. « Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ »⁽²⁾.

Thấm nhuần tư tưởng vĩ đại ấy, Đảng Lao động Việt Nam⁽³⁾ từ khi mới ra đời năm 1930 cho đến ngày nay đã luôn luôn giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Với ngọn cờ ấy, Đảng đã phát huy đến mức cao nhất sức mạnh của dân tộc, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp vô địch của cách mạng Việt Nam. Chính vì vậy mà nhân dân Việt Nam ta có vinh dự đã đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mĩ, mở đầu quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ và mở đầu quá trình sụp đổ không tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới.

Ngày nay, Tổ quốc ta được hoàn toàn độc lập, đất nước sạch bóng quân xâm lược, non sông thu về một mối, thì dân tộc và chủ nghĩa xã hội thống nhất làm một.

1. Hồ Chí Minh : *Về xây dựng Đảng*, Nhà xuất bản Sự thật Hà Nội, 1970, tr. 82.
2. Hồ Chí Minh : *Vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nhà xuất bản Sự thật Hà Nội, 1970 tr. 229.
3. Nay đổi là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đem lại cho nhân dân lao động quyền làm chủ thật sự và đầy đủ nhất. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới thực hiện được ước mơ lâu đời của nhân dân lao động là vĩnh viễn thoát khỏi cảnh bị áp bức bóc lột, đời rết lầm than để sống một cuộc đời mãi mãi no cơm ấm áo, ngày mai được bảo đảm, một cuộc đời văn minh, hạnh phúc. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới làm cho Tổ quốc ta có kinh tế hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, để mãi mãi độc lập và mãi mãi phồn vinh. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới làm cho Tổ quốc ta thống nhất đầy đủ nhất: thống nhất về lãnh thổ, thống nhất về chính trị và tinh thần, thống nhất về kinh tế, văn hóa, xã hội, thống nhất về quyền lợi và nghĩa vụ, mọi người đoàn kết và thương yêu nhau một cách chân thật và thắm thiết.

Đối với mỗi người Việt Nam chúng ta, yêu nước ngày nay là yêu chủ nghĩa xã hội, là đem hết nhiệt tình, sức lực, trí tuệ và tài năng để xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

LÊ DUÂN

Chú thích:

Bài này trích ở bản báo cáo chính trị quan trọng « Toàn dân đoàn kết xây dựng Tổ quốc Việt Nam thống nhất xã hội chủ nghĩa » (Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976) của đồng chí Lê Duẩn, Tổng bí thư Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt Nam đọc tại kỳ họp thứ nhất của Quốc hội chung cả nước ngày 3 tháng 6 năm 1976. Tên bài trích do người biên soạn sách đặt.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tìm đại ý và bộ cục của bài.
2. Dựa vào lập luận của tác giả, em hãy phân tích vì sao « Con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam là tiến lên chủ nghĩa xã hội » và « Ngày nay, Tổ quốc ta được hoàn toàn độc lập, đất nước sạch bóng quân xâm lược, non sông thu về một mối, thì dân tộc và chủ nghĩa xã hội thống nhất làm một ».
3. Ở một đoạn văn trong bài, tác giả dùng hai tiếng « chỉ có » đứng đầu câu và lặp lại nhiều lần. Em hãy phân tích giá trị nghệ thuật của cách dùng hai tiếng đó.
4. « Đối với mỗi người Việt Nam chúng ta, yêu nước ngày nay là yêu chủ nghĩa xã hội, là đem hết nhiệt tình, sức lực, trí tuệ và tài năng để xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ». Em hiểu câu đó như thế nào và là học sinh, em thấy mình phải làm gì để xứng đáng với lời dạy trên ?

NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Trong quá trình đấu tranh để chinh phục và biến đổi thiên nhiên⁽¹⁾, người lao động Việt Nam cũng sẽ biến đổi bản thân mình theo phương hướng tiến lên, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Với sức mạnh tổng hợp của ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt, chúng ta cần ra sức khắc phục những hạn chế và thói quen do nền sản xuất nhỏ từ đời để lại như cách làm ăn tản mạn⁽²⁾, thiếu đầu óc tổ chức, tư tưởng bảo thủ⁽³⁾, tri thức khoa học và kỹ thuật còn thấp; chủ động bồi dưỡng cho người lao động những phẩm chất kỹ năng mới và kỷ luật lao động và trình độ tổ chức, trình độ quản lý, kiến thức văn hóa và khoa học kỹ thuật, tác phong đại công nghiệp⁽⁴⁾, trình độ làm chủ các tư liệu sản xuất và các phương pháp hiện đại, góp phần xây dựng nên con người mới Việt Nam.

Đó chính là con người mới xã hội chủ nghĩa, sản phẩm của chế độ mới, con người làm chủ tập thể, có tinh thần lao động hăng say, tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa, làm chủ khoa học và kỹ thuật với trình độ ngày càng cao, làm chủ những phương tiện kỹ thuật ngày càng hiện đại, sử dụng những phương tiện ấy với hiệu suất cao, luôn luôn nâng cao năng suất lao động đồng thời không ngừng sáng tạo ra những phương tiện kỹ thuật và những phương pháp công nghệ mới. Đó là con người mới Việt Nam phát triển toàn diện và hài hòa với trình độ ngày càng cao, biến lao động từ lao động đơn giản từng bước trở thành lao động khoa học, như Mác đã từng tiên đoán. Đó là con người có đầy đủ khả năng để phát hiện ra quy luật của thiên nhiên, của xã hội, luôn luôn hành động phù hợp với quy luật; con người làm ra của cải vật chất, sáng tạo ra giá trị văn hóa và tinh thần, con người tự giác và chủ động làm nên lịch sử của dân tộc ta. Đó sẽ là một bước nhảy vọt về vật chất trong nội dung làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân mình của con người Việt Nam.

VÕ NGUYỄN GIÁP

Trích « *Mấy vấn đề về cách mạng khoa học kỹ thuật ở nước ta* » — NXB Sự thật)

Chú thích:

Tại Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng, ngày 19-12-1976, đồng chí Võ Nguyên Giáp đọc tham luận về vấn đề Cách mạng khoa học kĩ thuật ở nước ta. Đoạn trích thuộc phần II của bản tham luận.

(1) *Chinh phục và biến đổi thiên nhiên*: bắt thiên nhiên phải phục tùng ý muốn của con người, thay đổi theo ý muốn của con người để phục vụ đời sống con người.

(2) *Tán mạn*: rời rạc, không tập trung.

(3) *Bảo thủ*: cố giữ những ý kiến, tư tưởng cũ, không chịu tiếp thu cái mới.

(4) *Tác phong đại công nghiệp*: lệ lối làm việc mới theo hướng sản xuất lớn công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Đoạn trích được viết theo kiểu văn nghị luận nào?

2. Tìm ý chính và phân đoạn.

3. Nội dung đoạn trích nêu lên những yêu cầu đối với con người mới xã hội chủ nghĩa: Muốn trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa cần phải phục những tư tưởng, tác phong gì và cần bồi dưỡng những tư tưởng, tác phong gì?

4. Con người mới xã hội chủ nghĩa có những đặc điểm gì nổi bật? Em có suy nghĩ gì về việc tu dưỡng, rèn luyện để trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa?

BÀI ĐỌC THÊM

LÀM THỦY LỢI Ở GIÁP KHẦU (1)

1. Làm thủy lợi là việc làm gian khổ

Khi thì nắng cứ như lửa đốt

Da mặt đỏ au rồi lại sạm đen

Khi mưa dầm, gió bắc liên miên

Chân tay cứ nổi gai tê cứng

Nhào nhoe bùn hoa ngang bụng

Mùi sù vệt ngấm không thể nói là thơm

Vực hòn đất lên, bùn lấm đuôi mày

Có khi ngang chừng, hòn đất vỡ...

Làm thủy lợi là việc làm gian khổ

Nhưng chúng tôi biết ngày mai

Nơi này chẳng còn sù vệt

Và dòng mương cuốn hết mặn chua

Cuốn cả khổ đau lắng đọng từ ngày xưa

Những vật rau vọt lên xanh mát

Su hào tròn căng, cải xèo lá quạt

Cà ăn sượng ngầu đục mắt mương trong

Những con cá mình hoa, những con cá đuôi hồng...

2. Làm thủy lợi là việc làm vất vả

Hòn đất nặng chẳng khác gì hòn đá

Không đùa đâu, hòn đất nặng vác vai

Chạy xuống, chạy lên, quăng ngắn, quăng dài

Đất chẳng thiếu vỏ hà và gốc sù

Sâu bốn thép mai chưa gặp lần đất cũ

Ngón ngang sỏi, cát, rễ cây

Nước vàng cưa, vọt những tia dài...

Làm thủy lợi là việc làm vất vả

Nhưng chúng tôi biết ngày mai

Nơi này chẳng còn chua mặn

Đất lên dần vị ngọt

Và một phần Hà Long sẽ hòa thành đồng

Màu đẹp nhất vẫn là màu lúa chín

Có đảo xa, sắc chiều buông tím

Có cánh bướm, hồng mặt trời lên

Có trăng vàng, anh đứng bên em

Trên bờ vịnh nông nần vị muối.

Hòn Gai 7-11-1970

TRẦN NHUẬN MINH

(Trích *Thơ ca xây dựng chủ nghĩa xã hội*

Nhà xuất bản Giáo dục — 1977)

Chú thích:

(1) *Giáp khẩu*: Vùng bãi lầy sù vệt của vịnh Hạ Long (thuộc thị xã Hòn Gai, tỉnh Quảng Ninh) được cải tạo thành vùng kinh tế mới.

TIẾNG CHỒI TRE

Những đêm hè

Khi ve ve

Đã ngủ
 Tôi lắng nghe
 Trên đường Trần Phú ⁽¹⁾
 Tiếng chổi tre
 Xao xác
 Hàng me
 Tiếng chổi tre
 Đêm hè
 Quét rác...

Những đêm đông
 Khi cơn đông
 Vừa tắt
 Tôi đứng trông
 Trên đường lặng ngắt
 Chị lao công
 Như sắt
 Như đồng
 Chị lao công
 Đêm đông
 Quét rác...

Sáng mai ra
 Gánh hàng hoa
 Xuống chợ
 Hoa Ngọc Hà ⁽²⁾
 Trên đường rực nở
 Hương bay xa
 Thơm ngát
 Đường ta
 Nhớ nghe hoa
 Người quét rác
 Đêm qua.

Nhớ em nghe
 Tiếng chổi tre
 Chị quét

Những đêm hè
 Đêm đông gió rét
 Tiếng chổi tre
 Sớm tối
 Đi về
 Giữ sạch lẽ
 Đẹp lối
 Em nghe!

6-1960
 TÔ HỮU

Chú thích:

Bài thơ in trong tập thơ *Gió lạnh* (Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1961) của nhà thơ Tô Hữu.

(1) Đường Trần Phú: một đường phố lớn ở thủ đô Hà Nội mang tên đồng chí Trần Phú, Tổng bí thư đầu tiên của Đảng. (2) Hoa Ngọc Hà: hoa trồng ở làng Ngọc Hà, một làng trồng hoa ở Hà Nội.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tìm đại ý và bố cục bài thơ.
2. Hình ảnh chị lao công quét rác ở trong bài thơ được khắc họa trong khung cảnh nào, và bằng những đường nét như thế nào? Từ khung cảnh và những đường nét ấy em thấy chị lao công đã lao động với thái độ và tinh thần như thế nào?
3. Từ hình ảnh chị công nhân quét rác được khắc họa như yên rồi đến cảnh "sáng mai ra gánh hàng hoa xuống chợ" và những lời khuyên nhủ chân tình: "nhớ em nghe", tác giả muốn nhắc nhở bạn đọc điều gì về đạo đức, tình cảm cách mạng, về ý thức trách nhiệm đối với cuộc sống?
4. Em có nhận xét gì về âm thanh, nhịp điệu, kiểu câu tạo câu thơ và bố cục của bài thơ? Âm thanh, nhịp điệu, kiểu câu tạo câu thơ và bố cục đó giúp gì cho việc biểu đạt ý thơ?

TIẾNG NÓI BÁC HỒ ⁽¹⁾

Trong hàng mọi người reo ầm lên. Rồi tiếng chân chạy nghe thình thịch. Quyên luyến quyên lay Ngạn:

- Dậy, dậy anh Ngạn!
- Cái gì? Cái gì?

Ngan giật mình, ngờ ngác hỏi.

— Dậy, Bác nói chuyện kia, trời ơi, mau mau đi!

Ngan ngirì bật ngay dậy, vớ tay xách súng. Con Thủy đeo vào cổ anh. Quyên nhảy từ trên phiến đá xuống, chạy nhào về phía có tiếng ra-đi-ô⁽²⁾ đang phát văng vẳng. Ngan cõng con Thủy tất bật chạy theo.

Anh Hai Thép hai tay nâng chiếc « trăn-xi-to »⁽³⁾ đi về góc hang chỗ anh em bị thương. Mọi người ở trong hang vây quanh theo. Anh đi lại gần chỗ Thảm và thằng Bé thì ngồi thụp xuống, mở máy tơ hơn. Trong máy, Hồ Chủ tịch đang nói. Cả hang đang nhốn nháo bỗng im phăng phắc. Chỉ còn giọng Người cất lên, ấm áp, sang sảng:

— Bước sang năm mới dương lịch một chín sáu một, miền bắc đã tròn bảy năm ra sức khôi phục kinh tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Miền nam đã trải qua bảy năm đấu tranh cực kì gay go và anh dũng. Đế quốc Mỹ đang ra sức biến miền nam nước ta thành một thuộc địa kiểu mới của chúng, nhưng đồng bào miền nam nhất quyết không chịu làm nô lệ. Đế quốc Mỹ và bọn tay sai Ngô Đình Diệm đã gây ra không biết bao nhiêu cảnh chết chóc đau thương...

Người vừa nói đến đây thì trong hang đang im phăng phắc bỗng có tiếng khóc òa lên. Đó là tiếng khóc của chị Sứ. Từ nãy giờ, Quyên hết sức cố nén, nay nghe chị mình khóc, cô liền òa khóc theo. Và rồi sau Quyên cả hang đều nức nở, giữa lúc tiếng nói của Hồ Chủ tịch vẫn tiếp tục sang sảng cất lên trên tiếng sụt sùi của mọi người. Tiếng nói của người Cha lớn, vị lãnh tụ yêu kính đời đời đó lan qua các phiến đá, dội lên vòm hang, thấm sâu từng chữ từng lời vào lòng mỗi người. Ai cũng cố nén bớt tiếng khóc của mình để nghe cho hết lời Người nói, nhưng vừa mới nén được thì lời nói của Người lại làm họ khóc lớn hơn...

Mà họ không khóc sao được! Chỉ riêng tiếng nói của Người cũng đã đủ làm cho họ khóc rồi. Huống hồ Người đang nói về họ, nói đúng vào giữa cái hang Hòn xa xôi nhỏ bé này đang diễn ra một trận đấu⁽⁴⁾ cực kì ác liệt.

Họ khóc là phải lắm.

Nhưng đây không phải là những giọt lệ thương. Đây là những giọt lệ lạ lùng nhất đã trào ra khi tiếng nói của Người Cha Việt Nam cất lên, khi hang động ngập tràn cái không khí thiêng liêng kì diệu⁽⁵⁾ khi nước uống đã cạn và trong hang hãy còn nồng nặc mùi khói súng.

Đây là nỗi xúc động thần thánh⁽⁶⁾ chỉ có được trên mảnh đất miền nam rướm máu, nỗi xúc động về lòng tự hào, lòng yêu kính và về sự sung sướng trong đó hình như có pha chút gì xót tủi.

Tiếng của Hồ Chủ tịch vẫn đang nói:

— Mười bốn triệu đồng bào ta ở miền nam đang vùng lên, oanh liệt chống lại đế quốc Mỹ và tay sai. Cuộc đấu tranh ấy có được miền bắc là chỗ dựa vững chắc và được nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới đồng tình, hiện đang ngày càng giành nhiều thắng lợi. Đồng bào ta ở miền bắc luôn hướng về miền nam anh hùng, luôn hướng về miền nam Thành đồng Tổ quốc.

Ngan đang cõng con Thủy đứng sững. Nghe tới đây, anh rung mình, cổ họng nghẹn lại. Quyên nép sát vào vai anh, như tất cả mọi người đang đứng sát lại bên nhau. Bàn tay Quyên cứ mỗi lúc một nắm chặt tay Ngan hơn. Trong kia, anh Thảm gượng một chân còn lại đứng lên. Lưng anh Thảm tựa vào vách hang, hai bàn tay anh bám vịn vách đá, rờ rầu, run run...

Còn thằng bé, nó cũng đã chống cánh tay còn lại, nhòm dáy từ lúc nào. Đẳng sau, chị Sứ đỡ nhẹ lấy vai nó. Trên mặt của hai chị em nước mắt đều rơi lã chã.

ANH ĐỨC
(Trích Hòn Đất)

Chú thích:

(1) Truyện dài Hòn đất của nhà văn Anh Đức miêu tả một cuộc chống càn thẳng lợi của du kích và nhân dân thôn Hòn Đất (thuộc tỉnh Kiên Giang) trong những ngày đầu đồng khởi.

Bây giờ, vào khoảng năm 1961, bè lũ Mĩ — Diệm đã tập trung hơn một ngàn quân được trang bị đầy đủ, tấn công thôn Hòn Đất bé nhỏ vừa mới được giải phóng chưa đầy một năm. Lực lượng của ta gồm 19 người (trong đó có hai em bé và ba phụ nữ), với vũ khí thô sơ và ít ỏi, rút vào hang Hòn. Cuộc chiến đấu giữa hai lực lượng không

ngang sức đã diễn ra trong gần 10 ngày. Với tinh thần anh dũng, kiên trì, và được sự phối hợp đấu tranh của nhân dân bên ngoài, các chiến sĩ trong hang đã đập tan các cuộc tấn công và mọi âm mưu thâm độc của kẻ địch.

... Sau một trận đánh trả, các chiến sĩ trong hang sung sướng và cảm động đón nghe tiếng nói Bác từ qua đài. Đoạn văn trên ghi lại không khí thiêng liêng ấy.

(2) Ra-đi-ô : phiên âm tiếng Pháp, chỉ máy thu thanh.

(3) Tràn-cà-tô : phiên âm tiếng Pháp, chỉ bóng bán dẫn ; thường được dùng để chỉ máy thu thanh bán dẫn.

(4) Trận đấu : chỉ trận chiến đấu.

(5) Không khí thiêng liêng diệu kì : chỉ không khí trang nghiêm kinh cảm khác thường của một người, tương như có phép lạ gây nên.

(6) Xúc động thần thánh : ý nói sự xúc động thiêng liêng, đặc biệt.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tiếng nói ấm áp của Bác Hồ vang lên trong hoàn cảnh nào ? Phân tích những chi tiết thể hiện hoàn cảnh của những người đang nghe Bác nói.

2. Vì sao những người du kích gan dạ ấy phải khóc khi nghe tiếng nói của Bác ? Phân tích nỗi xúc động ấy, liên hệ với hoàn cảnh trên để thấy rõ lòng người dân miền nam đối với Bác Hồ, đối với cách mạng.

3. Phân tích cử chỉ, hành động của Ngọn, anh Thắm, cuối cùng là chị Sáu khi nghe Bác Hồ nói lên trước toàn triệu đồng bào miền nam đang vùng lên, toàn thế giới đồng tình ủng hộ và đồng bào miền bắc luôn hướng về miền nam anh hùng.

BÀI ĐỌC THÊM

ĐỌC THƯ BÁC

Bác lại vào với chúng con
Cửu Long ⁽¹⁾ cuộn sóng, Trường Sơn ⁽²⁾ ngừng đầu
Nắng vàng, lá biếc xôn xao
Tiếng chim hót cũng ngọt ngào khác xưa
Bác vào, sông núi làm thơ
Đêm thêm ánh đuốc, con đò thêm đông
Hầu phương tiến tuyến nước lòng
— Nay quả xuân phải nở tung đồn thù...

Bác lại vào với chúng con
Trần cao hơn ngọn Chư pông ⁽³⁾ điệp trùng

Mắt nhìn thấy biển, thấy sông
Mùa sen Đồng Tháp ⁽⁴⁾ trắng rừng Ba Tơ ⁽⁵⁾

Bác vào mái tóc bạc phơ
Trái tim lớn của quê ta anh hùng

Đất này dù nát bở bom

Vàng lời Bác, pháo càng vươn cao nóng

Vàng lời Bác từng mũi chông

Cũng lao lên chân súng đồng, chiến xa ⁽⁶⁾

Tiến lên! Toàn thắng ở về ta! ⁽⁷⁾

Lá thư Bác bỗng kết hoa trăm vòng

Bác lại vào với chúng con

Giữa mùa chiến dịch trang trời, đường vui

Bác khỏe lắm, Bác mỉm cười

Ôi đêm Hà Nội vọng lời thiết tha

Hồ Gươm ⁽⁸⁾ đầy đỏ không xa

Mà sao thương nhớ bao la không cùng

Bác vào, cờ kiêu hãnh trống rung

Hội mừng chiến thắng đỏ đồng Hàm Rồng ⁽⁹⁾...

Bác lại vào với chúng con

Nghìn năm vẫn nhớ sát son từng lời

Đường lên phía trước sáng rồi...

GIANG NAM
(1968)

Chú thích :

(1) Cửu Long : con sông ở Nam Bộ chia làm chín nhánh để đổ ra biển, nên gọi là sông Cửu Long.

(2) Trường Sơn : dãy núi lớn, chạy dài suốt từ miền Trung Bộ đến miền Đông Nam Bộ.

(3) Ngọn Chư pông : một ngọn núi cao ở miền Nam Trung Bộ.

(4) Đồng Tháp : (Đồng Tháp Mười) : vùng đồng trũng rộng lớn thuộc tỉnh Đồng Tháp ở Nam Bộ, có nhiều hoa sen (Tháp Mười đẹp nhất bông sen, Việt Nam đẹp nhất có tên Cửu Hố). Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Đồng Tháp Mười là căn cứ địa của Nam Bộ.

(5) Ba Tơ : một địa phương miền tây Quảng Ngãi (Nghĩa Bình). Ngày 11-3-1945, sau khi Nhật đảo chính Pháp, những người cách mạng bị Pháp Nhật bỏ tù ở nhà lao Ba Tơ đã nổi dậy, đánh chiếm đồn giặc, lập chính quyền cách mạng và tổ chức đội du kích Ba Tơ.

(6) *Súng đồng, chiến xa* : súng đồng : xưa kia, có thời súng đúc bằng đồng, ở đây dùng chỉ chung về súng ống ; chiến xa : xe quân sự dùng trong chiến đấu.

(7) Câu thơ trong bài thơ chúc mừng năm mới 1968 của Hồ Chủ tịch.

(8) *Hồ Gươm* : (cũng gọi là hồ Hoàn Kiếm), tương truyền Lê Lợi bắt được kiếm dưới hồ lúc khởi nghĩa, khi dẹp xong quân Minh thu hồi Đông Đô (tức là Thăng Long hay Hà Nội ngày nay), đi long thuyền trên hồ này thì có rùa thần nổi lên thu lại kiếm trời.

(9) *Hàm Luông* : tên một cửa sông ở Nam Bộ. Đông xuân 1967 — 1968 quân dân Nam Bộ đã lập một chiến công lớn, tiêu diệt một hệ thống căn cứ nổi của Mĩ.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Phân tích sự biến đổi rục rờ, kì diệu của phong cảnh thiên nhiên và con người, (qua cách nhìn của tác giả) khi thư Bác Hồ vào đến miền nam.

2. Hình dáng giản dị nhưng vĩ đại của Bác được so sánh với thiên nhiên hùng vĩ của miền nam trong nghệ thuật miêu tả. Hãy chứng minh điều đó qua đoạn thơ tiếp theo. « Trái tim lớn » miền nam đã rung động như thế nào khi đón nhận thư Bác ?

3. Phân tích nỗi nhớ mong của đồng bào miền nam đối với Bác Hồ và miền bắc qua đoạn thơ cuối. Niềm tin tưởng, lạc quan được thể hiện như thế nào ?

GỢI LÒNG CON ĐẾN CÙNG CHA

Kính tặng hương hồn Bác

Có Người thợ dựng Thành đồng ⁽¹⁾
Đã yên nghỉ tận sông Hồng mẹ ơi !
Con đi dưới một vòm trời
Đau thương nhưng vẫn sáng ngời niềm tin
Đã ngừng đập một quả tim
Đã ngừng đập một cánh chim đại bàng
Niềm đau vô tận thời gian
Nhờ thương nhưng chờ lệ ⁽²⁾ tràn đầm mi.
Hành trang ⁽³⁾ Bác chẳng có gì
Một đôi dép mỏng đã li chông gai
Cho con núi rộng sông dài
Cho con lười kiếm đã mài nghìn năm

Cho con những ánh trăng rằm
Cho quê hương thấm đượm trăm ân tình.
Bác là Bác Hồ Chi Minh
Qua lòng Bác thăm nghĩa tình bạn ta
Nhẹ nhàng nên Bác đi xa
Bác đi đi mãi vượt qua biên thùy ⁽⁴⁾
Tiếc rằng trước lúc chia li
Con chưa được thấy dáng đi của Người
Hắn trong đôi mắt sáng ngời
Có nguyên vẹn một khoảng trời phương Nam ?
Con qua Cầm Lộ, sông Hàn ⁽⁵⁾
Ngũ Hành Sơn ⁽⁶⁾ đứng mơ màng bóng Cha.
Hỡi Người những đất cùng hoa
Tắm thân bao cuộc xông pha ⁽⁷⁾ trường kl.
Hàng cây Bác đã xanh rì
Bóng râm tỏa mát đường đi loài người
Bác gieo giống bốn phương trời
Một ngôi bứt cũng sáng ngời lưỡi lê.
Bác nằm lòng trái vên đề
Quả tim Bác đã đi về phương Nam
Bác đi dưới rừng dừa lam
Bác đi dưới những vườn cam chín vàng
Cầu treo lắc lẻo Bác sang
Bác bước lẻ làng như thuở còn trai
Bác như ánh nắng ban mai
Chiều nơi bãi râm trường dài con đi,
Những hòn núi đá gan lì
Sắt vai đứng trụ dưới vì sao xanh
Những nông súng thép long lanh
Gạt sương rẽ lá băng nhanh dập dồn.
Bạn từ bãi biển Hi-rông ⁽⁶⁾
Bạn còn đến kịp đề hôn Bác Hồ
Mà con trông đợi Bác vô
Ngắm phương Bắc, nhớ thủ đồ quận lòng
Con xin làm năm đất nông
Chấn đê giữ nước sông Hồng đang lên

Cho con làm một mũi tên
Xoè năm canh nhọn giương trên Thành đồng
Việt Nam ơi! giồng liên rồng
Bốn ngàn năm lấy máu hồng làm hoa
Gởi lòng con đến cùng Cha
Chiến công đại nước kết hoa triêu vông

THU BÓN
Tháng 9-1969

Chú thích:

(1) Thành đồng: đồng, sắt là chất rắn chắc. Các lãnh tụ của ta thường vì miền nam với bức thành đồng. Năm 1946 Bác nói: "Nam Bộ là thành đồng của Tổ quốc". Thơ chúc tết của Hồ Chủ tịch có câu:

"Miền Nam giữ vững Thành đồng" — Ở đây tác giả muốn nói: miền nam vững chắc như một bức thành bằng đồng của Tổ quốc.

(2) Lẻ: nước mắt.

(3) Hành trang: đồ dùng như quần áo, chân mần... đem theo khi đi đường — Ở đây tác giả muốn nói đến đồ dùng của Bác khi Bác lên đường theo tổ tiên...

(4) Biên thùy: miền tiếp giáp giữa hai nước.

(5) Cầm Lê: vốn tên đất Cầm Lê, nhưng có con sông chảy qua vùng này nên con sông đó gọi là sông Cầm Lê. Sông Hàn: tên con sông chảy qua Đà Nẵng, sông Cầm Lê là một nhánh của sông Hàn. Cầm Lê, sông Hàn đều ở tỉnh Quảng Nam — Đà Nẵng.

(6) Ngũ Hành Sơn: tên một chòm núi nằm thành gồm 5 hòn ở tỉnh Quảng Nam — Đà Nẵng (Ngũ Hành Sơn còn gọi là núi Non Nước).

(7) Xông pha: mạnh bạo đi thẳng vào những chỗ khó khăn nguy hiểm, không sợ gì cả.

(8) Hi-rông: tên bãi biển của nước Cu-ba, nơi đây quân và dân Cu-ba đã ghi những chiến công to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Nói đến Hi-rông là nói đến Cu-ba anh hùng và bất khuất.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tìm đại ý và các ý lớn của bài thơ.
 2. Tác giả dùng những hình ảnh nào, từ nào để nói: Bác vừa từ trần? Phân tích những hình ảnh và những từ ấy.
 3. Tác giả khẳng định công đức của Bác đối với dân tộc ta như thế nào? Phân tích nhịp điệu câu thơ.
 4. Tìm hiểu tình cảm của tác giả trong suốt bài thơ.
- Cuối bài thơ tác giả muốn biểu nổi đau thương thành sức mạnh: ý đó được diễn tả bằng những hình ảnh nào?

ÔN TẬP VĂN THƠ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

I — SƠ LƯỢC VỀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Cách mạng tháng Tám thành công, văn học chào đón cuộc đời mới, ca ngợi tự do và độc lập. Tiếp đến là thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 — 1954). Yêu cầu của cách mạng lúc này là đoàn kết mọi lực lượng để kháng chiến cứu nước.

Các nhà văn đi vào thực tế đấu tranh của nhân dân do đó văn học chuyển biến rõ rệt. Văn thơ kháng chiến đã ca ngợi, động viên cuộc chiến đấu cứu nước đầy gian khổ, nhưng vô cùng anh dũng của dân tộc ta. Nhiều tác phẩm có giá trị ra đời đánh dấu những mốc phát triển mới của văn học.

Từ năm 1954 đến nay, văn học chuyển mạnh, phục vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền bắc và sự nghiệp chiến đấu chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền nam, thống nhất nước nhà. Nhiều tác phẩm có giá trị thuộc đủ thể loại: thơ ca, truyện kí, kịch, xuất hiện. Văn thơ từ 1954 đến nay phát triển như một vườn hoa nở rộ, đậm hương, nhiều màu sắc.

II — GIÁ TRỊ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT

Chủ đề lớn bao trùm văn thơ sau Cách mạng tháng Tám là chủ đề yêu nước.

Đó là những bài nghị luận chính trị của Bác Hồ, của các đồng chí Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng... Những bài nghị luận chính trị quan trọng ấy đồng thời là những tác phẩm văn học có giá trị.

Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, « Xung kích », truyện dài của Nguyễn Đình Thi, « Con trâu » của Nguyễn văn Bổng, « Vùng mỏ » của Võ Huy Tâm, « Truyện Tây Bắc » của Tô Hoài... đều ghi lại các mặt chiến đấu anh dũng của nhân dân ta trong cả nước. Từ năm 1954, nền văn học cách mạng đi sâu phản ánh và ca ngợi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền bắc. Những bài « Phìn Sa pháp phối như hội » (Tô

Hoài). «Tổ máy kéo nông trường» (Nguyễn Khải)... đã giới thiệu miền bắc đổi thịt thay da xứng đáng là hậu phương lớn vững chắc trong sự nghiệp chống Mĩ, cứu nước của cả nước

Chủ đề đấu tranh giải phóng miền nam, thống nhất đất nước cũng được thể hiện trong nhiều tác phẩm. Những bài thơ của Thanh Hải, Giang Nam, Thu Bồn... đã ca ngợi miền nam anh dũng, miền bắc ruột thịt và Bắc Hồ vĩ đại... Nhiều nhà văn đã đi vào mũi nhọn cuộc sống, viết nên những tác phẩm có giá trị: «Từ tuyến đầu Tổ quốc», «Sống như anh», «Gia đình má Bảy», «Hòn Đất»...

Về mặt hình thức nghệ thuật, văn thơ sau Cách mạng tháng Tám cũng đã đạt những thành tựu mới. Các nhà văn đã cố gắng học tập vốn ngôn ngữ của nhân dân; học tập cách dùng từ chính xác, cụ thể, cách viết giản dị, linh hoạt.

Bên cạnh những thành tựu về ngôn ngữ là sự phát triển của các thể loại trong văn học. Ngoài thơ ca, truyện, kí và kịch đã phát triển không ngừng. Một số nhà thơ, nhà văn đã học tập, phát huy truyền thống của văn học dân gian. Tố Hữu, Thanh Hải, Giang Nam, Thu Bồn... đã thành công trong việc sử dụng các thể thơ dân tộc.

III — KẾT LUẬN

Văn thơ Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám phong phú về nội dung, dồi dào về số lượng và có nhiều bước phát triển đáng kể về mặt hình thức nghệ thuật, nên đã góp phần xứng đáng vào kho tàng văn học dân tộc và sự nghiệp cách mạng chung của cả nước.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Giá trị nội dung và nghệ thuật của văn thơ Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám? Kể những tác phẩm tiêu biểu và nhà văn tiêu biểu.
2. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ cứu nước, văn thơ Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám là vũ khí sắc bén. Hãy chứng minh.

MỤC LỤC

Thứ tự	TÊN BÀI	TÁC GIẢ	Số tiết	Số trang
A. VĂN THƠ DÂN GIÀN:				
1	Tục ngữ, ca dao về gia đình và xã hội		1	3
2	Ca dao chống Mĩ, cứu nước		1	4
	Bài đọc thêm: Lòng dân đối với Bắc Hồ		1	5
3	Đến Hùng và thành Thăng Long		1	6
4	Hồ Huê		1	8
5	Dân ca Nam Bộ		1	9
6	Nghệ thuật sân khấu dân gian:			
	Tuồng Nghêu, Sò, Ốc, Hèn		1	10
	Bài đọc thêm: Quan huyện xử kiện			11
7	Ôn tập văn thơ dân gian		2	14
B. VĂN THƠ CỔ:				
8	Sông núi nước Nam	Lí Thường Kiệt	1	21
9	Hịch tướng sĩ	Trần Quốc Tuấn	2	22
10	Bài Cáo Bình Ngô	Nguyễn Trãi	3	27
	Bài đọc thêm: Nguyễn Trãi, người anh hùng của dân tộc			
	Bài đọc thêm: Quang Trung đại phá quân Thanh	Phạm Văn Đồng		34
11	Nguyễn Du — Truyện Kiều	Ngô Gia Văn Phái		38
12	Cảnh mùa xuân	Nguyễn Du	2	41
13	Gia đình Thúy Kiều mắc oan	Nguyễn Du	1	43
14	Nguyễn Đình Chiểu — Lục Vân Tiên	Nguyễn Du	2	45
15	Lục Vân Tiên đánh cướp	Nguyễn Du	2	48
	Bài đọc thêm: Dù đi mà giữ đạo nhà	Nguyễn Đình Chiểu	1	50
16	Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc	Nguyễn Đình Chiểu		53
17	Mùa thu cầu cá	Nguyễn Đình Chiểu	2	55
	Bài đọc thêm: Hội Tây — Vinh mùa thu	Nguyễn Đình Chiểu		61
18	Lên đồng	Nguyễn Khuyến	1	63-65
	Bài đọc thêm: Chúc tết — Hà Nam tức sự	Nguyễn Khuyến		67
19	Ôn tập văn thơ cổ	Trần Tế Xương	1	65-66
		Trần Tế Xương		67

Thứ tự	TÊN BÀI	TÁC GIẢ	Số tiết	Số trang
	C. VĂN THƠ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM:			
20	Chú Lũy liên lạc	Nguyễn Đình Thi	1	72
21	Trâu về	Nguyễn Văn Bổng	2	75
22	Một cuộc đình công ở vùng mỏ	Võ Huy Tâm	2	79
23	Hiếu lòng mẹ ta	Nguyễn Thi	1	84
24	Dũng sĩ Điện Ngọc	Ng. Trung Thành	2	86
	<i>Bài đọc thêm: Chiến sĩ ta ngày nay</i>	Nguyễn Đình Thi		90
25	Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới	Hồ Chí Minh	2	93
	<i>Bài đọc thêm: Gặt lúa giúp dân</i>	Chu Văn		94
26	Phân sa phấp phới như hội	Tô Hoài	2	98
27	Tò máy kéo nông trường	Nguyễn Khải	2	101
28	Con đường phát triển của cách mạng Việt Nam	Lê Duẩn	2	104
29	Người lao động Việt Nam	Võ Nguyên Giáp	2	107
	<i>Bài đọc thêm: Làm Thủy lợi ở Giáp Khẩu</i>	Trần Nhuận Minh		108
30	Tiếng chó tre	Tô Hữu	2	109
31	Tiếng nói Bác Hồ	Anh Đức	2	111
32	Đọc thư Bác	Giang Nam	1	114
33	Gởi lòng con đến cùng Cha	Thu Bốn		116
34	Ôn tập văn thơ sau Cách mạng tháng Tám		2	119

Nhóm biên soạn chính II (lần in thứ năm — 1979)

NGUYỄN TRÍ
NGUYỄN NGHIỆP
LÊ KHÁNH SÂN

nuongmaitruongxua.v

TRÍCH GIẢNG
VĂN HỌC
LỚP TÁM PHỔ THÔNG
NHÀ XUẤT BẢN
GIÁO DỤC

In 40 000 cuốn
khổ 14,5 x 20,3cm

tại nhà máy in TRẦN PHÚ
Thành phố HỒ CHÍ MINH

In xong tháng 3-1985
Nộp lưu chiều tháng 3-1985

Giá : 4đ00